

NGÀY 1 THÁNG 3 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

NGUYỄN - HỮU - DUNG Các chủ trương trung
lập hóa Miền Nam • VŨ - HẠNH ĐƯA
CON CỦA NÀNG KIỀU • ĐÀO - QUANG -
HUY Rostow và Marx trong thuyết tiến hóa
xã hội • NGUYỄN - NGU - Í cuộc tranh đấu
của đại học Huế theo lời thuật của giáo sư
Lê - Tuyên • NGUYỄN - PHƯƠNG cuộc chú và
thư lục • VÕ - QUANG - YẾN một tuần không
gian • NGUYỄN - NHO - SA - MẠC những bài
thơ cuối cùng • LUÂN - HOÁN tưởng niệm •
HỒ - HỮU - TƯỜNG **TRẦM TƯ CỦA MỘT
NGƯỜI TỘI TỬ HÌNH** • HOÀNG - ĐÔNG -
PHƯƠNG vòng tay học trò • Y - UYÊN đám
cưới • ĐOÀN - THÊM thủy triều V • NGUYỄN -
VẠNG - HỘ số đất cần cho một người •
CÔ PHƯƠNG - THẢO
đọc « Hình bóng
cũ » của Sơn - Nam •

172

Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{IE} F^{ME} DES DISTILLERIES DE L. I. C. DiC

EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮG — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghĩ (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

858, Đại-lộ Không-Fa (Bd Gaudot)

Điện thoại : 26.268 và 26.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thà, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÀNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỰ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 \$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần: THỨ BA và THỨ BẢY

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba: Khởi hành tại SAIGON: 08 g 30

Mỗi thứ Bảy: Khởi hành tại SAIGON: 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÀNG DU LỊCH HAY:



**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116, NGUYỄN HUỆ, SAIGON, Đ.T. 21.624, 21.625, 21.626

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Số thương mại Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON No 27.04



TRỤ SỞ : 39, Bn Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35, 36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi nhánh : Hàng lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207



HAM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG

MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VÉ

XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 80.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Peterson Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE



SUCCURSALE DE SAIGON :

nr, Bn Chuong Duong

Téléphone : 21.632-21633



AGENCE DE CHOLON :

nr8, 441-14 Dong-Khanh

Téléphone : 38.266

AGENCE DE CA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIEGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET
NAM

SAIGON

AGENCE : 32, Dai - Lô Hàm - Nghi —
Tél : 20.065, 20.066, 20.067.

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lê-
Thanh - Tôn (Marché cen-
tral) — Tél. : 22.142.

— : 415 - 417, Duong Hai Ba
Trung (Tân-Dinh) — Tél. :
25.172.

CHOLON : AGENCE : 386, Dai - lô Đông - Khanh
(Cholon) — Tél. : 86.105.

KHANH-HUNG : AGENCE : 23, Duong Hoang-Dieu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON

TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 172 ngày 1-3-64

NGUYỄN HỮU DUNG vì đâu có chủ trương trung lập hóa Việt-Nam?	3
VŨ HẠ H đứa con ủ nang Kiều	15
ĐÀO QUANG HUY Rowan và Marx trong thuyết tiến hóa xã-hội	21
NGUYỄN NGU Í cuộc tranh đấu của đại học Huế theo lời huật của giáo sư Lê Tuyên	27
NGUYỄN PHƯƠNG G cuộc chú và thư lục	49
VÕ QUANG YẾN một tuần không gian	57
NGUYỄN NHỎ SA MẠC sinh nhật — xuân của một người — cuộc đời — quê hương (thơ)	62
LUÂN HOÁN hoài niệm (thơ)	66
HỒ HỮU TƯỜNG trầm tư của một người tội tử hình	67
HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG vòng tay học trò (truyện dài)	73
Y UYÊN đám cưới	81
ĐOÀN THÈM thủy triều V (thơ)	88
NGUYỄN VẠNG HỘ số đất cần cho một người (dịch L.Tolstoi)	90
CÔ PHƯƠNG THẢO đọc « Hình bóng cũ » của Sơn Nam	95

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

Mặc cảm bị trị

HƯƠNG-TỬ

Lịch-sử và Triết-lý Zen ở Việt-Nam

ĐOÀN-VĂN-AN

Rostow và Marx trong thuyết Tiến-Hóa

xã hội

ĐÀO QUANG HUY

Nói về xuất-xứ danh-từ hai chữ nhân-sĩ

PHI-Y-TỬ

Các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại

VÕ PHIẾN

Nhiễm-sắc-thề và di-truyền tính

VÕ QUANG YẾN

Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám

Anh

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Giao diềm sinh-vật điện-tử

CÔ LIÊU

Biện chứng pháp và nhân bản học

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Đàn hòa và Xá-Lợi

NGUYỄN VĂN THƯ

Hai giờ với một nhân viên ban đại
diện trung ương lâm thời Phật-giáo

Hòa-Hảo

NGUYỄN-NGU-Í

Nhạc Việt xứ người (Lá thư

Bruxelles)

MỘNG-TRUNG

Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénit-

syne)

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Đi vào « Sốc »

SƠN NAM

Vòng tay anh (truyện ngắn)

TÚY HỒNG

Những người chết chưa chôn (truyện

ngắn)

YÊN-HY-BA

An ủi (truyện ngắn)

LÊ-TẮT-ĐIỀU

Vì đâu có chủ-trương trung-lập hóa Việt-Nam ?

(tiếp theo Bách-khoa số 170 và 171)

CÁC CHỦ-TRƯỞNG TRUNG-LẬP KHÁC CHỦ TRƯỞNG CỦA CỘNG-SẢN

KHÔNG phải chỉ có Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam do Cộng-Sản Bắc-Việt chỉ phối mới chủ trương trung lập. Một số người trí thức khác, trong nước và ngoài nước, cũng chủ trương như vậy ta có thể chia họ ra thành hai loại :

— Những người có liên lạc với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, hoặc vì nghĩ rằng Mặt Trận này không phải là một tổ chức Cộng-sản, hoặc vì hy vọng rằng có thể lợi dụng được các phần tử « quốc gia » trong tổ chức ấy để chấm dứt một cuộc chiến tranh đã kéo dài quá lâu và để thiết lập, sau khi đình chiến, một chế độ dân chủ trong đó Đảng Cộng Sản chỉ là một đoàn thể chính trị cũng như các đảng quốc gia khác.

— Những người không có chút liên lạc nào với Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam hay với Bắc-Việt, nhưng

nghĩ rằng giải pháp trung lập là giải pháp chính trị duy nhất để ổn định tình trạng Việt-Nam ; nếu cần thì tìm một danh từ khác với khẩu hiệu « trung lập » để khỏi bị cản trở bởi nghĩ hoặc mà danh từ trung lập sui nên.

Đối với những người nghĩ rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không phải là một tổ chức Cộng-sản, thiết tưởng các tài liệu trình bày ở trên đã đủ để chứng tỏ sự nhầm lẫn của họ.

Những người không Cộng sản và chủ trương trung lập nói trên đây đã hoạt động tại Pháp và Nam-Việt từ ba năm nay và đang hoạt động ráo riết hơn. Lập luận của họ có thể tóm tắt dưới năm nét chính sau đây, với một ít chi tiết thay đổi sẽ nói tới sau :

1. — Ông Ngô-Đình-Diệm và gia đình cùng bè lũ tay sai cần duy trì chiến tranh để hạn chế dân chủ đang củng cố quyền hành. Vì vậy Chính Phủ Diệm không chịu điều đình, không

chịu tiến tới một giải pháp chính trị. Vì vậy chiến tranh cứ tiếp tục mãi, không trông thấy hy vọng chấm dứt.

2. — Hoa-Kỳ cũng muốn tiếp tục chiến tranh vì lẽ nếu thực hiện được hòa bình thì Hoa-Kỳ không còn lý do để duy trì quyền hành tại Nam-Việt và tại bán đảo Đông-Dương. Nếu đình chiến thực sự tại Nam-Việt, tình trạng Ai-Lao sẽ ổn định (Hoàng-Thân Phouma thường nhắc tới luận điệu này), Hiệp Ước Phòng thủ Đông-Nam-Á sẽ không còn lý do tồn tại và ảnh hưởng của Hoa-Kỳ cũng sẽ kết liễu với Hiệp Ước S. E. A. T. O. Tham vọng của Hoa-Kỳ hợp với tham vọng của gia đình ông Ngô-Đình-Diệm, do đó Hoa-Kỳ giúp đỡ ông Diệm và chiến tranh cứ tràn lan mãi.

3. — Nay ông Diệm và ông Nhu đã chết, tình trạng Nam-Việt vẫn không thay đổi vì chính quyền hiện tại vẫn lệ thuộc Hoa-Kỳ nên phải theo chính sách của Hoa-Kỳ và tiếp tục chiến tranh.

4. — Nhân dân sợ Cộng-sản, do đấy dư luận dễ bị huyền hoặc bởi các luận điệu của Hoa-Kỳ và của các nhà chức trách Nam-Việt. Sự thực Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam gồm nhiều phần tử ái quốc không Cộng sản chút nào và sẵn sàng chia ly với Cộng sản nếu ta biết tới họ. Nếu Mặt Trận ấy có bị Cộng-sản chi phối trong hiện tại thì cũng không phải là một lẽ khiến dư luận phải hoang mang : các nhà chức-trách miền Bắc vẫn là người Việt-Nam, họ rất nghi kỵ đối với Trung-Cộng và không quên kẻ thù truyền thống là người Trung-Hoa, họ không mong gì

hơn là được các « đại cường không đế quốc » bảo đảm cho nền trung lập để thoát khỏi ảnh hưởng của Trung-Cộng.

5. — Nếu không nhận giải - pháp trung lập thì chiến tranh sẽ kéo dài mãi. Không giải quyết được bằng quân sự thì phải giải quyết bằng chính trị. Nếu không kháng từ chối một giải-pháp chính trị thì sau này sẽ lâm vào một ngõ bí có lợi cho Cộng-sản.

Lập luận trên có giá trị ở điểm được trình bày thành một hệ thống, nhưng không hoàn toàn sát thực và sát lý về những lẽ sau đây :

a) Người ta đã nói đúng khi lập luận rằng ông Diệm cùng gia đình đã luôn luôn dựa vào tình trạng chiến-tranh để hạn chế dân - chủ và lợi dụng nhân dân, ông Diệm đã lợi dụng chiến tranh để xin viện trợ Hoa-Kỳ đang củng cố quyền hành cũng như trước ông, Pháp đã dựa vào chiến tranh chống Cộng để xin Hoa-Kỳ viện trợ đang củng cố chế độ đế quốc. Nhưng ai sinh ra chiến tranh ?

Nhất định chiến tranh Nam Việt không phải do ông Diệm sinh ra. Bảo rằng nhân dân đã phải gây chiến để chống lại một chế độ tàn ác thì không đúng : Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là một tổ chức Cộng - sản như trên đã trình bày và chiến tranh Nam-Việt đã do Mặt Trận ấy gây nên. Nhân dân miền Nam uất ức với ông Diệm thực, nhưng nếu không có chiến tranh thì nhân dân đã chống lại bằng cách khác chứ không phải bằng cách tự khủng bố, tự phá hoại, tự mình du kích mình.

Những người gây chiến tại miề

Nam chính là những người đã tiếp tay cho gia đình nhà Ngô. Nói đúng sự thực, hai bên đều lợi dụng. Việt-Cộng lợi dụng những nhằm lẫn và tội lỗi của ông Diệm để gây chiến tranh, rồi ông Diệm đã lợi dụng chiến tranh do Cộng-sản sui nên để củng cố chế độ gia đình trị. Nếu không có chiến tranh, có lẽ nhân dân miền Nam đã lật đổ ông Diệm lâu rồi, có lẽ Hoa-Kỳ đã bỏ rơi ông Diệm lâu rồi.

b) Bảo rằng Hoa-Kỳ cần kéo dài chiến tranh để duy trì uy thế tại Bán Đảo Đông-Dương thì là một điều đã bị các yếu tố thời sự phủ nhận. Giải pháp Ai-Lao đã được đem ra thử-thách vì Hoa-Kỳ và Liên-Xô đã thỏa thuận với nhau tại Vienne năm 1961, đôi bên muốn dùng Ai-Lao làm một thí điểm để giải quyết các chiến tranh địa phương tại Đông-Nam-Á (xin xem Bách-Khoa số 160 đề ngày 1-9-1963). Hoa-Kỳ đã sốt sắng đi tìm một giải-pháp đến nỗi đối xử một cách rất tàn nhẫn với Chính-phủ Ai-Lao hồi ấy, bất chấp sự chống đối của chính-phủ này và bất thần rút hết viện trợ, kể cả viện trợ quân sự, để ép buộc Hoàng Thân Oum Boum phải nhận giải pháp trung lập. Nếu Cộng-sản tỏ ra biết điều tại Ai-Lao, có lẽ Hoa-Kỳ đã ép-buộc Chính-Phủ Nam-Việt chấp thuận giải pháp trung lập rồi. Vậy không phải là Hoa-Kỳ muốn kéo dài một chiến tranh tổn người và hao của cho cả Hoa-Kỳ.

Nói về quân sự, bảo rằng Hoa-Kỳ cần tới miếng đất Nam-Việt này, cần tới Hiệp-Uớc Phòng-Thủ Đông-Nam-Á, để thiết lập hệ thống phòng thủ ngoại diện của Hoa-Kỳ, thì là một

điều lạc hậu. Từ khi có nhiều loại hỏa tiễn liên lục địa, có tiềm thủy đình nguyên tử phóng hỏa tiễn Polaris, Hoa-Kỳ không cần duy trì các căn cứ quân sự như trước, cho đến cả các căn cứ tại Tây-Âu Hoa-Kỳ cũng không thiết tha: một trong những mục đích của Kế-Hoạch Nguyên-Tử Đa-phương là giảm bớt các căn cứ quân sự hải ngoại. Tại Thái-Bình-Dương, Nam-Việt chưa bao giờ là một căn cứ của Hạm-Đội thứ 7. Về phương diện quân sự, quan niệm « Việt-Nam là chìa khóa của Đông-Nam-Á » đã lỗi thời rồi.

Nhưng về phương diện chính trị, quan niệm ấy còn có giá trị tương-đối. Nếu Hoa-Kỳ bỏ rơi Nam-Việt thì lần lượt các quốc-gia khác tại Đông-Nam-Á cũng sẽ thua Cộng-sản, và Hoa-Kỳ sẽ mất nhiều uy tín vì bỏ rơi một đồng minh. Hoa-Kỳ cần giúp Nam-Việt vì lẽ ấy và theo đúng chiến lược « đắp bờ » của Hoa-Kỳ để chống lại chiến lược « vết dầu loang » của Liên-Xô. Cố Tổng Thống Kennedy đã từng tuyên bố: Hiệp-Chúng-Quốc sẽ không để cho Cộng-sản chiếm thêm một quốc-gia nào nữa bằng võ lực. Hoa-Kỳ « đắp bờ » để ngăn cản Cộng-sản, không phải vì uy thế quốc gia hay vì quyền lợi kinh tế, mà là vì Hoa-Kỳ chủ trương: Tranh đấu cho Tự-Do cũng là tranh đấu cho Hòa Bình Thế Giới; Tự Do và Hòa Bình bất khả phân ly (La Liberté et la Paix sont indivisibles).

Nói rằng Hoa-Kỳ đi đôi với ông Diệm để gây chiến và ủng hộ ông Diệm tới cùng, thì cũng không đúng. Ai cũng biết những áp lực mà Hoa-Kỳ đã

dùng trong mấy năm vừa qua để bó buộc ông Diệm phải thay đổi chính sách, phải tôn trọng dân chủ, tiếc rằng Hoa-Kỳ với một tâm lý thực thể (pragmatisme) đã thiếu tế nhị nên ông Diệm đã tồn tại được quá lâu. Điều đó, những người Việt-Nam sống trên đất Nam-Việt đã phải trả một giá quá nặng, và chỉ có những chính khách Việt-Nam ở ngoại quốc là không biết tới thôi.

c) Nay ông Diệm không còn trị vì nữa. Các người chủ trương trung lập nghĩ rằng chế độ hiện tại vẫn lệ thuộc Hoa-Kỳ nên phải tiếp tục chiến tranh. Trước hết và như trên đã trình bày, Hoa-Kỳ không chủ trương chiến tranh. Hoa-Kỳ giúp những « quốc gia muốn chống và có điều kiện chống cộng sản » để « lấp bờ » chứ không phải để đưa chiến tranh qua biên giới (trường hợp Đại-Hàn và Đài-Loan). Sau nữa Nam Việt bó buộc phải « tiếp tục ứng chiến » chứ không phải muốn « kéo dài chiến tranh » vì chiến tranh do Bắc-Việt chỉ huy và tiếp tế (xin xem Bách-Khoa số 170 đề ngày 1/2/64, tờ trình của Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến).

d) dư luận trong nước rất e dè đối với hai chữ « trung lập » vì lẽ nhân dân trực giác rằng nếu trung lập thì sẽ lọt vào gông cùm Cộng sản. Quyết nghị của Hội Đồng Nhân Sĩ chống trung lập đã phản ánh đúng dư luận. Ít lâu nay, mấy cuộc biểu tình, một số khẩu hiệu và vài lời tuyên bố đã vô tình gây nên một không khí hoang mang, khiến dư luận tưởng nhầm rằng đã có biến cố hay sự kiện nào họ không biết rõ và sắp đưa tới tình trạng trung lập, thậm

chỉ có tin đồn rằng tướng này hay ông nọ đã ngã theo trung lập. Điều đó tai hại nhưng có một ý nghĩa: đa số hoang mang vì họ thực thà coi trung lập là một nguy cơ. Sự thực, chưa có một sự kiện cụ thể nào cho phép nghĩ rằng phe trung lập sẽ thắng trong một thời gian ngắn. Trung-lập chưa phải là một nguy cơ khẩn cấp, chỉ là một « nguy cơ có thể » vì vậy cần lưu tâm một cách đứng đắn, đúng mức.

Các người chủ trương trung-lập lập luận rằng cần trình bày cho dư luận rõ: Trung-lập không phải là cộng-sản, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam có những phần tử quốc-gia sẵn sàng chia ly với cộng-sản. Phần đầu bài này đã trình bày rằng giải pháp trung lập của M. T. G. P. M. N. chỉ là một chiến thuật để thu hút miền Nam vào quỹ đạo Cộng-sản. Gây chia rẽ giữa các phần tử quốc gia và Cộng-sản trong Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ là một hy vọng không dựa vào một sự kiện khách quan nào.

Bảo rằng các nhà chức trách miền Bắc rất nghi kỵ đối với Trung-Cộng thì đó là một điều có thể đúng có thể sai vì chưa ai nêu được ra những bằng chứng cụ thể. Chỉ biết rằng hiện giờ thái độ của Việt-cộng rất mập mờ nhưng có vẻ thiên về Trung-Cộng hơn Liên Xô, có lẽ vì lý do địa-dư. Nếu giúp cho Việt-Cộng thoát khỏi vòng chi phối của Trung-Cộng để cố kết hơn với Liên-Xô thì phòng có ích gì cho ta?

Tình trạng chiến tranh tại Nam-Việt đã do Việt Cộng sui nên, tại sao lại đổ cả trách nhiệm lên Nam-Việt? Tại

sao lại chỉ đặt vấn đề với Nam-Việt coi như Nam-Việt sắp thua rồi trong khi chính các ông trung lập và Việt-Cộng cũng lập luận rằng hiện giờ còn thể quân bình và Hoa-Kỳ đang giúp đỡ Nam-Việt mạnh hơn?

Tại sao không đặt vấn đề với cả Bắc-Việt và hỏi Việt-Cộng: «Các ông đã hy vọng giải quyết bằng một cuộc chiến tranh nổi da nấu thịt, bây giờ các ông đã nhận thấy rằng các ông không giải quyết được bằng giải pháp quân sự, tại sao các ông không tự ý chấm dứt chiến tranh, việc đó chỉ tùy ở các ông? Các ông muốn điều đình trước một tình trạng đã rồi do các ông gây ra, nhưng các ông không muốn điều đình theo lối thông thường, các ông muốn bắt chúng tôi điều đình dưới áp lực quân sự của các ông để dựa vào tổ chức chính quyền miền Nam một «con ngựa thành Troie». Điều đó chúng tôi không nhận được. Các ông còn giải pháp nào nữa không?»

Việt-Cộng không có giải pháp nào khác, và Việt-Cộng sẽ tiếp tục chiến tranh. Đó là điểm mà nhóm trung lập Nam-Việt dựa vào coi như «đình chiến» là một mục đích, một cứu cánh; chúng tôi sẽ xin nói tới sau.

Một số người trung lập không có liên lạc nhưng không bị chi phối bởi cộng sản, chịu nhận rằng tại Nam-Việt đa số nhân dân chống đối giải pháp trung lập vì họ sợ Cộng sản. Danh từ «trung lập» khiến nhiều người lên tường tới Cộng Sản và sinh lo ngại, vậy bây giờ nên bỏ danh từ trung lập và tìm kiếm một danh từ khác, thí dụ

«đình chiến», «tái lập hòa bình», «giải pháp chính trị».

Những người này chủ trương hai điểm sau đây cũng là những điều mà Hãng Thông Tấn Pháp A.F.P. đã loan tin, mà tờ Journal d'Extrême Orient phát hành tại Saigon đã đăng tải, và là dịp khiến cho Hội Đồng Nhân Sĩ đã phải minh định lập trường đối với Trung-lập và đối với Pháp:

1.) Công nhận hai nước Việt-Nam khác nhau, đều độc lập và đều có chủ quyền. Sau một thời gian đình chiến và sống chung hòa bình, hai bên sẽ điều đình với nhau để tìm một giải pháp thống nhất;

2.) Nam-Việt sẽ áp dụng một chính sách ngoại giao không thiên về Khổ nào, và Nam-Việt sẽ không ký kết một Hiệp Ước Quân Sự nào.

Hai điểm trên hợp với một lời tuyên bố hồi tháng 8 năm 1963 của tướng De Gaulle, đúng lúc tình hình Nam-Việt đang rối ren: trong khi thế giới và nhân dân Nam-Việt xác quyết vì những hành động tàn bạo của gia đình nhà Ngô đàn áp Phật Giáo. Tướng De Gaulle không đã động tới Nhân Quyền lại nói chuyện thống nhất. Việc ông Diệm diệt trừ Phật Giáo có phải là kết quả của tình trạng chia sẻ đất nước đâu!

Nối tiếp lời tuyên bố ấy khiến người ta có thể hiểu rằng nước Pháp muốn «câu trong nước đục» là thái độ ngập ngừng của Pháp trong việc công nhận chế độ mới tại Nam-Việt, chỉ dựa vào những lý do hủ tục «kéo từ tóc ra» theo ngôn ngữ của Pháp. Hành động của Chính-phủ Pháp

khiến cho nhiều người, kể cả Hãng Thông-Tấn Pháp A.F.P., nghĩ rằng Tướng De Gaulle, sau một thời gian không muốn nghe nói tới Đông-Nam-Á, bây giờ muốn gây lại thế lực tại Bán - đảo Đông - Dương. Thế lực của Pháp tại Nam-Việt là chút cảm-tình để lại trong giới trí thức, vốn cảm tình ấy đã sút giảm vì lời tuyên bố của Tướng De Gaulle và thái độ ngập ngừng đợm ý trích thượng của Chính-phủ Pháp.

Vì vậy những người Việt - Nam trung lập và thân Pháp đã không dám nói ra lập trường thân Pháp của họ trong chủ trương trung lập mà họ trình bày. Nếu sau này Pháp có những hành động cụ thể — thí dụ như vận động ngoại giao cho Việt-Cộng hoặc lợi dụng tình thân với Cam - Bốt để giúp đỡ các phần tử vô trang của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam — thì lập trường trung lập của các người thân Pháp sẽ còn áp ứng nữa.

Điểm 10) nói trên đưa tới những nhận xét sau đây. Cả Nam và Bắc-Việt đều chưa bên nào công nhận nguyên tắc có có hai nước Việt - Nam. Tuy nhiên Nam - Việt đã bó buộc thi hành những điều khoản trong Hiệp-Uớc Genève 1954 liên-quan tới việc thực hiện đình chiến, và từ ngày ấy tới bây giờ Nam - Việt không làm gì để tổn hại tới hòa bình tại Nam và Bắc-Việt. Tình trạng chiến tranh tại Nam-Việt đã do Cộng-sản gây ra. Nếu Bắc-Việt đình chỉ mọi hành động gây hấn và rút khí giới về miền Bắc thì tình trạng đình chiến sẽ được tái lập, tạo điều kiện thuận tiện hơn cho một giải pháp chính trị. Hiện

giờ Việt-Cộng đang uy hiếp Nam-Việt bằng quân sự, nếu điều đình thì là điều đình dưới một áp lực, do đó không thể nói tới một « giải pháp điều đình ».

Điểm 20) bó buộc ta phải nhắc tới hiện trạng của các quốc gia trung lập, các quốc gia này có thể chia thành hai loại. Một loại « cứng » gồm những nước áp dụng một chính sách ngoại-giao trung lập (kể cả trung lập thiên Nga) nhưng trong quốc-nội hoặc không có một đảng Cộng - sản, hoặc đảng Cộng-sản không đủ mạnh để uy hiếp chính quyền, hoặc đảng Cộng-sản không chịu mệnh lệnh của cả Liên - Xô lẫn Trung-Cộng. Đó là trường hợp của Ai-Cập, của Ấn - Độ, của Nam - Tư, của Áo-Quốc v.v . . . , những nước này không bị Cộng-sản lợi dụng chính sách ngoại giao trung lập để gây loạn.

Loại trung - lập thứ hai là loại « mềm » gồm các quốc gia có một đảng cộng-sản mạnh, uy hiếp được chính-phủ và nhận lệnh của Mạc-Tư-Khoa hay Bắc Kinh; các quốc gia trung lập loại này là lợi địa để Cộng-sản thực hiện chiến thuật Rakosi. Cái chết thảm thương của Thủ Tướng Bénès (Tiệp Khắc) và cuộc tàn sát đẫm máu Buy-Đa-Bét (Hung-Gia-Lợi) cho ta thấy số phận của các quốc gia trung lập loại mềm. Gần ta hơn, tình trạng rối loạn tại Ai-Lao là bằng cứ chứng tỏ rằng không thể áp dụng một chính sách ngoại giao trung lập nếu trong nước có một tổ chức Cộng-sản sẵn sàng cướp quyền.

Một số người Pháp ở Saigon và ở Pháp muốn tưởng tượng cho Việt-

Nam Thống-Nhất một tương lai trung lập đẹp đẽ như Áo-Quốc. Áo-Quốc thuộc loại « cứng » vì trên đất Áo không có một đảng Cộng-sản mạnh và tình trạng Tây-Âu không phải là tình trạng Đông-Nam-Á. (1)

Nam-Việt ở trong tình trạng không thể áp dụng một chính sách ngoại giao trung lập đặt quan hệ ngoại giao với cả hai Khối. Bắc-Việt thuộc khối Cộng-Sản, điều đó không ai cãi được, và Khối Cộng-Sản vẫn tự cho mình là một khối nhất phiến trong đó các quốc gia Cộng-sản phải theo mệnh lệnh của quốc gia dẫn đạo, khi trước là Liên-Xô, bây giờ là Liên-Xô và Trung-Cộng.

Nam-Việt có thuộc khối nào không? Tại sao lại chỉ đặt cho Nam-Việt điều kiện không được gia nhập Khối nào?

Nếu bảo rằng « nhận viện-trợ » là « nhập khối » thì không phải chỉ có Nam-Việt mà là một nửa quốc-gia trên thế giới đã nhập một khối. Có nhiều Khối lắm, Khối Hoa-Kỳ, Khối Liên-Xô, Khối Anh - Cát-Lợi, Khối Pháp, Khối Nhật, Khối Úc, Khối Gia-Nã-Đại... Khối Cô-lôm-Bô và Việt-Nam thuộc nhiều khối quá thành ra « vô khối ».

Về phương diện chính trị và ngoại giao hiện giờ Nam-Việt không theo Khối nào cả. Nam-Việt không phải là hội-viên Liên-Hiệp-Quốc nên không thể sử dụng lá phiếu để đoàn kết với Khối nào. Và chẳng tại Đại-Hội-Đồng Liên-Hiệp-Quốc ta vẫn thấy các quốc-gia Cộng-sản lý luận như nhau, bỏ phiếu giống nhau, còn các quốc-gia quen gọi là thuộc « Thế-Giới Tự-Do » thì ý-

kiến luôn luôn dị đồng.

Về phương diện quân sự, Nam-Việt không thuộc Khối nào hết, không ký kết Hiệp-Uớc quân sự nào cả, và không đem quân đi đánh nhau ngoài đất nước. Nam-Việt bị uy-hiệp quân-sự nên phải nhận viện trợ quân sự, có thể thôi.

Thành thử vấn đề đặt ra dưới khẩu hiệu « chính-sách ngoại-giao trung-lập không thuộc Khối nào, không gia-nhập một Hiệp-Uớc Quân-Sự » chỉ có nghĩa là không muốn Nam-Việt nhận viện-trợ quân-sự của Hoa-Kỳ nữa. Trong khi Bắc-Việt nhận cả viện-trợ của Liên-Xô và Trung-Cộng, đề nghị trên có kết quả đưa Việt-Nam vào tình trạng hoặc phải đầu hàng Việt-Cộng, hoặc phải nhờ sự che chở của một cường-quốc không thân Hoa-Kỳ, không thân Liên-Xô, tức là Pháp-Quốc.

“ ”

Còn một số người trung-lập khác hoạt-động tại Pháp (Trần-Văn-Hữu, Nguyễn - Mạnh - Hà). Nhóm này lập-luận rằng nếu không có viện trợ Hoa-kỳ thì Nam-Việt sẽ lâm vào một tình-trạng

(1) Còn một loại trung lập thứ ba, « Trung lập đôi đường », trung lập giữa khối Hoa-Kỳ và khối Cộng-Sản, rồi trong khối Cộng-Sản lại trung lập một lần nữa giữa Liên-Xô và Trung-cộng. Đó là trường hợp Nam-Dương. Khối C. S. ảnh hưởng tới Tổng-Thống Soekarno, qua hai phe trong Đảng Cộng-sản Nam Dương là đảng Cộng-sản lớn nhất ở Á Đông sau Trung Cộng, vì thế thái độ của Nam Dương trong các vấn đề quốc tế rất khó hiểu, muốn hiểu phải tìm biết cá nhân Soekarno và cá nhân Aidit, Chủ tịch đảng C. S. Nam Dương. Thỉnh thoảng ông Soekarno lại đá móc Nam-Việt.

xấu hơn bây giờ, và ai chắc được rằng Hoa-Kỳ sẽ không thay đổi chính-sách đối với Việt-Nam cũng như đã thay đổi với Ai-Lao? Tại sao không điều đình trong khi tình trạng chưa xấu lắm? Điều đình là dựa vào một tương quan lực lượng, tương quan ấy hiện không có hại cho ta, vậy nên điều đình luôn đi. Về sau Hoa-Kỳ sẽ nản-trí và sẽ hoặc bỏ rơi Nam-Việt, hoặc điều đình gấp rút với bất cứ kết quả nào.

Hoa-Kỳ và Chính-Phủ Nam - Việt hiện giờ vẫn không chịu điều đình nên không sớm thì chầy họ sẽ đưa Nam Việt tới chỗ thảm hại, làm mối ngon cho Cộng-sân. Do đó phe Trung-Lập Ba-Lê chủ trương phải tìm cho Việt-Nam một giải pháp « ngoài Hoa-Kỳ và cứu vãn những gì còn cứu vãn được ».

Kế hoạch của nhóm trung lập Ba-Lê là : thỏa hiệp với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam (1) để thành lập một chính phủ liên hiệp lưu vong gồm những người quốc-gia ngoài mặt trận và có đại-diện của mặt trận. Họ hy-vọng rằng giải pháp này sẽ được sự ủng hộ của Căm-Bốt và của một số quốc-gia trong « đệ tam thế giới ». Căm-Bốt và các quốc-gia ấy sẽ công-nhận chính-phủ lưu-vong, chính-phủ này sẽ đứng ra lãnh đạo công cuộc « giải phóng » và sẽ là người đối thoại có giá trị để « bó buộc » Hoa-Kỳ phải nhận một giải pháp trung lập « kiểu Phouma ». (những chữ trong hai dấu ngoặc là của phe trung-lập Ba-Lê)

Điều đáng chú ý trong lập trường của Phe Trung-Lập Ba-Lê là họ nhận rằng hiện giờ Hoa-Kỳ không chấp thuận

giải pháp kiểu Phouma mà họ chủ trương, tức là Hoa-Kỳ đã thay đổi thái độ từ ngày có thỏa hiệp Kennedy-Khrouchchev tại Vienne năm 1961, khi đó ông Kennedy còn coi giải pháp Ai Lao như một kiểu mẫu có thể sẽ thi-hành cho nơi khác. Sau gần hai năm thử thách, giải pháp Phouma đã đưa tới kết quả thế nào, mọi người đều biết. Trong số 160 phát hành ngày 1/9/1963 tạp chí BÁCH-KHOA đã phân tích giải pháp ấy và trình bày bằng chứng về chiến thuật của cộng sản tại Ai-Lao. Xin miễn lộn lại vấn đề chỉ xin nhắc rằng hiện giờ Việt Cộng đang áp dụng trên đất Ai Lao chiến thuật Rakosi mà họ đã áp dụng thắng lợi tại Hung-Gia-Lợi.

Ý muốn thành lập một chính phủ lưu vong để điều đình với Hoa-Kỳ tỏ rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam không được Hoa-Kỳ nhận là người đối thoại có giá trị (xin xem phần trên : mặt trận này đã được thành lập với mục đích ấy) Chính-Phủ lưu vong chưa thành hình vì lẽ không có người quốc gia có uy tín ưng thuận gia nhập. Hồi tháng 8 năm 1962 họ đã mưu vọng lập một chính phủ lưu vong tại Căm-Bốt nhưng đã thất bại.

Hiện giờ ở Saigon có một nhóm trung lập chống nhóm trung lập Ba-Lê và chủ trương :

1°) Không nên dính líu với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam ; ai cũng

(1) Ông Nguyễn-mạnh-Hà đã là Bộ-Trưởng trong Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh, có lẽ nhóm trung lập Ba-Lê chủ trương liên kết với M. T. G. P. M. N. do ảnh hưởng của ông Hà.

biết rằng mặt trận này là một sản phẩm của Việt Cộng. Phe quốc gia nhấc lại luôn rằng M. T. G. P. M. N. là một tổ chức cộng sản, như vậy là đại vì khiến cho các phần tử quốc gia trong mặt trận bó buộc phải càng ngày càng cố kết hơn với Việt-Cộng. Phe Ba-Lê muốn lôi kéo các phần tử quốc gia ấy cũng nhằm vì như thế sẽ rất có lợi cho cộng sản : một mặt Việt Cộng vẫn điều khiển được M. T. G. P. M. N. để thực hiện những mục đích giai đoạn mà họ tạm nhằm ; một mặt Việt Cộng không bị ràng buộc bởi kết quả của cuộc điều đình và sẽ hoàn toàn rảnh tay sau này để thực hiện những thủ đoạn khác.

Nhóm Trung Lập Saigon không chủ trương gạt bỏ các phần tử quốc gia trong Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và ưng thuận :

— Chấp nhận họ như là những nhân vật của Nam Việt chứ không phải như đại diện của Mặt Trận ;

— Chỉ chấp nhận nếu họ thỏa mãn về những kết quả thu lượm được để tiến tới đình chiến tại miền Nam. Họ có thể gia nhập chính-phủ liên-hiệp tương lai.

2^o) Mặt Trận Giải - Phóng Miền Nam chỉ là một sản phẩm của Việt-Cộng. Nhóm Trung-lập Sài-gòn nhất-định đòi giải tán Mặt Trận ấy và để bù lại cho cộng-sân Bắc - Việt, nhóm trung-lập sẽ vận động để đình chỉ mọi loại viện trợ của Hoa-Kỳ, để yêu cầu Hoa-Kỳ rút lui hết cả lực lượng khỏi miền Nam.

3^o) Hiện giờ Hoa - Kỳ chống đối Trung-Lập, Hoa-kỳ còn mạnh lắm, Hoa

kỳ đã cam kết duy trì các cố gắng quân sự tại miền Nam. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để Hoa-Kỳ hiểu rằng không có hy vọng nào thắng bằng quân sự được và không sớm thì chầy Hoa-Kỳ sẽ bó buộc phải điều đình, âu bằng nhận càng sớm càng hay một giải pháp trung-lập để « cứu vãn những gì còn cứu-vãn được ».

Lập luận của nhóm trung-lập Sài-gòn đưa tới những nhận xét sau đây :

— Họ công nhận rằng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là một sản-phẩm của Việt-Cộng và họ rất nghi-kị đối với các nhà chức trách Bắc-Việt ;

— Họ không đưa ra một bằng chứng cụ thể nào cho phép kết luận rằng không sớm thì chầy Hoa-kỳ sẽ bắt buộc phải điều đình (đây là một lối chơi chữ ; thế nào là không sớm thì chầy ? Bao giờ là sớm và bao giờ là chầy ?).

— Họ mưu vọng làm cho Hoa-Kỳ sớm nản trí. Về điểm này, chủ trương của họ hợp với những vận-dộng của Cộng-Sân Bắc-Việt mà họ nghi-kị.

— Đối với Việt-Cộng là kẻ gây chiến, họ không có kế-hoạch cụ-thể nào. Họ chỉ có một hy vọng : Việt-Cộng sẽ ưng thuận không can thiệp vào miền Nam nếu Hoa-Kỳ chịu rút lui. Lập-luận này quá chủ quan : Việt-Cộng có thể hứa sẽ « đình chiến » nếu Hoa Kỳ đình chỉ viện trợ và rút về mọi lực lượng, nhưng ai chắc được rằng sau khi đình chiến Việt Cộng sẽ không tái chiến như tại Ai-Lao ? Nhóm trung lập Saigon không đưa ra điều kiện bắt Việt - Cộng phải thoái lui mọi lực-

lượng về miền Bắc. Họ chỉ thiết tha « đình-chiến », đình-chiến đã rồi sẽ hay.

KẾT-LUẬN

Các tài liệu trình bày ở trên cho ta thấy :

1^o) Giải-pháp Trung-Lập của Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam, một tổ-chức của Việt-Cộng, chỉ là một thủ-đoạn để thôn tính miền Nam. Chỉ có nhóm Trung-Lập Ba Lê. (Trần-Văn-Hữu, Nguyễn-Mạnh-Hà) công khai chủ-trương liên-kết với M. T. G. P. M. N. cùng lập một chính phủ lưu-vong.

2^o) Các giải pháp trung lập, khác đều không có bảo đảm thực tế để ngăn chặn các thủ đoạn của Việt Cộng, chỉ dựa trên những lập lý có nhiều phần chủ-quan, và nhiều khi bị phủ nhận bởi các sự việc đã xảy ra rồi.

3^o) Vì không có bảo đảm nên giải-pháp trung lập nào cũng là một khi giới sắc bén đưa cho Việt Cộng sử dụng ngon lành theo những chiến thuật mà cộng sản đã thí nghiệm lâu rồi chỉ nhằm chế ngự hoàn toàn các vùng trung lập tình trạng rối ren và có sẵn cộng sản nằm vùng. Nếu chỉ vì sợ Hoa-Kỳ nản chí mà nhận lập tức một giải pháp trung lập để được đình chiến, thì là nhận một nguy cơ tức khắc để tránh một nguy cơ chưa có dấu hiệu xuất hiện. Ngăn chặn nguy cơ tức khắc ấy chính là mục đích của cuộc tranh đấu. Mục đích là ngăn chặn tai nạn cộng sản chứ không phải là đình chiến, nếu « đình chiến » đưa cộng sản tới gần hơn thì « đình chiến » đi ngược với mục đích.

4^o) Các lập trường trung lập đều coi Hoa Kỳ như chướng ngại vật và không nhóm trung lập nào chỉ trích cộng sản, mặc dầu chiến tranh đã do cộng sản gây ra. Như vậy là các nhóm trung lập đã thiên cộng từ khi chưa có hy vọng được hưởng ứng.

5^o) Tất cả các nhóm trung lập đều nhằm trước hết là làm cho Hoa-Kỳ nản trí, bỏ buộc Hoa Kỳ, hoặc bỏ rơi miền Nam để miền Nam phải nhận trung lập hoặc điều đình gấp rút và nhận trung-lập để tránh cộng sản hóa.

Các tin tức thời sự và các lời tuyên bố chính thức cho ta thấy :

— Nam Việt bác bỏ giải pháp trung lập. Nam Việt tiếp tục nỗ lực chiến đấu chống cuộc xâm lăng của cộng sản và có nhiều thứ cần cứu vãn chứ không phải chỉ cứu vãn những gì còn cứu được. Sự thất bại sau này của Nam-Việt tùy thuộc nhiều ở sức viện trợ của Hoa Kỳ.

— Hiện giờ Hoa-Kỳ vẫn giữ nguyên chính sách chống Cộng, vẫn tôn trọng các lời cam kết với Nam-Việt, tiếp tục ủng hộ các nỗ lực của Nam-Việt, và tiếp tục cương quyết bác bỏ giải pháp trung lập mà Hoa-Kỳ cho rằng chỉ là một phương tiện Cộng sản để thôn tính miền Nam.

Căn-cứ vào các điểm ở trên, ta có thể kết luận rằng ngoại trừ Việt-Cộng và các nhóm trung lập chỉ gồm một thiểu số ít ỏi tri thức, không ai thỏa-thuận trung lập hóa Miền Nam. Trước những mưu mô lung lạc Hoa Kỳ, vấn đề đặt ra cho Nam-Việt là làm thế nào để Hoa-Kỳ không nản trí và tiếp tục ủng hộ các nỗ lực

nhằm hoặc đánh bại Việt-cộng hoặc đưa Việt-cộng về phía Bắc Vỹ tuyến 17.

Như trên đã trình bày, ngoài giải pháp trung lập mà ta không chấp thuận được, Việt-Cộng không đưa ra đề nghị nào khác. Việt-Cộng sẽ tiếp tục chiến tranh và tranh đấu chính trị mạnh hơn.

Để đối phó với tình trạng mà Việt-Cộng sẽ làm khẩn trương hơn, có lẽ lập trường sau đây có tính cách bất khả kháng :

A. — Không thể điều đình dưới áp lực. Hiện giờ Cộng-Sản đang gây áp lực quân sự dùng làm bàn đạp cho các vận động ngoại giao. Nếu Việt-Cộng muốn thực tâm giải quyết vấn đề Việt - Nam, Việt - Cộng cần trước hết đình chỉ mọi hoạt - động quân sự tại Nam-Việt.

Nói rằng Việt-Cộng bó buộc tiếp-tục chiến tranh chừng nào Hoa - Kỳ còn can thiệp quân sự vào Nam-Việt là một lập luận vô lý : Việt-Cộng đưa chiến tranh vào Nam-Việt, do đó Nam-Việt phải nhận viện trợ quân sự. Nói rằng Việt-Cộng đã phải đánh trước để ngăn ngừa một chiến tranh Bắc-Tiến của Nam - Việt và Hoa - Kỳ, là một điều mâu thuẫn : tránh chiến tranh bằng cách gây chiến tranh trước.

B. — Nếu Việt - Cộng không chấp thuận điều I và tiếp tục chiến tranh thì Nam-Việt bó buộc phải nỗ lực ứng chiến với sự giúp đỡ và sự đồng tình của Hoa-Kỳ, đến khi thế quân bình đặt trên vĩ tuyến 17 chứ không phải trên đất Nam-Việt. Khi đó sẽ nói chuyện chính trị vì không có áp lực nữa.

Hai điều trên hợp với quan điểm của hai Chính-Phủ Nam-Việt và Hoa-Kỳ ; báo chí đã phản ánh. Tổng-Thống và Ngoại-Trưởng Hoa-Kỳ vừa nhắc lại rất rõ ràng ngày 15-2-64.

C. — Nam-Việt sẽ cố gắng phá tan các mưu mô làm Hoa-Kỳ nản trí. Vấn đề đặt ra là nghiên cứu một chính-sách chính trị, quân sự, ngoại giao, đủ rành mạch và hữu lý để Hoa-Kỳ không nản trí trên bước đường mà họ gọi là cơ hội sau cùng (the last chance).

Việt-Cộng tiếp tục chiến tranh và tranh đấu chính trị mạnh hơn. Vậy bên những nỗ lực quân sự, ta cũng phải chú trọng hơn đến Chiến Tranh Chính Trị. Trong khuôn khổ một cuộc cách mạng toàn diện, cuộc chiến tranh chống cộng cũng phải có tính cách cách mạng nhằm « giải phóng nhân dân khỏi ách Cộng-sản ». Trong cuộc chiến tranh cách mạng ấy, Chiến Tranh Chính Trị có nghĩa là Tranh-Thủ Nhân Dân.

Trong một thời đại mang dấu hiệu của Kỹ-thuật, các công cuộc lớn lao đều phải hoạch định trước. Công cuộc tranh thủ nhân dân trước một kẻ thù theo chính sách triệt để hoạch định, cần được nghiên cứu tỉ mỉ rộng rãi và khách quan để tiến tới một đường lối rành mạch, dân có thể hiểu được để hưởng ứng, bạn có hiểu được để tiếp tay. Những khẩu hiệu, những lời phản pháng, những giải thích hời hợt và bị động, không có giá trị thực tế.

Cuộc chiến đấu của chúng ta có phần tiêu cực và tích cực. Phần tiêu

ực là tiếp tục chiến tranh nóng để truy kích địch. Phân tích cực (xây dựng tương lai) là Chiến - Tranh Chính Trị. Tranh Thủ nhân dân là một công cuộc có tính cách sống còn nên phải được quan niệm đúng tầm quan-trọng của nó, không thể lăm lẩn hoặc như một công tác chiến-tranh tâm lý phụ-trách theo những phương-pháp

vô-biên lỗi-thời quá nặng về hình-thức hoặc như một công-vụ thường-xuyên điều hành với một tập quán tinh-thần xử-lý thường-vụ. Một công cuộc cách mạng trước hết cần cách-mạng các quan niệm. Thời-gian gấp rút, ngày mai đã bắt đầu từ hôm qua.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

ĐÓN ĐỌC :

HỒI CHƯƠNG TẮT LỬA



TRUYỆN của THẾ NGUYỄN
NAM SƠN XUẤT BẢN

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

? Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

Bàn về :

ĐỨA CON CỦA NÀNG KIỀU

● VŨ - HẠNH

ĐỨA con của nàng Kiều ! Đó thực là một đề tài thuộc loại giựt gân, thích hợp cho một tờ báo hàng ngày ! Nhiều người tự hỏi : Nàng Kiều nào có con đâu ? Làm sao mà nàng có con cho được ? »

Trước đây cũng đã có người tinh quái đem câu « Thật kinh nàng chưa biết là làm sao » ở trong truyện Kiều để cở giải thích rằng Kiều bụng mang dạ chứa sau khi mất đường kinh nguyệt. Nhưng một tinh thần xuyên tạc khôn ngoan đến mức độ ấy vẫn chưa đủ giúp cho Kiều có một đứa con.

Nhưng ngồi nghĩ lại, để con đâu phải là điều hết sức khó khăn đến nỗi một người như Kiều đành phải đầu hàng ? Thế mà suốt cả quãng đời lưu lạc Kiều đã gặp gỡ

không biết bao người, vậy mà chẳng chịu đẻ ra một đứa con nào. Nếu nàng sinh hạ được một Thúc Sinh nho nhỏ hay một Từ Hải con con thì vui không biết bao nhiêu. Có kẻ lại bảo « Kiều là nhân vật tiểu thuyết, hơi đâu mà nghĩ vẩn vơ ? » Xin thưa : tuy là nhân vật tiểu thuyết nhưng chính tiểu thuyết đã chọn lấy nàng ở trong cuộc đời và đem nàng vào cuộc đời, chúng ta có thể bán khoán về nàng như một đồng loại có những vắn đề của ta, gắn gũi với ta.

Chúng ta biết Kiều không phải là kẻ giang hồ tự nguyện, nàng vẫn luôn luôn chống lại cuộc đời tui nhục mà nàng đã phải sa chân vào đây hai lần. Vậy thì không chắc gì Kiều đã tìm mọi cách để cho đời

minh khỏi phải sinh nở, nàng cũng không thể áp dụng những thứ thuốc men phổ biến ngày nay và cũng không thể tự hạn chế mình để dâng trong một cuộc đời bán phần buồn hương như vậy. Lại xét về mặt sức khỏe, Kiều không có triệu chứng gì tỏ ra là nàng hiềm hoi về đường tử-túc. Trước đây, có nhà phê bình bảo nàng mắc bệnh úy hoàng thường chảy nước mắt trong veo nhưng thực chưa có sanh sản khoa nào chứng minh rằng sự chảy ra nước mắt ở trên lại có ảnh hưởng sâu xa ở dưới như vậy. Không chừng mấy người đa cảm lại để đổi đảo cũng nên.

Chúng ta yêu mến nàng Kiều muốn nàng có con, ít nhất cũng là một đứa. Có con để nàng cảm thấy được niềm an ủi, để nàng sẵn sàng xây dựng cho nó, thấy sự sinh hóa lưu tồn của cá nhân mình trong hình thể khác. Đối với những người đàn bà hiền thực, có con là một niềm vui rất lớn vậy mà Kiều chẳng có con là bởi vì đâu?

Tất nhiên ai cũng có thể trả lời: đó là lỗi của Nguyễn-Du. Nếu Kiều có con, dù có với ai, thì cái sự nghiệp văn chương của cụ Tiên-Điền kẻ như tàn rồi. Có con, chắc Kiều khó lòng mà dẫn thân vào trên bước phiêu lưu, khó lòng mà nhảy xuống giữa dòng Tiên-Đường. Là người có một căn bản đạo đức vững vàng, Kiều không thể nào phó mặc con mình cho người thiên hạ hoặc bỏ giam nó vào trong một viện cô nhi!

Nguyễn-Du chính thức là người đã hạn chế đường sinh nở của Kiều để cho ngôi bút của mình khỏi lâm vào vòng bế tắc. Liên hệ xa hơn, chúng ta có thể nhận thấy điều này: hầu hết tác giả cổ điển đều muốn loại trừ đứa con ra khỏi tác-phẩm. Họ phải làm thế để cho người lớn khỏi bị quấy rầy, tương tự nhiều người đuổi con ra chơi ngoài ngõ để cho người lớn trong nhà yên giấc nghỉ trưa. Bởi lẽ tác phẩm cổ điển giải quyết vấn đề của kẻ trưởng thành, của kẻ tuổi tác, chứ không để tâm bàn bạc những chuyện trẻ em. Như trong truyện Kiều, Vương Quan có vẻ nhỏ hơn cả, nhưng đâu có phải là đứa trẻ thơ? Anh ta kể chuyện Đạm Tiên nghe còn rành rọt hơn một chàng trai quá lứa lỡ thì. Nguyệt-Nga và Lục-Vân-Tiên của Nguyễn - Đình - Chiểu cũng không phải là bé mọn. Lúc gặp gỡ nhau, xem chừng con tim của họ đã biết nhảy điệu rum-ba rồi đó. Và chàng Lương - Sinh cùng nàng Dao-Tiên trong Hoa - Tiên-truyện, và chàng Mai-Sinh cùng với Hạnh-Nguyên trong Nhị-Độ-Mai, đều là những người có thể nhắc nhở tuổi thơ như một kỷ-niệm xa vời.

Ta có thể nói tác phẩm cổ-diển không hề biết đến trẻ con, không muốn chấp nhận trẻ con y như ngoài đời không có vấn đề con trẻ. Thế kỷ ngày nay được gọi là thế kỷ của trẻ con bởi vì vấn đề con trẻ trở thành trọng yếu. Muốn nghĩ ngợi đến tương lai một cách

đứng đắn, chân thành, phải đặt mọi sự chú ý vào sự xây dựng những mầm non ấy. Bao nhiêu thói quen góp phần quyết định cuộc đời chúng ta, bao nhiêu mặc cảm ám ảnh sờ kiếp chúng ta, há chẳng đã được hình thành từ thuở thơ ấu đó sao? Đọc những tác phẩm cổ điển, chúng ta có cái cảm giác tương tự như nhìn vào gian chính giữa của một tòa nhà xây bằng gạch ngói qui mô, có sập gục, có tủ chề, hoành phi, liễn đối, có cả khay trà ống điều và bao trùm hết là một không khí trang nghiêm của những người lớn ra vào mực thước, lên xuống khoan - thai. Thỉnh - thoảng ta có thể nghe một tiếng trẻ khóc rồi lại lặng im, đôi lúc ta cũng bất chợt được vài cái đầu trẻ con lấp ló ẩn hiện sau màn hoặc đôi mắt sáng của chúng long lanh qua một khe cửa, và thôi, và hết, chúng bị gạt lui để cho người lớn bàn bạc chuyện mình. Nàng Kiều khi lấy Từ Hải có lúc nghĩ đến Thúy-Vân ở nhà bây giờ chắc đã sinh con để cái với Kim Trọng rồi, cũng chỉ gọi được một cái hình ảnh đơn sơ :

May ra khi đã tay bồng tay mang :

Tay bồng tay mang ! Thì ra trẻ con nào có khác gì vài chiếc gỏi thêu ? Do đó con trẻ chỉ được nhắc đến qua loa, chiều lệ, không làm cho ai thắc mắc mấy may. Thông thường người ta còn dùng con trẻ như một hình ảnh về sau, một cái tiếng vọng êm đếm phút cuối khi chuyện người lớn đã được thu xếp hoàn toàn mỹ mãn.

Câu Kiều kết thúc :

Một cây cù-mộc, một sân què hộc
cũng có gọi đèn cho ta cái cảnh vui vầy con trẻ, nhưng chắc không phải là để chúng ta quan tâm đến nó, buồn vui với nó.

Do những lẽ đó, tác phẩm cổ - điển có một nỗi buồn mệnh mông của cảnh vắng vẻ trẻ thơ. Ca dao có câu :

Có chồng mà chẳng có con.

Khác gì hoa nở trên non một mình.

Đã nói lên được nỗi quạnh hiu ấy và chính tác-phẩm cổ-diễn cũng là những loài hoa nở trên non. Ngày nay ta nghe đèn trường mẫu giáo, đèn bột nhi đồng, đèn báo măng non, đèn những chắt thuốc ký ninh có tám vị sô-cô-là, đèn những phim ảnh hoạt họa chiều cho con trẻ và ta càng thấy thế-giới văn-học cổ-diễn quá sức già nua, quá sức buồn rầu, khác khờ. Ấy thế mà chính các cụ ngày xưa vẫn bảo « gia hữu tam thanh » cho rằng có ba thứ tiếng đáng quý trong nhà là tiếng đọc sách, dật cừi và tiếng khóc của trẻ con. Thế sao ở trong văn học không hề có tiếng trẻ thơ nào khóc ? Lại ngồi nghĩ lại điều ấy vẫn không có gì đáng phải ngạc nhiên. Trong một hoàn cảnh xã hội mà tiếng « con nít » đồng nghĩa với sự ngây ngô, đại dốt, trong một tình trạng sinh hoạt mà các trẻ em cũng phải thi lễ như người lớn tuổi thì ai còn quan tâm đến trẻ con ? Đèn nỗi anh chàng Kim-Trọng đã lớn tổng gống như vậy mà lại ngồi trên

lưng ngựa còn bắt « vài thằng con con » theo sau không kể gì đến nhọc nhằn của chúng. Thề mà Nguyễn-Du vẫn khen chàng Kim « vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa » ! Mới biết người ta hào hiệp với người kẻ lớn, với các tiểu thư xinh đẹp, chứ không rộng lòng thương đến trẻ con hào hiệp chạy sau đuôi ngựa để hầu hạ mình ? Cho đến cụ Nguyễn-Công-Trứ tài tình là vậy, đáng tôn đáng kính là vậy mà trong giấc mơ nhàn hạ của cụ cũng có thêm vào : « Năm ba chú tiểu đồng lèch-thềch » để theo chân cụ trong bước tiêu dao hàn cốc thanh sơn. Ấy Nguyễn-Công-Trứ vẫn biết lũ trẻ đi theo lèch thềch chứ có vui vẻ gì đâu !

Con trẻ bị gạt ra ngoài sinh-hoạt văn chương cổ điển cũng như nó bị quên đi ở trong sinh-hoạt bình thường ngày trước, đó là một thiệt thòi chung cho cả mọi người. Nhưng qua văn để đem bàn bạc hôm nay ta không có tham vọng kiểm lại chỗ ngồi êm ái cho các trẻ em đã bị truất ngôi, bởi vì các sáng tác phẩm ngày xưa không chứa một mảnh đất nào để ta lập vườn nuôi trẻ, không dành một ngân sách nào để ta mở một bệnh viện nhi đồng, kể cả một khoảng rất nhỏ để kê chiếc nôi cũng không có nốt. Người lớn chiếm hết đất rồi, choán chặt chỗ rồi, người lớn đa-mang nhiều quá, tham lam nhiều quá.

Văn để hôm nay là chuyện đứa con của Kiều, đứa con mà Kiều

không thể làm sao có được. Chúng ta đành chịu nhượng bộ Nguyễn-Du mà thừa nhận rằng suốt quãng mười lăm năm dài luân lạc, thực là báo hại cho Kiều — và cho Nguyễn Du — nếu nàng có một đứa con dưới nách.

Nhưng còn về sau ? Khi nàng tái ngộ chàng Kim, rõ ràng là Kiều cũng không làm sao có một đứa con. Cái đêm động phòng, sau buổi đoàn-viên, chỉ thấy nàng Kiều ngồi mãi trên giường, gảy mãi trên những phím đàn và kể truyện xưa tích cũ cho đến mặt trời lại mọc. Lại theo tác phẩm thì sau đêm ấy Kiều đã chính thức đem tình cảm cò thay cho cảm sát đôi với chàng Kim và chịu thừa nhận vĩnh viễn độc quyền làm vợ của cô em mình.

Với những sự tình như thế, nhất định là Kiều không mong sinh hạ được mụn con nào. Cứ nghe chúng ta một hai đôi Kiều phải có đứa con, một số thiên hạ có thể bêu môi, chê rằng đầu óc chúng ta thấp kém, hẹp hòi quá lắm. Họ bảo : Tại sao Kiều lại không thể thương yêu chàng Kim một cách hoàn toàn « cao thượng » để sự gắn bó giữa chàng và nàng có một sắc màu lý-tưởng, và để Thúy Vân khỏi phải hờn ghen ? Tại sao Kiều không thể yêu con của nàng Vân như chính con mình sinh đẻ ? Tại sao... vân vân... thực là có nhiều cách nói, và chính Nguyễn-Du cũng đã nói rồi. Nguyễn Du đã chẳng mượn lời Kim Trọng, mượn lời cha mẹ của Kiều mà gọi Kiều là « Thục nữ chi cao » đó sao ?

Tuy vậy, chúng ta khó lòng nghe theo những ời nguy biến của chính tác giả hay nghe theo sự mong muốn cao siêu của một số người. Vấn đề ở đây là ta muốn xét đến những yêu cầu cụ thể, của một nhân vật cụ thể, trong những điều kiện cụ thể : Nàng Kiều sau mười lăm năm lưu lạc, được trở về với gia đình, gặp lại người yêu thuở trước. Sự tái ngộ này không phải là một ngẫu nhiên, mà chính là một dụng ý của trời sau khi cân nhắc kỹ lưỡng duyên nghiệp của nàng. Người thông dịch - viên duy nhất của đảng tồi cao, Tam - Hợp Đạo-Cô, luận xong công tội của Kiều, xác nhận ý nghĩa của sự trở về là một phần thưởng xứng đáng :

*Khi nên, Trời cũng chiều người,
Nhẹ nhàng nợ trước đền bồi duyên sau.*

Cũng như hồn ma Đạm Tiên trước đó, đã nói với Kiều :

*Còn nhiều hương thụ về lâu,
Duyên xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào*

Nhưng rốt cuộc lại, cái duyên về sau của Kiều có đầy đặn chăng? Cái phúc về sau của Kiều có dồi dào chăng? Hay chỉ là nỗi xót xa, tủi nhục ngấm ngấm, hay chỉ gượng gạo, bề bàng đã được trang điểm bằng những lớp son quý phái của những lời nói tôn nghiêm được màu đạo đức? Dù có biến bác tài tình đến mức độ nào người ta cũng không chời cãi

được rằng, sau buổi đoàn viên Kiều đã bị tước cái quyền làm vợ và quyền làm mẹ.

Suốt mười lăm năm lưu lạc Kiều bị tước đoạt cái quyền năng ấy đã đành, nhưng nàng vẫn còn là người đàn bà, có lúc nàng đã được yêu và được ước mong như người đàn bà. Bây giờ, chính vào cái lúc gọi là mong đợi nhất của đời nàng, Kiều đã vĩnh viễn bị tước đoạt hết. Nói rằng vĩnh viễn vì nàng phải kéo lê một cuộc sống tượng trưng như thế, không chỉ mười lăm năm nữa mà mãi cho đến khi nàng từ già cõi đời.

Như thế cái gì đã ngăn cản nàng? Đọc qua tác phẩm, tưởng như không có một ai cầm cản nàng Kiều. Vương Ông, Vương Bà một hai bảo nàng phải lấy chàng Kim. Và chàng Kim cũng một hai ép buộc Kiều nên lấy chàng. Mọi trở ngại nhất — là nàng Thúy-Vân — thì chính Vân cũng sốt sắng khuyến khích cả hai nên làm việc ấy. Bao nhiêu người này không thể không đứng về phía cuộc đời, không thể tìm cách che đậy lẽ phải, bởi vì họ không là những nạn nhân. Nhưng Kiều đáng lẽ nàng phải kêu gào mỗi nhân duyên ấy, đáng lẽ nàng phải đòi hỏi cái quyền làm vợ làm mẹ của nàng thì nàng đã viện mọi lẽ chời từ.

Sự chời từ ấy chứng tỏ nàng có cá tính rõ rệt, nàng biết tự trọng, nàng có quan niệm tình yêu trong sạch, quan niệm vợ chồng nghiêm

chính, thanh cao. Nếu không đem niềm trong trắng chung sống cùng nhau, ít nhất cũng không đem cái thân tàn đã bị cuộc đời làm cho hoen nhục gán ép cho người yêu đầu.

Trong cái khung cảnh ngày xưa với những điều kiện như thế, phản ứng của Kiều được xem như là hợp lý, và được đề cao như là dấu hiệu của một con người đạo đức tuyệt vời.

Ngày nay, chúng ta có thể cũng đồng một quan điểm ấy, nếu cái thái độ của Kiều, sau khi từ chối sống đời vợ chồng với lại chàng Kim, nhuộm đầy một vẻ xót xa, nếu cái thái độ chàng Kim và cha mẹ Kiều, sau khi thấy Kiều quyết định như vậy, chứa đầy một mối thiện cảm đau đớn phát sinh từ sự tủi nhục, bất bình đối với áp lực cuộc đời. Bởi vì, mười lăm năm trời trôi gạt của Kiều là đề báo hiệu, là đề góp phần củng cố cho cái trật tự của một xã hội đầy những tội ác, và sự từ chối làm vợ về sau cũng nhằm đề cao giá trị người chồng là chàng Kim-Trọng. Do đó, dù Kim có xác nhận rằng trước sau Kiều vẫn là người trong sạch:

Như nàng lấy hiền làm trinh.

Bụi nào cho đục được mình ấy vay?

Kiều vẫn khẳng khẳng là mình đã ô nhục rồi để bảo vệ lấy cho mình một thứ giá trị thật sự có lợi cho cái uy-tín chàng Kim hơn là

có lợi cho những yêu cầu chính đáng của nàng. Trước sau, Kiều đã hy sinh trọn vẹn cho cái xã-hội của nàng, trước sau nàng đã giữ lấy cho mình mọi sự thiệt thòi.

Vì thế, chúng ta không được vừa ý khi thấy nhiều người, mỗi lần nói đến nỗi khổ của Kiều, chỉ đề cập đến khoảng mười lăm năm luân lạc của nàng. Có lẽ họ vốn dễ tin, và khi tác phẩm sửa soạn chấm dứt, dùng những lời lẽ êm đềm đeo vào đầu cổ nhân vật, thì họ cũng xếp sách lại với những tình ý êm đềm như thế trong lòng. Thực ra, khi xếp sách lại một nỗi khổ khác của Kiều, đắng đặc, mênh mông mới lại bắt đầu. Trong cái cảnh ngộ làm người vợ hồ thường trực của người mình đã thương yêu tha thiết, Kiều sẽ có dịp thường xuyên để thấy thân phận đàn bà chịu thiệt của nàng. Xã hội phong kiến thấy nàng hy sinh quá nhiều cho trật tự ấy suốt mười lăm năm nên đã cho nàng tái ngộ như một tặng thưởng cho nàng. Nhưng đây chỉ là một huy chương giả. Bởi vì lúc nàng đã được quay về thực sự, cái xã hội ấy sức nhớ rằng Kiều là người đàn bà. Và đã là người đàn bà thì cho hai chữ đoàn viên là quý lắm rồi, dù hai chữ ấy chỉ là cái vỏ danh từ Rốt cuộc, Kiều chẳng có chồng, Kiều chẳng có con, chỉ có một mớ danh từ tuyệt đẹp.

VŨ - HẠNH

ROSTOW và MARX TRONG THUYẾT TIẾN-HÓA XÃ-HỘI

HIỆN tượng quan trọng nhất của lịch sử nhân loại trong hậu bán thế kỷ thứ XX là sự bùng nổ của các tiểu nhược quốc. Kể từ khi đệ nhị thế chiến chấm dứt, ý thức được quyền lợi và vai trò của mình trên trường quốc tế, các cựu thuộc địa đã lần lượt vùng dậy giành độc lập.

Cuộc tranh giành ảnh hưởng giữa Nga-Sô và Hoa-Kỳ đã gia tăng mức độ quan trọng của hiện tượng trên đây. Từ địa vị của kẻ vừa được giải phóng, các quốc gia cựu thuộc địa hiện đang đóng vai trọng tài và hơn thế, việc các quốc gia này ngã theo khối nào, sẽ khiến cán cân lực lượng lệch về khối đó. Thắng lợi tối chung trong cuộc tranh hùng giữa hai cường quốc lệ thuộc một phần nào vào thái độ chính trị của các quốc gia nhỏ yếu.

Gồm trên một phần ba nhân loại vừa thoát khỏi ách thống trị của

ngoại bang, các quốc gia cựu thuộc địa hiện đang sống với một mức sống quá thấp kém. Theo các bản thống kê mới nhất của Liên-Hiệp-Quốc, lợi tức đồng niên trung bình của một người dân cựu thuộc địa được ước lượng bằng 50 Mỹ kim, trong khi tại Nga-Sô và Hoa-Kỳ, trung bình một dân lao động cũng kiếm nổi trên dưới 900 Mỹ kim một năm. Trước tình trạng đói rét kinh niên của dân cựu thuộc địa, Nga-Sô và Hoa-Kỳ hiện đang ra sức giúp họ nâng cao mức sống.

Tuy nhiên, thực phẩm và len sợi bổ thí cho người dân cựu thuộc địa cũng như những lời tuyên truyền hứa hẹn hoa mỹ, chỉ là các phương tiện nhất thời, không thể dùng để chinh phục nhân tâm. Điều cốt yếu là làm thế nào cho dân tộc các nước chậm tiến tin tưởng vào công hiệu của các công thức kinh tế, chính trị và xã hội do Nga-Sô

hoặc do Hoa-Kỳ chủ trương. Lòng tin cậy ấy, người ta cũng không thể chiếm được bằng võ lực, vì vũ khí, đạn dược việc trợ, một ngày kia sẽ trở thành vô dụng, khi nhân dân các quốc gia nhỏ đều chán ghét các vụ bán giết nhau. Hoài bão của người dân một nước thiếu mở mang là được sống sung túc, đồng thời được làm chủ các nguồn lợi kinh tế của xứ sở họ.

Bằng cứ vào hoài bão ấy, lẽ ra tại các cựu thuộc địa, khuynh hướng quốc gia với qui chế tư hữu phải thắng khuynh hướng quốc tế vì chủ trương vô sản hóa của khuynh hướng này. Sở dĩ trong thực tế, người ta chưa tìm thấy hệ luật tất nhiên ấy là vì, bị ám ảnh bởi lưu niệm người bóc lột người, ý thức hệ của người dân cựu thuộc địa đã và còn đang bị các công thức của K. Marx cảm dỗ.

Trong cuộc tranh giành ảnh hưởng với Nga-Sô, Hoa-Kỳ đã không lưu tâm đúng mức tới hiện tượng tâm lý trên đây. Viện trợ Hoa-Kỳ nghĩ rằng với số lượng nông sản dư dùng đem cung ứng cho những bao ử tưởng rằng, với những vũ khí tối tân đem trao tận tay những nhân hình thiếu cảnh giác là có thể nhồi vào quốc gia nhược tiểu một nguồn sinh lực mới khiến dân tộc này tự cường để bảo vệ lấy nền độc lập. Cho tới nay, đã có hàng trăm tỷ Mỹ kim vật liệu của Hoa Kỳ lọt vào tay các cán bộ Nga-Sô đã được dùng vào việc quảng bá chủ thuyết vô sản! Bấy lâu, Hoa-Kỳ đã dùng vật chất để chinh phục nhân tâm, trong khi Nga-Sô, nổi tiếng về chủ trương duy vật, lại chuyên sử dụng các phương tiện tâm lý để chống đối Hoa-Kỳ. Đó

là mâu thuẫn dị thường, nhưng lại là một mâu thuẫn có thực.

Để tìm niềm tin hướng dẫn việc lựa chọn chính thể dân tộc các quốc gia thiếu mở mang chú tâm nhiều tới các học thuyết khả dĩ giúp họ cải thiện được đời sống. Các học thuyết loại này phải có khả năng giải thích quá trình tiến hóa của xã hội nhân loại, nhiên hậu công thức do các học thuyết ấy đề ra cho mai hậu mới có uy tín cảm hóa được mọi người.

Về phương diện này, lâu nay học thuyết của Marx vẫn được coi như bất khả địch. Lòng bái phục gần thành một thứ tín ngưỡng đã khiến nhiều người tiên thiên chấp nhận các định đề của Marx làm chân lý. Lòng hoài nghi của Tri-Thực hầu như bị bóp nghẹt, trong khi những học thuyết đối lập phản kháng một cách yếu ớt, và tệ hại hơn, hành vi thường nhật của các nhà tư bản, trong thực tế, lại luôn luôn chứng nghiệm những nhận định của Marx.

Thời thế đã đem tới cho một số quốc gia nhược tiểu hoàn cảnh thực hiện các công thức của Marx. Kết quả không mấy phần khởi đầu lượng được tại các quốc gia này đã khiến người ta phải hoài nghi giá trị của học thuyết Marx. Năm 1952, Walt Whitman Rostow đã nêu lên những nhận định sai lầm của Marx, đồng thời giải thích quá trình tiến hóa xã hội nhân loại theo một hướng tuyến khác hẳn. Đem học thuyết của ông ra so sánh với học thuyết của Marx, thiết nghĩ cũng là làm một việc làm không đến nỗi phù phiếm vậy.

SƠ LƯỢC HỌC THUYẾT MARX

Học-thuyết Tiến-Hóa Xã-Hội của Marx có thể tóm tắt vào 3 điểm chính yếu sau đây :

1. — Các định chế chính trị, xã-hội và văn-hóa là thượng tầng kiến thiết, do trạng thái kinh tế là hạ tầng cơ sở hoạch định và chi phối. Đời sống thiện mỹ của nhân loại chỉ có thể xây dựng trên một cơ cấu kinh tế, trong đó, con người thoát khỏi mọi ràng buộc thường xuyên và ti tiện của kẻ mưu sinh. Cơ cấu kinh tế hoàn bị này là cơ cấu kinh tế cộng sản, trong đó con người làm theo năng lực và hưởng theo nhu cầu :

2. — Cuộc mưu sinh đã khiến xã hội loài người bị phân chia ra làm nhiều giai cấp. Để sống còn, giai cấp nọ phải tranh giành với giai cấp kia. Quá trình tiến hóa xã hội, tựu chung, chỉ là một cuộc đấu tranh giai cấp không ngừng và không thương xót :

3. — Xã hội phong kiến, trong đó, quyền hành nằm gọn trong tay giai cấp địa chủ đã cáo chung kể từ khi giai cấp tư bản ra đời với sự bành trướng của kỹ nghệ và thương mại. Xã hội tư bản mang sẵn trong lòng nó mầm tự tiêu diệt vì xã hội này đã tạo ra giai cấp vô sản là giai cấp thợ thuyền, những người chỉ được nuôi vừa đủ sống để lao động. Để thực hiện các khoản tiền lời mỗi ngày mỗi lớn, nhà tư bản phải luôn luôn hạ thấp lương của thợ thuyền, mãi lực của giới tiêu thụ do đó, càng ngày càng thấp, các nhà tư bản phải tranh giành nhau để kiểm thị trường. Tự do cạnh tranh là

khí giới để giai cấp tư bản tự tiêu hủy nó. Hàng ngũ tư bản mỗi ngày mỗi giảm, hàng ngũ vô sản mỗi ngày mỗi tăng cho tới khi giai cấp vô sản nắm quyền theo luật đa thắng thiểu.

Sơ họa trên đây của Marx đã được Lénine cải bổ. Theo Lénine, giai cấp vô sản khởi sự giành quyền thống trị vào lúc các quốc gia tư bản chém giết nhau trong các cuộc chiến tranh chiếm thị trường và thuộc địa. Khi ấy giai cấp tư bản đã yếu sức rồi vì các cuộc khủng hoảng kinh tế định kỳ và nạn thất nghiệp. Nhân dịp này, Lénine cũng xác định vai trò lãnh đạo giai cấp vô sản của Quốc-Tể Cộng-Sản đảng.

Theo Marx cũng như theo Lénine, sức sản xuất sẽ gia tăng kể từ khi giai cấp vô sản nắm chính quyền và nhờ vào đó, con người có thể tổ chức một đời sống ấm no và công bằng.

Giá trị của thuyết Marx-Lénine là giá trị của những điều tiên đoán của thuyết ấy. Đặt căn bản trên những nhận định về quá khứ, thuyết này cho rằng tương lai xã hội thuộc về chế độ cộng sản.

Cách lập luận của Marx có vẻ thuận lý vì nó giải thích được một phần những biến cố đã xảy ra. Các biện chứng đưa ra để xây dựng học thuyết cũng có vẻ vững chắc và đã được một vài sự kiện thực tế minh nghiệm. Một khi đã chấp nhận định đề của Marx, trí thức khó lòng bác bỏ được các phần còn lại, vì chương lập luận của Marx đã được xây dựng từ hệ luận này sang hệ luận sau như những chiếc vòng của một

cái xích lớn. Tuy nhiên, cũng chính vì lẽ ấy mà chỉ cần gạt bỏ một nhận định, là cả hệ thống lập luận của Marx đều tan rã cũng như khi ta phá hủy một chiếc vòng trong cái xích vậy.

Nếu các nhận định của Marx về quá khứ có thể coi như xác thực thì trái lại, các điều tiên đoán của Marx đã không được thực tế chứng nghiệm. Công trình của môn phái Cambridge do Bà Joan Robinson và Ông Nikolas Kaldor đại diện, đã cho mọi người thấy rằng sự tiến hóa xã hội, đặc biệt về nhân công và tài sản tại các quốc gia tư bản đã không theo chiều hướng do Marx phác họa. Theo sát với sự bành trướng của tư bản, lương thợ thuyền tại các quốc gia này cũng đã tăng tiến khiến mãi lực của giới tiêu thụ không thấp quá đến độ không theo kịp mức gia tăng của sản xuất.

Gạt ra bên những bàn cãi thuộc địa hạt thuyết lý thuần túy, người ta nhận thấy một cách dễ dàng rằng tại các quốc gia tư bản, kể từ cuộc cách mạng kỹ thuật và thương mại (theo Marx là kể từ khi giai cấp tư bản lên nắm chính quyền) đến nay, mức sống trung bình của nhân dân đã không ngừng được nâng cao. Còn nhớ vào đầu thế kỷ XIX, chiếc xe đạp hai bánh hoặc chiếc đèn điện để bàn đã là những xa xỉ phẩm tốn phí nhiều người thêm ước, ngày nay bình dân hiện đang sử dụng mọi tiện nghi của cơ giới và điện khí một cách rộng rãi và rẻ tiền. Tại các quốc gia tư bản, một người thợ lãnh lương thấp nhất cũng có đủ khả năng làm chủ một căn nhà và các phương tiện di chuyển theo ý muốn, ấy là không kể hàng trăm các tiện nghi khác dân

chúng được hưởng một cách công cộng và vô phí. Dù muốn hay không thì cũng phải công nhận rằng chế độ kinh tế tư bản đã có công tổ điểm đời sống của con người bằng cách phổ biến tổng quát các tiện nghi. Óc kiêu lời đã khích lệ con người và thúc dục nó luôn luôn lao động để kiện khang đời sống.

Một mặt khác, tại các xã hội tư bản, người ta cũng không nhận thấy sự hiện diện của đám quân thất nghiệp như lời tiên đoán của Marx. Đời sống phong phú đã chuyên môn hóa thợ thuyền và khiến cho nguyên tắc phân công được áp dụng đến triệt để. Ngày xưa, một người thợ máy có thể nhận lãnh hai ba loại công việc khác nhau, ngày nay, hắn đã trở thành một chuyên viên được huấn luyện vào một phần việc nhất định mà suốt đời hắn không rời đổi nữa. Tình trạng này đã tạo ra trong thế giới thợ thuyền một sự liên đới chặt chẽ. Mỗi người làm một phần việc, không ai là vô dụng và thất nghiệp cả.

Tại các quốc gia tư bản, qui chế nghiệp đoàn dư sức bảo vệ quyền lợi của đám người lao động. Hiện tại ở Hoa-Kỳ và Anh-Quốc, giải sản của một số không nhỏ các nghiệp đoàn thợ thuyền còn lớn gấp mấy lần tài sản của các nhà đại tư bản. Với tài sản lớn như vậy lại thêm quyền đình công được luật pháp bảo vệ, lực lương thợ thuyền tại các quốc gia này hiện đang chi phối guồng máy sản xuất chứ không phải là các chủ xí nghiệp nữa. Cuộc đình công của thợ thuyền ngành kim khí nặng tại Hoa-Kỳ vào ba năm trước đây đã cho thế giới

nhận thấy điều ấy. Người thợ đình công được nghiệp đoàn trả lương đều đặn cho tới khi yêu sách của thợ thuyền được các chủ xí nghiệp chấp thuận.

Thêm vào các tổ chức tương trợ do thợ thuyền tự lập ra, các định chế Bảo-An Xã-Hội của Nhà Nước còn bảo đảm cho giới thợ thuyền tránh khỏi các hậu quả khốc hại của tai nạn lao động và tình trạng thất nghiệp. Tại các quốc gia tư bản, gia đình thợ thuyền bị tàn phế hoặc vong mạng vì tai nạn lao động đều được xã-hội trợ cấp chu đáo và người thợ bất thần mất việc làm có thể tới một nơi công cộng để được xã-hội nuôi ăn và cung cấp các vật dụng thường nhật.

Các phương tiện di chuyển nhanh chóng và chắc chắn giúp cho sự phân phối nhân công được hoàn bị. Thợ thuyền thường cư ngụ tại các vùng ngoại ô xa thành phố, trong các cư-xá có trang bị đầy đủ mọi tiện nghi. Đời sống vật chất và tinh thần của giới Lao-Động đều được xã-hội đặc-biệt chú ý đến. Tại các quốc-gia thiếu mở mang, nhiều nguồn lợi thiên nhiên còn bỏ hoang chưa khai thác. Trong giả thiết có thợ thuyền thất nghiệp tại các quốc gia tư bản, thì vấn đề tìm việc cho những người này cũng không phải là một vấn đề khó giải quyết.

Giai đoạn độc quyền tại các xã hội tư bản cũng chưa thấy xuất hiện như lời tiên đoán của Marx. Tại Hoa-Kỳ chẳng hạn, việc tập trung tư bản tuy đã tới mức độ lớn lao, nhưng sự trạng này không loại bỏ các xí nghiệp nhỏ và ngành thủ công nghệ. Xét một

cách khách quan thì các xí nghiệp nhỏ và các ngành thủ công nghệ Hoa-Kỳ hiện còn đang nắm giữ một thị trường tiêu thụ quan trọng.

Giai đoạn độc quyền vì tập trung tư bản theo như lời tiên tri của Marx cũng không bao giờ có thể xảy đến vì một lẽ giản dị là khả năng và trí tuệ của con người mới thật là lực lượng chỉ huy sản xuất, còn tư bản, dù lớn lao thế nào chăng nữa cũng chỉ là một dụng cụ sản xuất mà thôi. Nhà tư bản, cho dù mạnh đến mức nào, cũng không thể nắm giữ độc quyền tất cả mọi ngành sản xuất được.

Giai đoạn độc quyền không thấy xuất hiện tại các quốc-gia tư bản, trái lại giai đoạn ấy hiện đang có mặt tại các xã hội cộng-sản. Đó là chế độ độc quyền kinh tế Nhà Nước. Nạn độc quyền này, đối với giới tiêu thụ còn vô cùng nguy-hại hơn, vì còn hơn giới tư bản, Nhà Nước tại xã hội cộng sản vừa là kẻ nắm giữ độc quyền tài nguyên, vừa là nắm giữ độc quyền thế lực.

Với những nhận xét trên đây, phải chăng sơ họa của Marx chỉ là sản-phẩm của một suy luận trừu tượng. Những điều tiên đoán của Marx chỉ xảy ra trên giấy mực, sẽ không bao giờ xảy ra tới trong thực tế. Pháp chế bảo vệ giới lao động và các định chế bảo an xã hội đã chặn đứng bánh xe tiến hóa của Marx không cho nó lăn theo chiều hướng của vô sản chủ nghĩa.

Kỳ sau : *Sơ lược học thuyết Rostow*

ĐÀO-QUANG-HUY

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp
— Ít đau

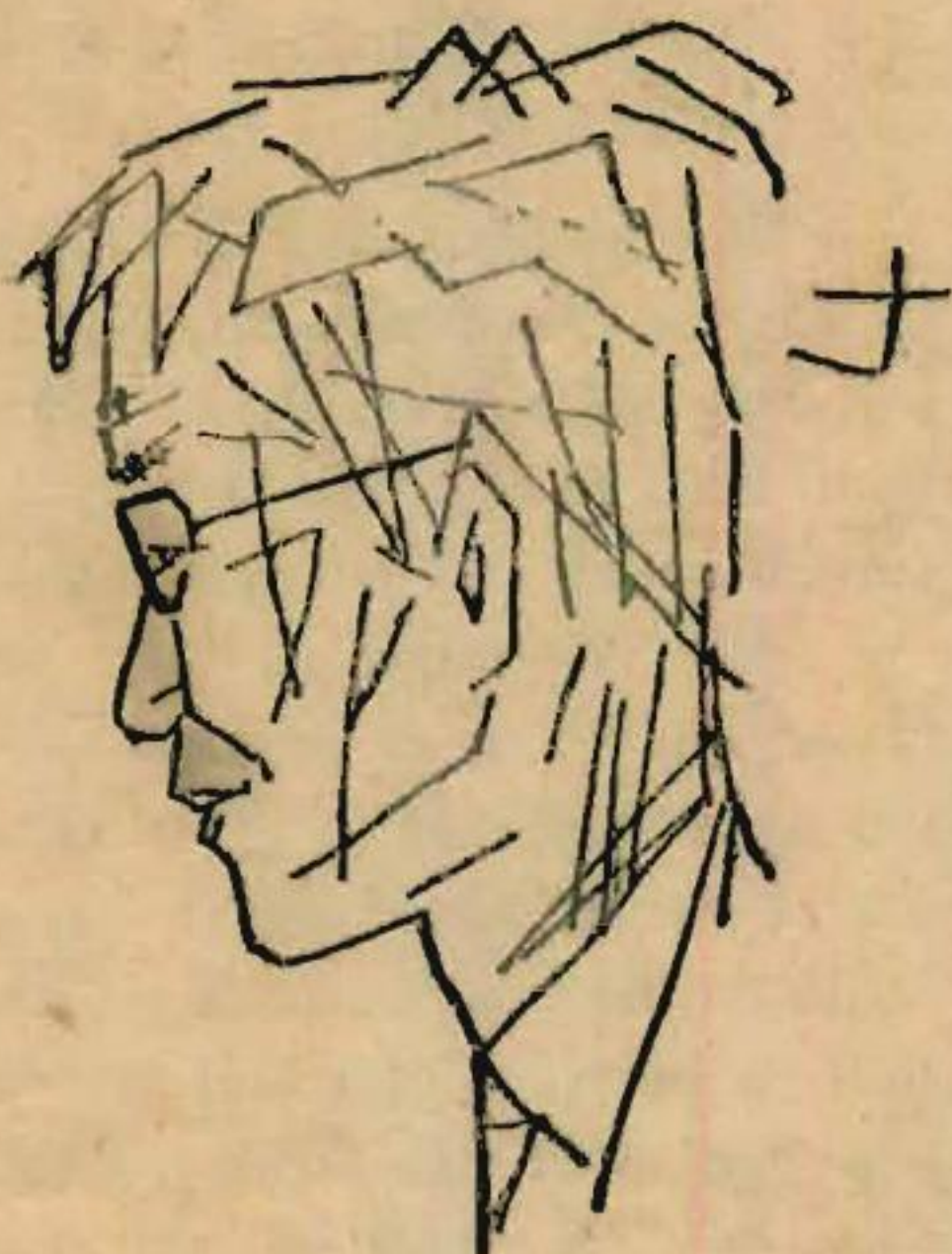
— Chóng lớn

— Khoẻ mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

ĐẠI HỌC HUẾ TRANH ĐẤU CHONG CHẾ ĐỘ CŨ



G.S. LÊ TUYÊN

« **H**AI giờ chiều, ông Trình cho mời chúng tôi, yêu cầu rất đơn từ chức ».

— Ông bộ trưởng yêu cầu các anh chung một lần, hay riêng từng người.

— Riêng từng người. Nhưng không phải ông gặp chúng tôi hết, một số được ông tiếp, còn anh Tường và tôi thì lại « bị » ông đại biểu chánh phủ ngỏ ý muốn gặp.

— Tiếp hai anh một lượt ?

— Không, anh à. Ông ta chỉ

*qua hai giờ nói
chuyện với giáo
sư LÊ-TUYÊN*

★ NGUYỄN-NGU.1

(xin xem B.K. số 171)

mới ngỏ ý muốn gặp riêng từng người. Chúng tôi phản đối. Ông bộ trưởng là cấp trên trực tiếp, ông muốn tiếp từng người, cái đó tùy ông ; còn ông đại biểu chánh phủ là người thay mặt chánh quyền tiếp người này trước, rồi đến người kia, ai biết ông sẽ dờ dặt gì đối với một người chống đối mà ông định mua chuộc hay dọa dẫm, không ai làm chứng : nên chúng tôi đưa điều kiện : mời hai người một lần, chúng tôi mới chịu.

— Nhưng ông ta lại không chịu?

Anh mỉm cười, và mắt anh mơ màng sau kính trắng như để nhớ lại cảnh và người hôm ấy.

— Trong lúc ấy, hơn ngàn sinh viên kéo nhau đến nhà cha Luận, thì cha Luận đã đi Đà-Nẵng trước đó năm phút. Lúc bấy giờ là hai giờ rưỡi. Đoàn sinh viên đi xuống tòa đại biểu để trình kiến nghị cho ông bộ trưởng, cuộc biểu tình này được ông tỉnh trưởng Nguyễn-Văn-Hà cho phép. Ông Trình coi mỗi không êm, gọi máy bay ở Đà-Nẵng ra Huế rước ông về Sài Gòn gấp. Máy bay ra, nhưng sinh viên đã vây chặt tòa đại biểu, ông đành chịu kẹt.

Ông đại biểu Chánh phủ cho mời một phái đoàn sinh viên vô, nhưng sinh viên không chịu, họ yêu cầu hoặc cho họ vô hết, hoặc ông bộ trưởng ra. Ông bộ trưởng đành nhượng bộ. Họ lễ phép trình bày nguyện vọng và trình bản kiến nghị đệ lên Tổng Thống.

Trong bản kiến nghị « toàn thể sinh viên thuộc các phân khoa viện Đại học Huế, họp tại trường Đại-Học khoa học lúc 14 giờ ngày 17-8-1963 » yêu cầu Tổng Thống thấu hiểu lệnh bãi chức viện trưởng của L. M. Cao-Văn-Luận và tìm mọi phương sách để các khoa trưởng và giáo sư đã từ chức đảm nhận lại chức vụ của mình — cũng trong bản kiến nghị này, các sinh viên quyết định bãi khóa cho tới khi nguyện vọng trên đây được thỏa mãn.

Đưa kiến nghị xong, họ về cầu Tràng-Tiến, định diễn hành sang phố, nhưng bị cảnh sát chặn đầu bao vây nên phải tập trung lại trong sân tòa Khâm sứ cũ và giải tán ở đó.

Bồn giờ, chúng tôi họp để vận

động anh em từ chức, nhưng có bảy anh chẳng khứng ».

— Anh cho biết nhân viên giảng huấn của viện được bao nhiêu người.

— Được từ 52 đến 55 người, mà có 45 người kí vào đơn xin từ chức.

— Như thế số người đứng ngoài cuộc tranh đầu không là bao.

— Nhưng chúng tôi muốn không có một bạn nào đứng riêng. Nên cố vận động với anh em Đại học Văn-khoa: chưa có một chữ kí nào của anh em này cả. Các anh ấy hẹn ngày mai, để tối suy nghĩ lại và ra về. Những bạn đã xin từ chức ở lại bàn với nhau nên đặt kế hoạch hẳn hoi. Đã ra mặt chống đối chánh quyền — dù là tiêu cực đi nữa — thì cần phải có qui tranh đầu. Mỗi anh em góp một số tiền để thành lập quỹ. Chớ còn dùng phương tiện của chánh phủ (như đánh máy, quay rô-nê-ô.), thì danh bất chánh mất. Rồi chúng tôi chia tay, hẹn họp lại sáng mai, chủ nhật 18-8.

« Trước khi họp, bác sĩ Quyền cho hay ông Cần khi được biết cha Luận bị cách chức, có thốt một câu : « Tụi nó đập trên đầu tôi mà đi » !

— Trong phiên họp sáng 18-8 này tại Đại học Sư phạm, chúng tôi quyết định đánh điện cho ông bộ trưởng cho hay vẫn giữ lập-trường. Chúng tôi cũng đánh điện cho hai viện Đại học Sài Gòn và Đà-Lạt, báo tin việc chúng tôi từ chức, chớ chưa kêu gọi các bạn đồng nghiệp hai nơi này ủng hộ. Rồi chúng tôi thảo một bức thư ngỏ



Ông Nguyễn-Văn-Trường một nhân viên trong Ủy Ban Liên Lạc hướng dẫn cuộc tranh đấu của Viện Đại Học Huế (17-20-VIII 1963).

cho toàn thể giáo chức Tiểu, Trung và Đại học toàn quốc. Đền chiếu thì bức thư ấy được anh em giáo chức duyệt y và đồng ý gởi đi. Trong thư có những đoạn nguyên văn như sau :

... Tình trạng sinh viên của viện Đại-học Huế càng ngày càng trầm trọng vì tinh thần của họ luôn luôn bị căng thẳng bởi tất cả các lực-lượng quân sự hay võ trang, bấy lâu nay chỉ biết thẳng tay đàn áp chứ không quan tâm đến sự thực thi bản Thông cáo chung giữa Phật-Giáo và Chánh-phủ. - Hầu hết Sinh-viên đều là Phật-tử, và họ đã gánh chịu một cách thể thảm hậu quả tàn khốc của những vụ đàn áp đến nỗi ngày 15-8-63 vừa qua, một phái đoàn Nam Nữ Sinh-viên đã đến yết kiến linh mục Viện-

trường, kêu gọi lòng nhân đạo của Người để ra tay cứu vớt cho họ một giàn cũi đã được dựng lên tại Chùa Diệu-Đề và họ đau đớn tuyên bố sẽ hỏa thiêu và bãi khóa. Linh-mục Viện-trường đã xúc động rơi lệ trước buổi tiếp kiến đó, nhưng người chưa kịp làm gì thì đã bị cách chức và sinh-viên phản uất biểu tình chiều 17-8-63 trước tòa Đại - biểu Chánh - phủ, trao cho ông Bộ-trưởng Quốc - gia-Giáo-dục một bản kiến nghị để đệ trình lên Tổng Thống. Họ cũng long trọng xác định lại vấn đề bãi khóa và hỏa thiêu làm cho chúng tôi vô cùng đau đớn vì nhận thấy rằng càng ngày vấn đề lại càng thêm trầm trọng không những chỉ ở phạm vi tín-ngưỡng mà còn lan tràn sang cả địa hạt giáo huấn gây cho những giáo chức có trách nhiệm những khó khăn mà tự cá nhân mình cũng như cả Đại-học hợp lại cũng không thể nào giải quyết được.

... Vì thế chúng tôi thiết tha kêu gọi sự sáng suốt giúp đỡ của quý-vị Khoa trưởng các phân khoa Đại-học, các vị Giám - đốc các trường Cao-dẳng, các vị Hiệu-trưởng các trường Trung, Tiểu học toàn quốc, sự đoàn-kết huynh đệ chân thành về mọi phương diện của tất cả các bạn đồng nghiệp giáo chức, để cùng nhau tìm ra một giải pháp ổn định cho tình thế mà giáo dục cũng như xã hội đã bị lâm nguy suốt ba tháng trời.

« Chúng tôi được tin mai ông Thẻ ra, bên làm cho xong một việc chưa kết liễu, đó là một vận động lấy chữ kí anh em Văn-Khoa. Mỗi đến 9 giờ tối, mà các bạn ấy vẫn

không chịu ki. Chúng tôi hết sức buồn, buồn vì đã nói hết nước bọt thì ít, mà buồn vì thầy anh em không chịu « dân thân » : có tới hai có đề mà chẳng thể đứng bằng quan : nếu không xúc động vì Phật giáo bị đàn áp dã man, thì cũng xúc động vì linh mục viện trưởng bị cách chức một cách vô lễ. Sau cùng, các bạn ấy bảo : « Để rồi chúng tôi làm riêng » Thôi, thế cũng được. Miễn là anh em rồi cũng có làm một cái gì hơn là mãi thờ ơ...

— Nhưng sau rốt « một cái gì » ấy có không ?

Anh thờ dài, và gương mặt tươi trẻ của anh bỗng tối lại :

— Rốt lại chẳng có gì cả. Đáng buồn hơn nữa, là các bạn ấy cho là bản văn chúng tôi đã kí và mời các anh cùng kí vồn kém ôn hòa để các anh sẽ thảo một bản khác ôn hòa hơn, nhưng bản văn từ chức soạn vào chiều 17-8-1964 là chính do đề nghị của các anh em ấy. Xin nhắc lại rằng bản văn từ chức này khác với Bản Thông Cáo của chúng tôi do đài VOA loan đi. Bản văn này chỉ nói đến tình hình của Viện Đại-học mà thôi còn bản thông cáo gởi đài Voa nêu rõ 3 lý do từ chức của các khoa-trưởng, Giám đốc học vụ và nhân viên giáo huấn Y khoa, luật khoa, khoa học, sư phạm trong viện Đại học Huế : — xúc động trước hai vụ hòa thiêu và cướp xác tại Huế, trước sự đàn áp bắt bớ Phật tử và sinh viên Phật giáo... — xúc động trước sự thờ ơ của chánh phủ kéo

dài đến 3 tháng rưỡi mà không đem lại giải pháp nào để ổn định tình thế, — xúc động trước sự thay thế linh mục viện trưởng.

Sáng ngày 19 ông tỉnh trưởng Thừa-Thiên cho hay rằng công an đã được lệnh bỏ trí để kịp thời ngăn chặn những cuộc biểu tình của sinh viên. Vì hôm nay là ngày kỷ niệm cách mạng tháng 8 nên công an có thể nhân dịp sinh viên biểu tình mà buộc tội những người đi biểu tình là Việt-Cộng — tin này ông Tỉnh Trưởng mật báo cho tôi rõ để kịp đề phòng, ngăn giữ đừng cho sinh viên mắc mưu họ mà biểu tình hôm đó.

Chúng tôi bèn về sân viện Đại-học chờ ông Thẻ. Chính trong lúc chờ đợi này, chúng tôi nhận được tờ tuyên cáo của viện Hán học, lời lẽ còn hăng hơn chúng tôi nhiều ».

Nói tới đây, anh đưa cho tôi coi bản « tuyên cáo » in ronéo của «Giảng viên viện Hán Học Huế» để ngày 1/8/63, nội dung tán đồng quan điểm của các khoa trưởng và giáo sư các phân khoa Đại học Huế phản đối những lời tuyên bố của những nhân vật không có trách nhiệm đã gây hoang mang trong dân chúng, phản đối những hành động che giấu sự thật, xúc động trước sự tranh đấu bất bạo động của Phật giáo đồ, bất bình về sự bãi chức của L. M. viện trưởng Cao-văn-Luân cũng là Giám đốc viện Hán-Học Huế.

Do đó, toàn thể giảng viên Viện Hán Học tuyên bố nghỉ việc giảng

dạy. Người ta đọc được những tên ký dưới bản tuyên cáo như sau :

Ô. Ô.

Võ-Như-Nguyễn, Nguyễn-Duy-Bột, Hà-Ngãi, Nguyễn-Hưng-Giáo, Hồ-Đắc-Định, Cao-Hữu-Hoành, Phan-Chí-Chương, Nguyễn-Hữu-Châu-Phan, Cao-Xuân-Duẩn, Phan-Văn-Dật, Châu-Văn-Liệu, Nguyễn-Văn-Dương, Nguyễn-Doãn-Thám, Trương-Xuân-Trực

Bà Nguyễn-Thị-Trang tức bà Nguyễn-Hữu-Trí, Ô. Ô. La Hoàì, Vĩnh-Quyên, Nguyễn-Văn-Kháng

— Hân là ở viện Hán-học, mọi người đều kí vào lời tuyên ngôn « này lửa » này.

— Tiếc thay, có hai người không kí. Chúng tôi bèn gửi bản thông-cáo của chúng tôi, bản tuyên ngôn này cùng bức thư ngỏ với giáo-chức toàn quốc đã đưa rô nê ô vào Saigon, nhờ một bà Mi mang đi. Trưa hôm ấy, thì chùa Xá-Lợi phát thanh hai tài liệu đó

« Chúng tôi cấp tốc thành lập một ủy ban gồm 5 người, lấy tên là ủy ban liên lạc giáo chức năm tiểu ban sau đây ra đời : ăn loá » liên lạc, chính trị ngoại giao và phụ trách sinh viên.

« Xong, chúng tôi nhờ người giữ công văn ghi đơn từ chức chúng tôi vào sổ, kèm theo thông cáo của chúng tôi và tuyên ngôn của viện Hán-học.

« 11 giờ bác sĩ Quyên đọc cho

sinh viên và chúng tôi nghe bức điện tín của đại sứ Trần-Văn-Chương gửi linh-mục Cao-Văn-Luân. Đây là một bức điện tín công khai ủng hộ lập trường của viện Đại-học và phủ báng chính quyền N. Đ. Diệm.

TELEGRAMME

Washington, le 18-8-1963

Reverend Père CAO-VĂN-LUÂN
University Huế.

Veillez recevoir l'expression de ma sincère sympathie (stop) Vous aurez rendu un grand service au pays et au gouvernement en contribuant à montrer que la dignité humaine est le plus respectable des biens et que les forces morales triomphent toujours au Vietnam comme au treizième siècle et comme en 1954 et 1955 — Trần-văn-Chương



Ông Nguyễn-Hữu-Trí trong Tiểu Ban Phụ Trách Sinh Viên của cuộc tranh đấu Viện Đại Học Huế. 17-20 VIII 1963

(Dịch : Hoa-Thạnh-Đôn, ngày 18-8-1963.

Linh-Mục Cao-văn-Luận Đại Học Huế

Xin nhận cảm tình chân thành của tôi (stop). Ngài đã giúp ích nhiều cho xứ sở và cho chánh phủ bằng cách cho thấy rằng giá trị con người là tài sản đáng kính trọng nhất và những lực lượng tinh thần luôn luôn đặc thắng ở nước Việt, cũng như ở thế kỉ thứ mười ba và cũng như ở những năm 1954 và 1955. Trán-Văn-Chương).

« 11 giờ 15 phút. Ông Thẻ tới. Tất cả sinh viên đều đứng im lặng trong sân tòa viện trưởng. Ông Thẻ tưởng đâu sinh viên đến chào mừng viện trưởng mới, nên rất vui vẻ, song chưa biết nên có thái độ như thế nào. Sau đó ông vào văn phòng và ngỏ lời với toàn-thể giáo chức, nhưng khi ông chậm dứt thì cả một sự im lặng đáp lại với ông. Trong sự im lặng nặng nề, anh niên trưởng Quyền bước ra, đưa đơn từ chức của chúng tôi và liền sau đó chúng tôi rút lui. Một đoàn đại diện sinh viên liền vào văn phòng viện trưởng và đưa bức tâm thư ; trong thư này, sinh viên rất mực tán dương ông... đại sứ (họ không gọi là viện trưởng !). Yêu cầu ông dùng tất cả uy tín để đặt lên chánh phủ sự thiết tha của toàn thể sinh viên Huế được thầy cha Luận về làm viện trưởng trở lại. Trong khi ông Thẻ xem thư, thì tất cả sinh viên đều ngồi ngoài nắng và tuyết đòi giữ im lặng.

Trong bức tâm thư của Sinh-viên Đại học Huế gửi giáo sư Trán-Hữu-Thê có những đoạn sau đây :

... Sự thay thế chức vụ viện trưởng của linh mục Cao-Văn-Luận đã gây xúc động lớn trong toàn thể sinh viên chúng tôi. Chúng tôi buộc phải tranh đấu để mong Chính-phủ hiểu thấu nguyện vọng sâu thẳm của chúng tôi, để linh mục Cao-Văn-Luận có thể phục hồi lại chức vụ viện trưởng.

Đây là một cuộc tranh đấu chính đáng, đầy nghĩa khí mà một người trí thức như Giáo sư hẳn không bao giờ phủ nhận.

Vậy để cuộc tranh đấu của chúng tôi khỏi gặp thêm trở ngại khó xử, chúng tôi tha thiết kính mong Giáo-sư từ chối chức vụ tân Viện-trưởng viện Đại học Huế.

— Nhưng rồi ông Thẻ phải phá tan sự im lặng ấy chớ ?

— Chớ còn ai làm việc ấy. Ông eh! nói một câu ; « Tôi xin nhận thư này và tôi sẽ chuyển lên cấp trên ». Rồi ngại sinh viên có thể xúc phạm đến người ông, ông định chuồn ngó sau. Nhưng anh Hồ tổng thư ký can không cho, khuyên ông nên đi ngó trước để giữ thể diện viện trưởng. Ông đành phải làm theo sinh viên bền rã ra, để đường cho ông đi. Chừng ấy, họ mới vỗ tay.

« Chúng tôi giải tán ra về, anh em sinh viên cũng thế. Chúng tôi về cùng một xe để bàn tiếp công việc phải làm. Ai cũng đồng ý

mỗi ngày, phải làm một cái gì mới để dồn chánh quyền vào cái thề bị động, luôn luôn phải đòi phó không thì thua họ mất. Biểu tình là hành động cuối cùng và quyết liệt : một mất một còn, phải để dành cho đúng lúc. Còn bây giờ, thì quyết định triệu tập một cuộc họp báo tại Viện vào chiều thứ ba 20-8. Và mời ngay cha Luận về Huế để cha có thể tránh được những áp bức của chính quyền.

Nếu mời không được, thì yêu cầu cha đừng kí bất cứ giấy tờ gì, vì e vô tình cha cản trở cuộc tranh đấu của chúng tôi khi bị áp lực của các « bề trên tôn giáo » chẳng hạn.

« Phải đẩy phong trào lan xuống giới giáo sư Trung học, để khỏi bị cô lập hóa. Và vận động liên với hai trường Trung học Quốc học và Đồng-Khánh, rồi đến các trường Trung học khác, để sao mỗi ngày, mỗi trường tung ra một bản tuyên ngôn. »

« Chúng tôi phải phân công việc cho mỗi tiểu ban họp riêng, làm việc riêng, và đến 17 giờ chiều này cũng đến trường Y khoa để họp. »

— Các anh làm ráo riết thề, chẳng lẽ ông Thề lại ngồi im mà đợi.

— Ông cũng làm phần ông chứ. Ông cho mời riêng chúng tôi, và yêu cầu rút chữ kí. Nhưng không một ai chịu cả.

« Đến 5 giờ chiều, chúng tôi được tin Sài-Gòn, có cuộc tuyệt thực vì đại ở chùa Xá-Lợi, sinh viên và

học sinh có tham dự đông đảo. Chùa lại có phát thanh những bài công kích ông bà Nhu. Chúng tôi định cử người vào Sài-Gòn để bàn cách tranh đấu sao cho thống nhất giữa Sài-Gòn và Huế. Vì thề nào, với cái đà này, tăng ni, sinh viên, học sinh, giáo sư cũng phải cùng xuống đường. Và chừng ấy, là một còn một mất. »

— Thái độ của người Mi ở Huế ra sao, anh ?

Anh đưa hai bàn tay ra, nhưng chỉ nói :

— Đương nhiên những người có trách nhiệm tại Huế tán thành và giúp đỡ để phổ biến mau chóng việc làm của chúng tôi ; nhưng trên cương vị chính trị và ngoại giao, họ vẫn chính thức thừa nhận Chánh phủ Ngô-Đình-Diệm là Chính phủ có thẩm quyền hiện hữu.

— Còn Phật giáo ?

— Phật giáo thì rất đổi hoan nghênh ; chúng tôi tạo thêm cho họ một yếu tố để đẩy mạnh cuộc tranh đấu bảo vệ Phật pháp.

« Chiều thứ hai 19, sau buổi họp chung tại Đại hội Y khoa của Ủy ban liên lạc, chúng tôi ra một bản thông cáo tóm tắt những việc đã làm, và xác nhận chúng tôi không bao giờ rút lại chữ kí. Bản thông cáo này, người trong nước không hay, nhưng tin lãnh sự Mi được biết »

« Sáng thứ ba, chúng tôi họp khoáng đại hội nghị tại viện, hay tin cha Luận đã trả lời một bức thư ông Thục. Ông đại diện Chánh phủ chụp lại phần « Tái bút », gởi qua viện ».

— Anh còn nhớ đoạn « Tái bút » này nói gì mà ông biểu Chánh phủ miền Trung lợi dụng nó . . .

— Nguyên văn, thì tôi không nhớ, nhưng đại ý cha Luận nói với ông Thực đầu Tổng Thông có yêu cầu, cha vẫn không trở về làm viện trưởng lại.

« Chúng tôi lật ngược thẻ cờ. Vì nhận xét thầy cha Luận viết có mấy dòng mà sai chánh tả, sai văn phạm nhiều quá trái hẳn với mọi khi. Chúng tôi kết luận rằng cha viết thư này dưới một áp lực nào đó, khiến cha mất hẳn bình-tĩnh. Vậy thì đoạn « Tái bút » này vô giá trị ».

— Còn anh em sinh viên ?

— Hai anh chánh phó đoàn-trưởng, Thơ và Giàu ? luôn luôn liên lạc với chúng tôi. Anh em họp tại Merin, lập quỹ tranh đấu được vài ngàn. Rồi in truyền đơn, phát ; viết biểu ngữ, căng ; tôi lại thì viết khẩu hiệu ở vách tường, công an đem vòi lại quét thì anh em lại viết lại.

« Phần chúng tôi trù liệu một cuộc họp báo. Nên dự định cho người vô Đa-Năng mời cha Luận về — đi bằng xe lửa, để ít ai để ý. Có người tin cho chúng tôi biết vài sinh viên bị bắt. Anh em sinh viên và chúng tôi quyết định nếu Chánh quyền không bỏ mạnh, thì giáo sư và sinh viên phải biểu tình.

Anh em sinh viên còn quyết liệt hơn : hễ một giáo sư ban nào bị bắt, thì có ngay một sinh viên ban ấy tự thiêu để phản đối. Và đã có

bảy sinh viên ở bảy phân khoa tỉnh nguyện hy sinh ».

— Thật là một tiết lộ bất ngờ ! Chúng tôi ở Saigon, rất ít ai biết điều này.

— Chúng tôi lại được biết trong khoảng từ 21 đến 23. Saigon có cuộc biểu tình lớn. Huệ sẵn sàng ủng hộ. Chúng tôi còn nghe tin Chánh-quyền dự định bắt anh Lê Khắc-Quyền và tôi, vì họ cho rằng mất hai chúng tôi, thì phong trào tranh đấu của giới giáo sư và sinh viên sẽ tan ngay.

— Biết thế, các anh có định lánh mặt chăng ?

— Việc bị bắt, chúng tôi có nghĩ đến, còn việc lánh mặt thì không. Tròn tránh, lẩn núp, là cho việc làm của mình sai, bậy ; hơn thế nữa, đối với bạn bè và học trò của mình là một sự phản bội.

Thầy tôi không hỏi gì thêm, mà có chiều tư lự, anh ngược nhìn tôi, hơi bàng đôi mắt.

— Anh làm tôi nhớ lại lời một bạn khác, bạn thân với Nhật-Linh. Anh bạn này có nói với tôi, nhân cùng bàn về cái chết của Nhật-Linh : « Anh Nhật Linh quan niệm rằng người lãnh đạo có bốn phận đi trước quần chúng, và khi cần, phải chết trước quần chúng, chứ không phải như quan niệm Cộng-sản ; Cộng-sản quan niệm rằng : nếu cần, thì hi sinh quần chúng để bảo vệ cấp lãnh đạo, và cấp lãnh đạo có bốn phận đi sau quần chúng, và có gì nguy, thì

lần tránh ngay để chờ cơ hội thuận tiện ; quán chúng lúc nào cũng có sẵn, và có hao hụt cũng chẳng sao, còn một người lãnh đạo, phải mất nhiều công phu và thời giờ để đào tạo, và lắm khi mất một người lãnh đạo, là thiệt hại cho cả một phong trào . . .

— Chúng tôi có thái độ như thế quyết không lần tránh ; vì nghĩ đó là thái độ phải chăng của người trí thức. Và (anh mỉm cười) xin anh chờ xem chúng tôi là những « nhà cách mạng », hay « những lãnh tụ một phong trào quán chúng » mà phê phán.

« Mình đi xa câu chuyện rồi ! Chúng tôi họp đến một giờ mới chia tay. Qua một giờ rưỡi, chúng tôi liên lạc được với nữ Trung-học Đồng-Khánh, được tin là đến năm giờ, Đồng-Khánh sẽ có bản tuyên ngôn. Thế là ngày 20, chúng tôi có một cái gì « mới » rồi. Ngày 21, sẽ đến phiên nam Trung-học Quốc-Học. Chúng tôi hăng hái hơn, chia nhau vận động các giáo sư các trường tư, các cựu sinh viên Đại học Sư phạm, để họ hưởng ứng phong trào mà lần lượt tung ra những bản tuyên ngôn. Thắng lợi chót của chúng tôi về mặt này, là lúc 14 g. 30, anh em giáo sư Cao đẳng Mĩ thuật đồng ý với chúng tôi về nguyên tắc tranh đấu trong đó có anh giám đốc Mai-Lan-Phương. Chúng tôi sắp đặt chương trình hành động cho những ngày 21, 22 và 23.

« Hai giờ chiều chúng tôi về nhà

hàng Morin, thì được biết ông Thê bắt đầu mở cuộc phản công, ông vừa ra thông cáo số 1, cho hay từ đây các giáo sư muốn họp phải có phép.

Ba giờ thông cáo ấy đến tay chúng tôi. Đại ý là các khoa trưởng và giáo sư hay tổng hội sinh viên muốn sử dụng các phòng họp và các giảng đường phải xin phép trước tòa viện-trưởng. Những cuộc họp báo hay thảo luận về tôn giáo, chánh trị phải xin phép thêm ông thị trưởng Thành phố Huế.

Nhưng trong phạm vi viện Đại học, chúng tôi còn có quyền họp tại phòng giáo sư. Độ ba chục anh em chúng tôi đã họp tại đây và đòi phó lại thông cáo 1 của ông tân viện trưởng bằng thông cáo 2 : cho rằng ông này là hành động trái với truyền thống Đại học, vốn là : tự trị, tự do.

THÔNG CÁO SỐ 2

Các Khoa-trưởng và Giám-độc ký tên sau đây. Các lực phản đối việc Ông Trần-hữu-Thê vừa ra thông cáo số 1, ngày 20 tháng 8 năm 1963 cho biết rằng : « Những cuộc hội họp trong các phân khoa Đại học phải được Tòa Viện Trưởng cho phép ».

Điều khoản trên của thông cáo này không dựa trên một căn bản pháp lý nào và trái với tinh thần Tự do và Tự trị của các phân khoa Đại học từ trước đến nay.

Huế, ngày 20 tháng 8 năm 1963

Các Khoa trưởng Đại học Y khoa,

Luật khoa, khoa học : Lê-Khắc-Quyền, Bùi-Trường-Huân, Tôn-thất-Hạnh, Các giám đốc Học vụ Đại học Sư phạm : Nguyễn - Văn - Trường, Lê-Tuyên.

— Và thông cáo 2 này, các anh cũng đưa cho tòa lãnh sự Mỹ như như thông cáo 1.

Anh gạt đầu.

— Chúng tôi định cho chụp hình lại, đề gởi các cơ quan ngoại quốc khác, và hủy bản chánh. Nhưng hiệu làm « photocopie » lại thời thác, bảo đề mai mới làm.

— Các anh có ngờ rằng hiệu này đã được lệnh trên « dạy » làm thế chẳng ?

— Lúc đó thì không ngờ, nhưng sau này, nhớ lại thì nghĩ có bản tay chánh quyển trong đó. Bởi « ngày mai », hôm sau, có nghĩa là « chẳng bao giờ ». Phán ông Thề, ông vội vã cho ra thông cáo số hai đề « trấn an » sinh viên và dư luận. Nội dung thông cáo số hai cho hay « những chứng chỉ Đại học khóa hai sẽ tiếp tục thi và ngày tựu trường sẽ định sau khi thi xong. Đặc biệt là các thông cáo số một và số hai của ông Viện trưởng Thề đều có sao giữ « Thiệu tướng Tư lệnh quân khu I » cả.

— Anh em sinh viên hẳn ngày ấy cũng hoạt động mạnh đề « trả lời » lại ông tân viện trưởng ?

— Mạnh hơn bao giờ hết. Và cả hai phe !

— Hai phe ?

— Có gì mà anh lầy lăm lẹ. Một phe chống áp bức, bạo tàn, thì viết lại thông cáo chúng tôi đem đi dán khắp phố phường. Nhóm bị mua chuộc thì hoặc viết lên các thông cáo kia hai chữ : « Đá đảo » to tướng, hoặc đi rải truyền đơn chống lại thấy, chống lại bạn.

— Những phần tử này chỉ chống lại các anh, hay có còn làm gì khác ?

— Làm gì, thì chưa thấy, nhưng nói thì rõ ràng lắm. Họ dọa... bằng chữ rằng chúng tôi là bọn phản dân, phản nước, không sớm quay về với chính nghĩa quốc-gia, thì họ sẽ đâm lũng ruột, họ sẽ chặt đầu. Họ đã hăm dọa ngay trên đài phát thanh bằng cách chỉ tên những giáo sư đã hướng dẫn sinh viên biểu tình và cho là phản động.

« Không khí căng thẳng hơn lúc nào hết. Nên chúng tôi sắp đặt cho người bí mật vào Đà-Nẵng mời cha Luận về Huế ngay ».

— Còn như gặp trường-hợp linh mục không thể về, hay không muốn về ?

— Thì cha đừng kí vào bất cứ giấy tờ gì.

— Bởi vì...

— Bởi vì cha thì rất thật thà. Mà họ thì rất điêu ngoa.

« Nhưng rồi, ba giờ đêm ấy, chùa chiền bị tấn công. Nhà tôi ở trên đường đi đền chùa nên tôi nghe rõ cả tiếng mõ, tiếng chuông,



*Sinh-viên tập trung trước tư thất của
L.M. viện trường, chuẩn bị biểu tình*

tiếng kêu cứu cứu. Đồng bào ở quanh chùa bèn đánh mõ đánh thùng thiếc để báo nguy. Đột xung phong đầu, cảnh sát chiến đầu bị thanh niên, sinh viên, học sinh và các đạo hữu trong chùa dùng gậy, củi đẩy lui. Lúc ấy họ chưa được lệnh bắn. Nhưng rồi tiếng súng đầu tiên nổ. Em anh Trí đi xe vô lộ lại báo tin nhà anh Trí đã bị bắt cóc, rồi hỏi há đáp xe đèn nhà các anh khác.

— Anh có ý nghĩ thoát thân chăng ?

— Ngay lúc đó, thì có. Tôi nghĩ đến tòa Lãnh sự Mỹ, ở cách nhà tôi độ 200 thước. Nhưng rồi xét lại, tôi tròn, không có lợi. Chỉ thoát được có thân mình. Đã làm, thì chịu trách nhiệm. Mười lăm phút sau khi em anh Trí báo tin, thì nhà tôi bị bao vây. Chúng kêu mở cửa. Lúc ấy 4 giờ sáng. Tôi

không cho mở, cố ý để họ mất thì giờ và buộc họ dùng bạo lực. Họ phá cửa trước không ợc. Họ phá cửa sau. Trong lúc đó tôi lo hủy gấp một số tài liệu, bằng cách xé ra và nuốt vào bụng, và thu đầu một số tài liệu khác. Lúc họ vô nhà, tôi đứng ở trên lầu, lắng tai nghe. Họ vào phòng mây

đưa con tôi và bật đèn hỏi tôi. E họ đánh đập chúng, tôi lên tiếng, hỏi họ muốn gì.

Tôi cười :

—Thì họ muốn gì, anh dư biết rồi kia mà...

— Ấy đó, mà họ hỏi lại tôi : « Đây, có phải nhà ông Lê-Trọng-Vinh không ? ».

— Thề là họ lộn nhà. Nhưng tốp tìm anh họ lại đi đâu ?

— Sau, hỏi ra, thì tốp đó về làng, tìm tôi ở Kẻ-Vạn. Họ tưởng tôi không đại gì ở ngay giữa Huế.

— Rồi họ bỏ đi ?

— Không. Họ đòi tôi đưa thẻ căn cước. Họ xuống lầu, nói với xếp họ đây không phải nhà Lê-Trọng-Vinh mà là nhà Lê-Tuyên. Người này « À » lên :

«Lê-Tuyên cũng có tên trong sổ!» Ông ta mời tôi xuống. Tôi lúc đó mặc đồ bi da ma, xin trở lên lầu thay đồ, ông ta lắc đầu, bảo cấp trên mời tôi đến hỏi chuyện riêng một chút rồi về. Họ đưa tôi đến nha cảnh-sát. Tôi là người thứ sáu được Chánh quyền «mời đến hỏi chuyện riêng».

— Anh có thể cho biết năm người đến trước!

— Ba bạn đồng nghiệp: Trí, Trường, Nam một giáo-sư trường Quốc học và ông hiệu trưởng thực Bồ-Đề.

— Chưa có anh Quyền?

— Mà đến 8 giờ, anh Quyền mới bị bắt.

— Về vụ anh bác sĩ Quyền bị bắt, tôi có biết một anh bạn, cũng bác sĩ, rất khổ tâm về vụ này. Tiện đây tôi xin kể lại cho anh nghe.

Người bạn của tôi còn trẻ, ở ngoại quốc về không bao lâu; anh được bổ làm giám đốc một bệnh viện ở lục tỉnh. Khi hay tin người bạn đồng nghiệp ở Huế ấy bị Chánh quyền bắt ngang rồi tống giam, chẳng đưa ra tòa án xét xử, anh rất đỗi bất bình, và vì còn trẻ, vì về nước chẳng lâu, anh trông ngóng các bậc đàn anh, giám đốc các bệnh viện trong toàn quốc, lên tiếng phản đối vụ bắt giam trái phép này để tỏ tình lên đỗi, và anh tưởng thế nào rồi các bậc ấy sẽ có đơn từ-chức, thì hạng đàn em như anh sẽ sẵn sàng để trả chức. Nhưng uổng công anh ngóng trông và dò hỏi. «Sống chết mặc... may!» Anh không thể làm gì hơn là bực dọc với mình và khinh các «bậc đàn anh» ấy. Anh âm ức nói với tôi sau đó một tháng: «Anh tưởng tượng nếu tất cả giám đốc bệnh viện trong

nước đều từ chức một lượt để phản đối anh Quyền, thì cuộc đời chắc chẳng êm rơ như thế này, và «họ» cũng bớt khinh bọn trí thức chuyên việc «Cứu nhưn độ thế».

— Anh Quyền bắt được việc này chắc anh được an ủi nhiều lắm. Chính tôi sau này rất buồn cho cái giới trí thức nước



Sinh-viên trước cầu Tràng-Tiền
(cảnh-sát chặn không qua Đường Trần-Hưng-Dạo)

nhà, trong đó có mình ! Cộng-sản họ khinh, họ Ngô xem rẻ, rồi đến lớp trẻ xem thường, là đáng lắm : không dám lãnh trách nhiệm, chẳng dám có sáng kiến, cứ đùn trách nhiệm cho cấp trên cứ tưởng mình khôn ngoan, thận trọng, nhưng thật ra nhút nhát và hèn nhát hơn ai !

— Chắc ngoài anh em trong giáo giới, còn các tăng ni, sinh viên, học sinh . . .

— . . . Và hướng đạo nữa. Chiều, thêm một sò ít đồng bào.

— Sò người bị bắt ngày 21 ấy chắc là đông lắm.

— Tôi phỏng độ ngàn người. Họ nhốt vào hội trường của nha Cảnh sát, vồn chứa ngày thường được ba trăm người là nhiều.

— Nhốt chung như thế, các anh lúc ấy có hiểu lí do cuộc bắt bớ này chăng ?

— Chưa một ai hiểu. Chỉ phỏng đoán có lẽ là một vụ Saint Barthélemy mới, mà nạn nhân không phải là người theo đạo Phản-Thệ, mà là Phật-giáo-đồ. Chúng tôi bàn với nhau : nhất định không rút đơn từ chức. Nhưng nếu Chánh-phủ giải quyết trong vòng danh-dự đôi bên : trưng dụng chúng tôi, thì chúng tôi làm việc lại.

— Các anh bắt đầu . . . bị quan chưa ?

— Trái lại là khác. Trọn ngày 21, chúng tôi lạc quan, mà ai bị bắt cũng lạc quan như chúng tôi. Hẳn là Sài-gòn đã xảy ra gì quyết liệt,

nên ở đây họ mới dùng biện-pháp thật nhân tâm này. Mà nếu chưa có gì xảy ra hôm nay, thì cũng sẽ có cái gì xảy ra ngày mai, ngày mốt : phải bắn phá chùa chiền, bắt bớ sư, vãi, trí thức, sinh-viên đồng đức như thế nì, là báo hiệu cơn giã chết của chế độ. Riêng chúng tôi thì nghĩ : mình thật một trận đánh, nhưng rồi mình thắng cả trận giặc.

« Trưa hôm sau — thứ năm, 22-8 — người ta mời anh Quyền đi. Năm phút sau, đến phiên tôi. Tôi theo người dắt đi vô một hành lang tối om. Một người cảnh sát chiến đầu chờ sẵn, dí súng lục vào bụng tôi, bảo tôi cởi quần áo ra. Tôi bảo tôi không có mặc đồ lót. Anh ta cau mặt. Rồi giữ áo quần cùng gương trắng, anh ta ra lệnh, vô một cái phòng. Tôi vừa để chân vào xà lim, thì anh ta to tiếng chửi... »

— Anh ta chửi có chút gì... văn chương không ?

— Văn chương, thì không, mà tục tằn, cũng không nốt. Chỉ có điệu trắng trợn.

— Vậy xin anh lặp lại... Cũng là một tài liệu !

— « Tài liệu » này có hai đoạn. Đoạn đầu, thông thường ; đoạn sau, thật là bất ngờ. Bất ngờ, đối với tôi. Tôi xin lặp lại.

« Đố Việt gian, đố phản động, đố cộng-sản ! Tụi bây thắng, thì tụi bây cắt cổ tụi tao, còn tụi tao thắng, thì tụi tao cắt cổ tụi bây ! »

« Rồi hân đóng sầm cửa xà lim, khóa và niêm lại. Khoảng một giờ sau, họ mang cho tôi một cái thùng sắt Tây sét rỉ, để tôi đi ngoài. »

— Anh bị nhốt xà lim mấy ngày.

— Năm tuần.

— Cơm nước ra sao, anh ?

— Ngày, hai đĩa cơm nửa chín nửa sống với một ít xì dầu.

— Anh ăn được chớ ?

— Lần đầu, tôi đành chịu. Nhưng rồi, cò nhắm mắt, nuốt được ít nhiều. Còn nước, thì họ cho mỗi ngày một chai, thứ chai xá xí đó, anh để dùng trọn ngày trong một lúc cho đủ mọi thứ uống, rửa tay, rửa mặt, v.v... Xuýt nữa tôi quên họ có để cho tôi đôi giếp Nhật để đi. Tôi không đi, mà dùng chúng để gỏi đầu. Nên xi măng lâu đời, bẻ vụn, nằm, khó chịu vô cùng. Chẳng dám lăn, vì lăn thì rách da.

— Trong năm tuần xà lim ấy, chắc anh không giữ một kỉ niệm nào êm ả cả ?

Mắt anh chớp chớp :

— Có, anh à. Đời thỉnh thoảng cũng dành cho mình đôi cái bất ngờ sung sướng đến có lúc mình ngờ mắt, ngờ tai. Đêm thứ ba, phiên gác vừa đổi, tôi nghe có tiếng gõ cửa. Tôi thức, mà làm thỉnh. Có tiếng gọi khe khẽ : « Thấy ! Thấy ... », rồi một miếng giấy khá lớn được chuối vào dưới khe cửa : « Em là một Phật tử đây, thầy ; thầy lấy giấy này để lót lưng cho đỡ đau, đỡ lạnh. Đến 5 giờ sáng, đổi phiên gác, em gõ cửa, thầy chùi miếng giấy ra cho em, kéo chúng

nó bắt gặp, thì chết thầy, chết em ». Và, sau đó, hễ tới phiên gác của người lính Phật tử mà tôi không biết tên, biết mặt, là lưng tôi được « sướng » mấy giờ.

Chúng tôi bị bắt sáng thứ tư 21-8, thì đèn chủ nhật 25-8, họ tha gần hết, còn có năm người ở trong ban chỉ đạo ; các anh Trường, Hanh, Huân, Quyền và tôi cùng với anh Võ-Như-Nguyên thuộc viện Hán-Học. Anh Nguyễn lãnh đạo phong trào ở viện này.

— Bọn anh kia cũng bị nhốt xà lim như anh ?

— Chỉ có mình anh Quyền và tôi. Vì chỉ có hai xà lim. Ba anh kia được nằm ghề bồ, có mừng.

— Còn các anh chỉ đạo anh chị em sinh viên ?

— Ba anh Giàu, Thơ, Bình, thì vẫn bị giam cạnh đây.

— Ngày đầu, đêm đầu nằm xà lim, chắc anh khổ sở lắm.

— Khổ sở và mất hết tinh thần. Vì hoàn cảnh thay đổi quá đột ngột và quá khác. Nhưng rồi cái gì cũng quen đi, và nói như ai, con người là con vật dễ thích nghi với hoàn cảnh nhất. Đến ngày thứ sáu, thầy bớt khó chịu nhiều ; qua ngày thứ bảy, thì thầy như thường.

Tôi nhìn anh, chăm chú, và hỏi :

— Đồ anh biết tại sao ngày thứ bảy, anh chẳng thầy khó chịu ?

Anh đẩy gọng kính lên, nhìn lại tôi. Tôi nói :

Vì Đức Chúa Trời tạo ra cái thể

giới này trong sáu ngày thôi. Qua ngày thứ bảy, Ngài bèn xoa tay, mà đi nghỉ vậy !

Anh cười.

Tôi hỏi :

— Anh có tìm được cách gì để giết thì giờ không ?

— Được hai cách. Một là gõ những miếng xi măng vụn dính vào người, hai là hát ngẫu ngao...

— Mấy ngày sau, họ mới thăm vấn anh ?

— Năm ngày sau. Buồn cười một nỗi, là những kẻ thăm vấn tội trạng là cán bộ Việt-Minh cũ.

Có gì lạ đâu, anh. Sau khi phụng thờ một chế độ hết sức duy vật, thì họ lại phụng sự một chính thể cực kì... duy linh ! Những cái cực đoan rồi phải đụng nhau ! Chắc họ hỏi anh về đêm.

— Đúng vậy. Từ 9 giờ tối đến

4 giờ sáng ; họ thường đứng đứng tôi trong không ấy. Như tôi đã nói với anh, tôi không bị tra tấn ; họ nói tôi rất ư lịch sự.

— Và những khi đó, họ cho anh...

— Phải, họ cho tôi mặc quần áo, đưa gương cho tôi mang đằng hoàng.

« Họ hỏi khéo léo lắm, định dồn chúng tôi phải nhận ba điều này : có liên lạc với Phật-giáo ; có liên lạc với tòa lãnh sự Mỹ ; định từ chức trước khi cha Luận bị cách chức. Mục đích của họ là cò gài tôi gián tiếp nhận, để đưa tôi ra tòa án Quân sự. Nhưng tôi trước sau, vẫn trả lời : không.

— Họ hỏi anh từ...

— Từ 20-8 đến 20-10. À, có lúc họ hỏi tôi luôn ba đêm liền. Một là một. Có khi họ cho nghỉ vài đêm, rồi kêu hỏi lại. Sau, Sài Gòn có gọi một phái đoàn ra hỏi nữa.

— Như thế, những lúc quá mệt, anh có khi nào trả lời cho rồi, để về ngủ cho khỏe !

— Không khi nào. Vì mình biết họ cò ý hỏi mình trong lúc nửa tỉnh nửa mê, làm cho tinh thần mình căng thẳng tột độ, để mình không làm chủ được mình,



Sinh-viên trước tòa đại biểu Chánh-phủ

nên tôi hết sức giữ vững tính thần. Không là không.

— Thế thì kết quả...

— Kết quả là họ đánh cán mình khai ra sao. Họ tự tiện dựng đứng hồ sơ mình, để đi đến kết luận : mình đã chồng chéo và khuynh đảo Chính phủ. Thì : tòa án Quân-Sự ! và là Tòa án quân sự *Mặt Trận* nghĩa là không có quyền có luật sư, không có kháng cáo, bản án được thi hành ngay.

— Mà anh kia có ai cũng một cảnh đoạn trường như anh không ?

— Có. Đó là Thượng tọa Thích-Trí-Thư, bác sĩ Lê-Khắc-Quyền, anh Võ-Như-Nguyễn (ở viện Hán-học) và hai anh sinh viên Võ-Văn-Thơ, Hoàng-Văn-Giàu.

— Sao anh biết họ dựng đứng hồ sơ anh và các người anh vừa kể ? Vì các anh chưa bị tòa án Quân-Sự xử.

— Tôi biết, vì chính mắt tôi thấy những tài liệu buộc tội ấy. Họ có đốt đi, nhưng còn sót.

« Tôi xin kể tiếp. Đền tuần thứ năm, tôi bị ho ra máu. Họ bèn đưa tôi ra ở ngoài. Tôi xin đi bệnh viện. Họ không cho. Hai bác sĩ đến khám tôi, đều yêu cầu ông giám đốc cho tôi đến bệnh viện để rọi kiếng. Ông giám đốc không cho là không cho. Ông ta yêu cầu cho tôi thuốc solucamphre, mà không cho phép nói ra ngoài là tôi đau bệnh chi, chắc là sợ người ta báo tôi vì bị giam... mà ho ra máu.

— Anh có làm bạn với con rệp

con muỗi nào. Trong thời ở xà lim không ?

—

— Tôi có vài người bạn cũng bị nhốt xà lim như anh, cũng trong vụ tranh đấu chống chế độ cũ vừa qua. Các anh ấy bảo lần đầu trong đời, phải chịu cảnh cô độc, hoảng sợ vô cùng. Cho nên bất cứ có sự sống nào hiện diện, là các anh bám ngay. Và chính do nhu cầu quá cần thiết này, mà các anh làm chủ được phản ứng đập liền rệp, muỗi hút máu mình. Các anh sung sướng để chúng tha hồ hút máu các anh ; nuôi chúng sống để thấy ngoài mình, còn có một sinh vật, đại diện cho sự sống trong cái cảnh địa ngục giữa trần gian ấy. Tôi lại đi xa để mất !

« À, anh vẫn bị nhốt ở nha Cảnh sát, cho tới ngày đảo chánh thành công ?

— Ngày phái đoàn Liên-Hiệp Quốc ra Huế để điều tra — tức là ngày thứ tư 30 tháng 10 — họ đưa tôi đến Cơ quan đặc biệt Phản gián, chung quanh chôn mìn sâu và bố trí như một pháo đài. Tôi đây, tôi thấy lại anh Nguyễn, anh Quyền, và bất ngờ hơn hết, là sau hai năm mất tăm dạng, anh Dương-Kị ngồi ung dung gọt cà-rốt !

« Họ dặn chúng tôi phải nói với phái đoàn Liên-Hiệp-Quốc là chúng tôi bị giam ở đây là vì có tội với Chính phủ. Phái đoàn có hỏi tội gì, thì trả lời : không được biết. Điều quan trọng, là nói không có ki thị tôn giáo ở nước Việt.

« Nhưng khi họ đưa anh Bình (vốn là tổng thư kí đoàn sinh-viên Phật-tử) gặp phái đoàn, thì anh Bình nói toạc ra tất cả sự thật. Vì thế, họ miễn chúng tôi màn kịch ấy. Rồi 8 giờ rưỡi ngày hai tháng 11, họ cho gọi anh Lê-Mộng-Đào, anh Võ-Văn-Thơ, chị Cẩm Hà (một nữ sinh) và tôi. Thiếu tá giám-đốc nhân danh Hội - đồng Quân-nhân Cách-mạng, cảm ơn chúng tôi đã tích cực tham gia vào việc lật đổ chế độ thời nát và bạo tàn của họ Ngô-Đình, và xin trả lại tự do cho chúng tôi. Chúng tôi nghe vậy, mà chẳng hiểu ắt, giáp gì.

« Tôi lững thững về Đại học Sư phạm, tức Morin cũ.

— Sao anh không về nhà trước ?

— Vì nhà tôi ở xa. Tới viện, thấy sinh viên đã tụ họp sẵn để đi rước chúng tôi. Chừng ấy tôi mới biết đầu đuôi tự sự. Được biết còn các anh Quyền, Nguyễn, Giàu, Bình chưa được thả anh chị em sinh-viên bên kéo đi đón.

Anh thở dài, như trút xong một gánh nặng.

— Thế là anh mất tự do tất cả là . . .

— . . . 73 ngày.

— Trong bảy mươi ba ngày giam cầm ấy, có ngày nào anh cảm thấy xót xa nhất.

— Đó là ngày chủ nhật 25-8, ngày tôi được nghe một bạn đồng nghiệp từng sát cánh đấu tranh với mình, nói qua đài phát thanh tố cáo mình là một tên lưu manh

trí thức. Tôi cũng có biết vài bảy yêu bóng vía, có vài hành động phản bội, tôi chỉ buồn thôi, chứ không có xót xa tận đáy lòng như khi nghe anh bạn kia buộc tội mình qua làn sóng điện. Nhất là họ mở ra-dô cho mình nghe từ 6 giờ sáng đến 10 giờ tối mục-đích để khủng bố tinh thần mình.

— Ra rồi, anh có nghe gì về việc đưa anh ra tòa án Quân sự ?

— Có sắc lệnh kí từ lâu để mở những tòa án quân sự đặc biệt, nhưng chưa có vùng chiến thuật nào mở. Nếu không có cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm rồi, thì tôi sẽ « được » tòa án Quân sự xử vào ngày 6 tháng 11. Mà như anh biết, bị đưa ra tòa này, thì hoặc được tha bổng hoặc bị xử tử. Tội của tôi, thật ra, thì chỉ có một là không đưa kiểm duyệt ăn phẩm trước khi phổ biến, một tội về mặt hộ. Nhưng mà khi người ta không muốn mình sống thì không có tội gì cũng phải chết, huống chi là có một tội.

« Vụ đưa ra tòa án Quân sự ngày 6, là thời bình. Chờ vào đêm thứ sáu mùng 1, lúc 22 giờ — sau khi tiếng súng cách mạng nổ được 8 tiếng rưỡi đồng hồ, thì tại dinh ông Cẩn, Hội đồng Quân sự đã họp và lên án xử tử anh Quyền, anh Nguyễn, một số sinh viên (Giàu, Thơ, Bình ?) và tôi. Gặp thời « loạn » người ta có thể hành quyết chúng tôi lúc nào cũng được. Nhưng một giờ sau tướng Đỗ-Cao-Tri tuyên bố đứng bên phe cách mạng, ra lệnh ngưng thi hành tất cả mạng lệnh của chánh phủ cũ..

— Thẻ là mạng anh lớn lắm !

Anh cười nhẹ, cúi nhìn lòng bàn tay trái.

— Được tự do, anh vui. Nhưng hẳn sau đó, anh cũng được nghe thấy vài điều buồn.

Anh im lặng một hồi.

— Tôi xin kể vài trường hợp điển hình.

« Trước hết, vì cá nhân.

« Chúng tôi có được tờ truyền đơn từ Genève gửi về, cho biết. Chánh phủ Ngô-Đình-Diệm sẽ bị lật đổ, và ông Bửu Hội sẽ đứng ra lập chánh phủ mới. Bửu Hội là dân Huế, lại là Phật tử, lại có... truyền đơn kia nên khi ông ta về Huế trong hai ngày, anh Quyền đã đập Bửu-Hội để nói rõ sự thật về vụ đàn áp Phật giáo ở Huế cho ông ta biết, cùng những dự định của nhóm chúng tôi, để mong ông giúp đỡ về mặt tinh thần.

Anh Quyền mời nhà bác học này về nhà, đãi cơm, và giải bày tất cả những thông khổ của một nhóm người có học. Chẳng dè về Sài-Gòn, ông ta mách lại với ông Nhu tất cả !

— Có bằng chứng gì về sự phản bội lịch sử và trí thức này không ?

— Chính một nhân vật trong chính phủ cũ — Xin anh miễn cho tôi việc nói tên vị này — đã nói lại với chúng tôi, và đã thêm : « Bửu-Hội nó bán đứng anh em, lấy 80.000 đô-la qua Tây ăn hút, tương thẻ cũng quá lắm rồi. Nào

ngờ nó còn mặt dạn mày dày đi New-York ; nói láo nói khoét nữa. Tôi không ngờ nó lại hèn đến thế ! »

— Còn trường hợp cá nhân nào nữa không, anh ?

— Còn. An ninh quân đội có bắt được một sổ tài liệu của chúng tôi. Họ đem ra nghiên cứu. Một nhân viên reo lên : « Thắng cha Tuyên tới sờ rồi ! Phen này nó chạy đâu cho khỏi chết. Giọng của nó đây này.

Tao còn lạ gì. Tao học với nó mấy năm !

— Ai nói lại với anh ?

— Em tôi. Nó làm chung một chỗ với người học trò cũ nọ. Tôi kể tiếp.

« Một sinh viên ở Đại học Sư phạm dân truyền đơn xin thả tôi bị bắt, bị tra điện. Nay, chưa trở lại bình thường... »

— Anh cho biết đôi trường hợp... tập thể.

— Một phái đoàn của bộ Giáo dục và giáo sư Đại học Sài Gòn ra Huế ngày 25-8-63 (ông Trình và ông Thới cầm đầu), lên án thái độ chúng tôi, bắt anh em làm kiến nghị dâng lên Tổng thống, gián tiếp buộc tội chúng tôi.

— Tôi còn nhớ kiến nghị này, trong đó có đoạn bắt bẻ : «... nhớ ơn cao dày của Tổng thống ».

— Giáo sư Đại học Sài-Gòn làm chúng tôi thất vọng đến ế chế. Họ có một phản ứng gì khi chúng tôi từ chức, khi chúng tôi bị bắt. Tuy

vậy, chúng tôi còn hiểu họ. Chớ họ chẳng một lời gì tỏ tình thông cảm khi chúng tôi được tự do — sau khi chế độ họ Ngô bị lật đổ — thì quả là chúng tôi không hiểu họ nổi. Có khi chúng tôi nghĩ: « Nếu giáo sư Đại học Sài-Gòn mà lên tiếng ủng hộ lập trường của chúng tôi, thì biết đâu... » Thú thật với anh, lúc mới về, tôi tính phớt qua..., nhưng càng lâu, lại càng thấy khó chịu, nhưng mà muốn sống, thì phải quên...

— Anh làm tôi nhớ lời một người bạn ở viễn phương: « Tôi ó thể tha thứ, nhưng tôi không thể

quên. » Nhưng sau « cơn mưa gió », hẳn giờ anh có gì khác trước trong cuộc sống ?

— Tôi trở nên dè dặt trong việc giao tế. Và tôi hạn chế sự giao thiệp.

Trước kia, tôi cởi mở. Giờ đây, tôi giữ gìn. Đó là một kinh nghiệm, theo anh, hay hay dở ?

Tôi không trả lời anh, nâng tách nước trà đầy giờ nguội như nước lạnh :

— Giờ, chúng ta có thể uống nước.

12 tháng chạp quí mão 64.

NGUYỄN-NGU-

ĐỈNH CHÁNH

B. K. sớ rồi, trong bài « Đại học Huế tranh đấu. — », trang 45, cột 2, dòng 6d :

Bùi-Trần-Huân, xin sửa lại Bùi-Trường-Huân.

ĐẠI NAM VĂN HIẾN XUẤT BẢN CỤC

291 Lý Thái Tổ, Chợ Lớn, SAIGON

Loại sách Bản Thảo chỉ ấn hành 100 bản rô-nô-ô, dành cho văn hữu và độc giả có tên trong danh sách, không bán ra ngoài

TRONG NĂM 1964 ĐÃ VÀ SẼ RA

- | | |
|------------------|---|
| ● LÝ DŨNG TÂM | PHỤ SINH, thơ, Thê Phong vào để |
| ● THÊ PHONG | TRUYỆN NGƯỜI CỦA TÌNH PHỤ |
| | THƠ LAM LỚN DẬY CON NGƯỜI |
| ● VƯƠNG MIỆN | ĐÊM ĐEN 20 TUỔI, thơ, Vương-Đức-Lệ vào để |
| ● KHAI TRIỀU | TIẾNG HÁT KHUẦN TRÙNG, thơ |
| ● TẠ QUANG TRUNG | TÌNH YÊU TỔ QUỐC ĐOÀ ĐẦY, thơ |

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE **pour le Commerce et l'Industrie**

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135. *Đại-lộ* NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)
Téléphones : 21.902 — Lignes
12.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 192

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main Bureau de Représentation, en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban B.N.C.I. « A » ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba Bureau de Représentation **BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN** ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta British and French Bank ; à Bale Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama Panama Trust Co. Inc.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

●
LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

●
SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

●
NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

●
CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

●
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Cước chú và thư lục

★ NGUYỄN-PHƯƠNG

Để nâng đỡ tất cả những điều đã nói trong các chương trước, thiết tưởng nên có ít lời về vấn đề cước chú và thư lục. Đã minh chứng rằng lịch sử không phải là một công trình sáng tạo, và chỉ là một việc gầy dựng lại quá khứ, thì hỏi sử gia dựa trên căn bản nào để gầy dựng lại? Đã nói rằng sau khi chọn xong đề tài, sử gia phải cố tìm cho hết các tài liệu có liên hệ và án khảo các chứng tích thu thập được thế nào cho hết sức chắc chắn, nhưng chắc gì sử gia đã gặp được tất cả các tài liệu có thể có về vấn đề, và chắc gì việc căn án đã được thực hiện một cách chu đáo? Đó là những câu hỏi, hay những thắc mắc mà người đọc có thể thấy hiện ra trong trí óc mỗi khi đem « cảo thơm lần giở trước đèn ». Để trả lời những câu hỏi, hoặc để đánh tan những thắc mắc như vừa nói, không gì bằng sử gia đường hoàng nêu ra cho độc giả thấy những nguồn sử liệu mình đã

dùng, và ở những chỗ quan trọng, cách thức mình đã lý luận.

Dẫu vậy, đối với vấn đề kê khai sử liệu và chú thích, các học giả xưa nay không phải là hoàn toàn đồng ý với nhau. Một số cho rằng đã dành việc chép sử là một công trình tái thiết quá khứ và phải đặt nó trên một nền tảng vững chắc, nhưng khi việc tái-thiết đã hoàn thành, cần gì phải để lộ hạ tầng cơ sở đó ra? Có kẻ còn so-sánh các nguồn sử liệu với cái giàn thợ xây dùng để đứng trên đó mà xây một lâu đài, vậy khi việc xây cất đã xong, người ta để giàn lại làm gì? Để giàn lại chẳng những không cần thiết mà lại làm cho ngôi nhà xấu đi cùng bị vướng víu, không ở được. Bởi vậy, họ chủ trương giấu giếm những nguồn sử liệu đã được đem dùng. Nhưng kẻ không tán thành chủ trương đó lại dựa vào những lý luận chặt chẽ hơn. Họ công nhận rằng

muốn ngắm vẻ đẹp của một ngôi nhà, thế tất phải hạ giàn xuống, nhưng một người đọc một đoạn sử nói dứt khoát về một sự-kiện từ trước đến giờ đang ở trong tình trạng hoài nghi không thể nào thỏa mãn được nếu người ấy không theo dõi được tiến trình đã dẫn sử gia đi đến kết-luận mới mẻ và rõ ràng đó. Và muốn cho độc giả có thể theo dõi sử gia trong những trường hợp như thế, thì chỉ có một cách là cho người ta thấy cước chú.

Nói chung, việc cước chú là cần, nhưng nó chưa trả lời cho hết mọi câu hỏi, cũng như chưa đánh tan được mọi thắc mắc. Nếu người ta thưởng-thức được vẻ đẹp của một công trình kiến trúc ngay khi nhìn vào ngôi nhà, người ta vẫn chưa biết được nó vững chắc bao nhiêu sau khi đã thấy được kiểu mẫu và cách bài trí, cũng biết được những vật hạng đã dùng để xây cất. Một ngôi nhà được tin là vững chắc phần nhiều là do ở danh tiếng lành nghề của người xây. Một sử phẩm cũng thế, giá trị của nó phần nhiều là do ở óc phê phán và tầm kiến thức của sử gia hơn là ở số tài liệu sử gia dùng, mà óc phê phán và tầm hiểu biết này, không phải bao giờ sử gia cũng có thể đem phơi bày ra trong sử phẩm. Nêu lên tính cách cần thiết tương đối này của việc kê khai sử liệu là để tránh những thái quá có thể có trong chính việc kê khai đó. Thật ra, nếu người ta gặp nhiều kẻ không cước chú hoặc kê liệt thư mục, thì người ta cũng gặp nhiều kẻ khác tưởng rằng tất cả giá trị của một sử phẩm nằm trọn trong việc khoe khoang tài liệu, nên họ kê khai cho thật nhiều, chẳng những kể ra những sách,

nhưng văn kiện mình đã dùng đến mà còn trưng ra những tác phẩm họ chỉ mới nghe đến mà thôi, và dẫn chứng ngay ở những chỗ mà sự việc đã trở nên thường thức như những con đường mòn trước cổng nhà vậy. Nói cách khác sự kê khai tài liệu, muốn cho hữu ích, phải được làm theo một chừng mực, một đường lối, như chúng tôi sẽ nói đến sau đây.

1) CƯỚC CHÚ

Có ba cách kê khai sử liệu trong một sử phẩm, đó là cước chú, thư lục và phụ lục. Theo nghĩa của nó, cước chú tức là ghi thêm vào cuối trang hay cuối bài, thư lục tức là liệt kê các tài liệu đã dùng đến, và phụ lục tức là những bản văn cần phải thêm vào để bổ túc hoặc minh chứng rõ ràng và dài giòng hơn một số điểm quan trọng đã nói đến trong sử phẩm.

a) Cần thiết và ích lợi của việc cước chú

Sau khi đã trình bày sự cần thiết phải kê khai sử liệu như trên, không phải chúng ta đã có thể làm cho mọi người phục lý trong vấn đề cước chú. Nói chung thì thế, nhưng việc cước chú, đối với một số sử gia, xem ra chẳng những là một việc thừa mà còn có hại. Lối luận lý thường hay được đem ra và có lẽ thực tế hơn cả là nếu chúng ta cước chú những nguồn sử liệu chúng ta dùng, những chỗ cước chú đó sẽ bị kẻ khác đánh cắp mà không nghĩ gì đến công tìm tòi của chúng ta. Nhưng lý luận như vậy chắc chắn là không được xác đáng, bởi vì một đảng sự đánh cắp của kẻ khác không có hại gì đến sử phẩm của mình mà đảng khác, nếu mình bỏ đi không cước chú thì công trình

mình chép ra sẽ có chỗ không thỏa mãn được người đọc.

Một lý khác, mạnh hơn, chống lại việc cước chú, đó là nếu phải cước chú, sẽ không biết phải cước chú đến đâu mới dừng, hơn nữa việc cước chú kể ra phiền phức, đòi hỏi nhiều công phu, và có những trường hợp không thể nào làm được. Có lẽ những sử gia đã từng cước chú sử phẩm của mình, ai cũng nhận thấy sự thật trong lý luận vừa nói. Trong công việc chép sử, người ta vẫn có thể gặp phải những chỗ, những đoạn, mà nếu muốn cước chú cho hết những nguồn sử liệu mình đã dùng đến, số cước chú sẽ chồng chất lên rất nhiều. Nhưng có phải vì những lời thôi đó, mà sử gia không còn cần phải cho độc giả biết xuất xứ của những điều mình thuật lại không? Thiết tưởng rằng không. Những lời thôi vừa nhắc tới có lẽ chỉ có công hiệu là cho sử gia biết mình vẫn có một giới hạn trong việc cước chú, chứ không thể lên án việc đó.

Thực ra, ngày nay các nhà dạy phương pháp sử học đều cổ võ việc cước chú. Họ khuyên những người mới bước vào nghề chép sử nên lưu ý nâng đỡ tất cả những sự kiện mình đã có dịp đem ra, bằng uy thế của một sử liệu chắc chắn, nhất là khi điều mình nói còn ở trong tình trạng bàn cãi. Nhưng đồng thời họ cũng bảo cho biết rằng nếu một công trình chép sử có tính cách khoa học không được bỏ qua cước chú, thì một việc cước chú có tính cách khoa học cũng không được làm bừa bãi. Sử gia chỉ nên cước chú trong những trường hợp mà việc đó là cần thiết và hữu ích. Chúng

tôi xin nêu ra sau đây một số những trường hợp như vậy.

Cần phải cước chú :

— khi nào có những lời hay những đoạn văn được trích dẫn trực tiếp, nghĩa là được đặt ở trong ngoặc kép để tỏ ra rằng đoạn đó, lời đó không phải là của chính tác giả, vì khi đọc giả nhìn đến những chỗ như vậy, tự nhiên họ muốn biết xem đoạn đó là của ai và ở trong tác phẩm nào ;

— khi nào sử gia tóm lược, hay quảng giải lời một tác giả khác bằng lời của mình, và ý kiến trong đoạn tóm lược hoặc quảng giải đó không thể kể được là của mình cũng không thể liệt được vào hạng những ý kiến thông thường, vì trường hợp ấy tính ngay thẳng bắt buộc rằng công của ai phải trả lại cho người đó ; nhưng những trường hợp như vậy, kê khai một cách tổng quát cũng đã đủ, ví dụ nói rằng những sự kiện nhắc tới đây là lấy ở chỗ ấy.

Và đây là những trường hợp trong đó việc cước chú có ích :

— Một độc giả có học và ưu ái đối với nhân lý lịch sử bao giờ cũng muốn cho các sự kiện mình đọc có một bảo đảm khách quan hơn là uy tín của sử gia, cho dầu sử gia đó có thể giá đến đâu đi nữa cũng thế. Bấy giờ cước chú chẳng những làm cho họ vừa lòng, mà còn chỉ dẫn cho họ biết chỗ để tìm hiểu thêm, nếu vấn đề kích thích họ, hoặc để cho họ kiểm soát lại, nếu vấn đề còn gây thắc mắc.

— Khi chép sử, sử gia có thể gặp những chỗ mà lời mình viết ra chỉ là

kết luận của một dọc dài những sự kiện phức tạp, nhưng trong bản văn, vì lý do kỹ thuật hay văn chương, sử gia không thể trình bày tất cả ra, bây giờ cước chú sẽ là chỗ để sử gia có thể nói rõ con đường lý luận đã đem mình đến đó. Nhờ những cước chú như vậy, độc giả có thể tự do đồng ý hay không đồng ý với sử gia.

— Cũng có những trường hợp trong đó sử gia không thể nói hết các chi tiết của một câu chuyện trong bản văn của mình, vì lý do hiệu lực đối với mục đích hiện tại, nhưng xé ra những chi tiết bị bỏ qua lại rất có thú vị về mặt khác, lúc đó sử gia có thể đem những chi tiết đó xuống cước chú. Cước chú cũng còn là chỗ sử gia có thể nói dài dòng hơn ý kiến của mình, nhưng khi ý kiến đó không tiện đem trình bày đầy đủ trong bản văn.

b) Kỹ thuật cước chú.

Trước hết về chỗ nên đặt cước chú. Việc này có thể làm khác nhau trong hai trường hợp, trường hợp bản thảo, và trường hợp bản in. Trong bản thảo, chép tay cũng như đánh máy, tiện hơn cả là chỗ nào sử gia muốn chú thì chú ngay vào chỗ đó, không cần gì phải đánh số rồi chú xuống cuối trang hay sau bài. Ví dụ : « Trong *Thục lục* (Tiền biên, q. 11 tờ 22) chúng ta thấy nói Trương-Văn-Hạnh giữ chức Nội hữu. » Chú ngay tại chỗ như thế, chẳng những tiện cho chính sử gia, mà còn rất tiện cho việc sắp đặt của nhà in, bởi vì khi nhà in muốn in cước chú vào cuối mỗi trang, (trang in thường không ăn khớp với trang thảo) họ khỏi mất công sắp đặt lại số cước chú mà tác giả đã làm sẵn.

Trong những bản in, cước chú thường được đặt để tùy theo bộ loại của sử phẩm. Đối với những sử phẩm có tính cách chuyên môn, chỗ của cước chú là ở ngay cuối từng trang. Từng trang một, người ta sẽ đánh số những chỗ có chú, và theo thứ tự đó, lời cước chú sẽ trình bày ở phần dưới. Người ta thường làm như vậy vì độc giả của những sử phẩm chuyên môn không phải chỉ chú trọng vào những điều tác giả viết ra mà thôi, mà vẫn chú trọng không kém vào những nguồn sử liệu tác giả đã dùng đến. Đối với những tập sử có mục đích phổ thông nhiều hay ít, người ta dồn cước chú lại một chỗ hoặc ở cuối mỗi chương, hoặc ở cuối sách. Hạng độc giả của những sử phẩm thuộc loại này phần nhiều dễ tin tưởng vào uy thế của người viết, và chỉ những khi thắc mắc mới để ý nhìn đến lời chú.

Cách ghi cước chú cũng là cả một vấn đề

Đánh số cước chú thường phải tùy hai trường hợp. Nếu là một bài ngắn, không chia thành chương mục gì, thì thứ tự cước chú nên gồm toàn cả bài, vì bây giờ chắc rằng con số các cước chú không đến nổi to lắm. Nhưng nếu là một sử phẩm có qui mô, thì thứ tự cước chú có thể theo từng trang một, trong trường hợp đặt cước chú ở cuối mỗi trang, hoặc theo từng chương một. Không bao giờ nên để cho thứ tự đó gồm cả tác phẩm, vì như thế những con số cuối sẽ quá lớn và gây nên nhiều bất tiện trong việc chiếu khán. Về chính con số thứ tự này khi đặt trong chính bản văn, sử gia nên đặt nó ở cuối câu trong đó có chỗ cần phải chú thích, hơn là đặt nó ngay vào chỗ của nó.

Những cước chú có tính cách tổng quát nên cho nằm ở cuối đoạn văn (paragraphe).

Nếu lời chú là một lời giải thích cho rộng nghĩa của bản văn hoặc là trình bày một lý luận, thì kỹ thuật không có gì đặc biệt, vì bấy giờ sử gia chỉ chép lại con số thứ tự của chỗ cần phải chú rồi phát biểu điều mình muốn nói. Nhưng khi điều phải chú là tên một tác giả, sử gia phải giữ thứ tự sau đây. Trước tiên, ghi đầy đủ họ và tên chủ nhân của tài liệu, ví dụ Trần-Trọng-Kim, hoặc Joseph Buttinger, rồi đến tên của tác phẩm, tên này phải viết bằng chữ xiên (hoặc gạch dưới), ví dụ *Việt-Nam Sử Lược* hay là *The Smaller Dragon*, rồi đến địa điểm và niên biểu xuất bản, ví dụ Saigon, 1964, hay là New York, 1958, (đôi khi trước địa điểm, người ta thêm tên của nhà xuất bản, và như thế chẳng những là việc ghi chú được đầy đủ hơn, mà còn hữu ích nhiều cho người đọc trong trường hợp họ muốn tìm mua những tác phẩm như vậy, ví dụ Tân Việt, hay là Praeger) và sau hết đến con số của trang, hay là những trang ở đó sử gia đã rút sự kiện ra.

Ngoài những điểm chính đó, còn có những điểm phụ mà việc cước chú không được bỏ qua, ví dụ khi quyển sách sử gia nói đến là thuộc về một bộ gồm nhiều tập, thì sau tên sách, phải nói ngay là tập mấy. Nếu là một tác phẩm đã được in lại thì cũng ở chỗ đó, sử gia cho biết là in lần thứ mấy. Đôi khi sách không có tên tác giả, thì bấy giờ ở chỗ tên tác giả sẽ đặt tên của người xuất bản, và phải nói rõ, trong ngoặc, rằng đó là nhà

xuất bản. Khi sử phẩm do một cơ quan xuất bản, thì lấy tên cơ quan đó thay cho tên nhà xuất bản. Nếu tác phẩm được dùng đến, vốn bằng tiếng ngoại quốc, nhưng sử gia không dùng chính bản đó mà chỉ dùng một bản dịch, thì trong lời chú còn phải thêm vào sau tên sách là do ai dịch nữa.

Về tên của tác phẩm, nhiều khi gặp phải những tên rất dài, thì lần đầu tiên nên kê ra đầy đủ, nhưng những lần sau chỉ nhắc lại những chữ chính thôi. Ngoài ra, khi lập lại như vậy, chẳng những tên tác giả cũng chỉ giữ có tên chính mà thôi, mà còn bỏ những chi tiết như số tập, số lần xuất bản nơi và năm xuất bản, và chỉ nói đến con số trang nếu con số đó không giống như lần đã chú trước. Nhưng khi lập lại như vậy, còn có chữ riêng để chỉ một số trường hợp, thường các chữ đó bằng tiếng la tinh, ví dụ :

op. cit. (opere citato) để chỉ « sách đã dẫn ».

loc. cit. (loco citato) để chỉ « chỗ đã dẫn ».

ibid. (ibidem) để chỉ « cùng một chỗ ».

id. (idem) để chỉ « cùng một người ». còn những tiếng như : *et seq* (et sequentibus) để chỉ « và những trang sau ».

passim, để chỉ « trích từng chỗ », thì sử gia dùng thêm vào sau con số trang tùy theo trường hợp.

Khi sử gia chú về những sách bằng chữ Hán thì thay vì trang, phải nói tờ

và vì mỗi tờ như vậy có hai mặt nên các học giả thường dùng chữ a để chỉ mặt trước và chữ b để chỉ mặt sau, ví dụ chuyện Trưng trắc trong *Khâm Định Việt sử Thông Giám Cương Mục* và trong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* thường được chú như sau: *Cương mục*, *Tiền biên*, q. 2 tờ 9 b; *Toàn thư*, *Ngoại ký*, q. 3, tờ 2 a. Những sách như *Thánh kinh*, mỗi quyển có chia chương và đánh số từng câu một, lúc đó lại kê ra chương nào câu nào, chứ không kê trang nữa, ví dụ *Sáng kỷ*, 5 : 22, hay là *Khải huyền*, 2 : 6.

Nhiều khi tài liệu dùng là một tạp chí hay là một tờ nhật báo. Tên tạp chí hay tên nhật báo, cũng như tên sách nói trên, bao giờ cũng phải dùng lối chữ khác với kiểu chữ của bản văn, như chữ xiên chẳng hạn, hay là gạch dưới, để phân biệt, rồi phải kê ngày xuất bản và, nếu là những tờ báo lớn, kê cả phần nào, trang nào, cột nào. Riêng tạp chí còn phải kê số tập nữa. Về tạp chí *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient*, người ta thường chỉ viết tắt là *BEFEO*, và không cần phải đề thời biểu vì mỗi năm ra một tập và tập đầu khởi sự từ năm 1901, nên cứ theo số tập mà tính năm xuất bản. Ví dụ muốn chú về bài « hát Ải lao » của Nguyễn-Văn-Huyền trong tạp chí đó thì viết : *BEFEO*, XXXIX, 153 *et seq.* Chú về nhật báo, như *New York Times*, thì đề rõ: *New York Times*, ngày 22, tháng 1, 1964, phần 2 trang 10 cột 7; hay như *Tự do* thì chỉ nói: *Tự do*, ngày 10 tháng 2, 1964.

Riêng về tạp chí, ngoài những điều vừa nói, sử gia còn phải nhớ kê khai tên của tác giả tài liệu mình dùng và

đề mục của chính tài liệu đó nữa, nhưng đề mục không phải viết theo kiểu tên sách, mà phải cho vào trong ngoặc kép. Ví dụ trong một chỗ trong bản dịch của Demoustal về *Lịch triều Hiến chương Loại chí* của Phan Huy-Chú như gặp được trong tạp chí *Đại Thành Hiến Cổ*, thì chú: Raymond Demoustal, « Ressources Financières et Économiques de l'État dans l'Ancien Annam », *Bulletin des Amis du Vieux Hué*, XIX, tháng 5 6, 1932, trang 157 *et seq.* Tạp chí *Đại thành Hiến Cổ*, người ta thường viết tắt là *B A V. H.*

2) THƯ LỤC

Cước chú cũng đã là một cách thư lục, vì coi đó người đọc cũng đã biết được tác giả đã dùng những nguồn tài liệu nào. Nhưng như đã nói, ở cước chú tác giả chỉ nên nêu ra những lời chú xé là cần thiết và hữu ích, và như thế, nhiều tài liệu chung tác giả đã có thể dùng đến mà chưa có dịp trả ơn. Vậy thư lục là chỗ để bổ khuyết những trường hợp như thế.

Thư lục thường có thể có bằng ba cách, hoặc là tác giả kê khai tất cả những tài liệu có thể gặp được về vấn đề sử gia chép, hoặc là kê khai những tài liệu sử gia đã có dùng đến trong khi hoàn thành sử phẩm, hoặc là chỉ kê khai những tác phẩm nào xé là hữu ích cho những độc giả nào muốn tìm hiểu thêm về vấn đề. Nó lại có thể được thực hiện dưới hai hình thức, hình thức thư lục thực sự, nghĩa là mỗi tài liệu sẽ kê tên tác giả, rồi tên sách v.v. và hình thức phê bình, nghĩa là chẳng những nêu lên những điều cần thiết như bình thức trên mà còn nói đến những ý

chính cùng những đặc điểm của nó.

Sử gia, khi trình bày thư lục, thường phải trình bày bằng hai cách sau và hình thức nào tùy tiện (Thường thường, người ta chọn hình thức thư lục chính thức), hay là dưới hình thức dung hòa, nghĩa là chỉ kê khai những sử liệu không quan trọng, và thêm một ít lời bình phẩm về những sử liệu quan trọng hơn.

Trong trường hợp sử gia chỉ nói đến *những sách mình đã dùng* mà thôi, thì đây là một ít điều nên nhớ :

— Sử gia chỉ nên kê khai những sách hoặc tài liệu chính sử gia đã án khảo. Những sử liệu đã án khảo mà không được dùng vào trong tác phẩm cũng có thể nói ra nhưng chú thêm là không được dùng đến trong khi viết. Một điều sử gia không nên làm, là đặt vào thư lục những sách mình không đọc đến hoặc những sử liệu mình không có. Thêm vào như thế thường là có ý khoe rằng sử gia có một kiến thức rộng rãi và một công trình nghiên cứu lớn lao, nhưng việc đó sẽ không còn hợp với mục đích của những bản thư lục đi kèm theo một tác phẩm, vì bản thư lục này cốt là để cho độc giả thấy căn bản thực sự trên đó được xây đắp công việc trước tác của sử gia. Sử gia chỉ có thể làm như vậy khi sử gia nói rõ là có ý liệt kê tất cả những tài liệu có liên quan đến vấn đề, theo cách thư lục thứ nhất như đã nói trên.

— Sử gia phải liệt kê tất cả những sử liệu dùng đến, nhất là những sử liệu quan trọng bởi vì như đã nói đến trên, trong các mục đích của thư lục, vẫn có mục đích tri ân, và có nhiều sử liệu

dùng đến mà nếu không kê ra trong bản thư lục thì không có chỗ nào khác tiện để nói đến.

— Những tài liệu chỉ dùng đến một cách gián tiếp thì không được kê ra như là dùng đến trực tiếp. Một quyển sách có trích lại một đoạn trong một quyển sách khác, thì sử gia khi dùng đến đoạn trích, không được kê quyển sách khác đó ra như là một tài liệu, mà chỉ kê quyển sách trước mà thôi. Rồi, ví dụ sử gia chỉ có trong tay một bản chụp của một tài liệu ở trong Thư khố Quốc gia Pháp, (Archives Nationales), lúc đó không nên kê là tài liệu ở Thư khố Quốc gia Pháp, mà phải nói rõ là bản chụp.

Một khi đã định xong những tài liệu nên và cần phải kê khai trong bản thư lục, sử gia phải nghĩ đến việc tổ chức bản đó theo một thể thức. Không nên liệt các tài liệu ngay theo một thứ tự nào, mà trước tiên phải chia ra từng loại. Căn bản của việc chia loại nói đây có thể là xuất xứ của sử liệu, hay bản tính, hay hình thức, v.v... Ví dụ, có thể chia : loại I tài liệu chưa xuất bản, loại II tài liệu đã xuất bản ; rồi những tài liệu đã xuất bản lại có thể phân ra làm 1) tài liệu đầu tay, 2) tài liệu tu soạn, và cuối cùng trong số những tài liệu tu soạn lại còn có thể chia thêm ra làm a) tài liệu tổng quát b) tài liệu nói riêng về vấn đề, c) báo chí. Trong loại những tài liệu chưa xuất bản, sử gia nêu ra những tài liệu sử gia đã dùng đến thuộc về những giấy tờ ở các thư khố, các tập gia phả, các tập thủ thư của các tử sách gia đình, các thư riêng liên quan đến vấn đề,

hay là những công trình nghiên cứu của các học giả nhưng chưa tiện cho in hành, v.v...

Chia loại rồi, trong mỗi loại, sử gia sẽ sắp theo thứ tự văn của chính tên tác giả, ví dụ Trần Trọng Kim thì lấy chữ K (của chữ Kim) chứ không phải lấy chữ T (của chữ Trần). Các tên người Tây phương cũng lấy văn của chữ cuối, như Joseph Buttinger thì lấy văn B làm văn. Tài liệu nào không có tên tác giả, cũng không có tên người xuất bản, thì lấy chữ đầu của tên tài liệu. Trong thư lục, sử gia phải kê khai đầy đủ tên tác giả (theo cách vừa nói) rồi tên sách, lần xuất bản (nếu có), số tập (nếu tài liệu là một bộ gồm nhiều tập), rồi tên nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản. Nếu sử gia muốn chỉ dẫn hay phê phán về một ít đặc điểm của tài liệu, thì sử gia chép thêm vào sau đó.

Đây một vài ví dụ về cách kê khai tác giả trong thư lục: về vấn đề Việt sử:

Khôi, Lê thành, *Le Việt-nam, Histoire et Civilisation*, Éditions de Minuit, Paris, 1955.

Kim, Trần trọng, *Việt-nam Sử lược*, in lần thứ năm, Tân việt, Saigon, 1954.

Masson, André, *Hanoi Pendant la Période*

riode Héroïque (1873-1888), Paul Geuthner, Paris, 1919.

3) PHỤ LỤC.

Phụ lục là phần để trình bày những bản văn bổ túc cho những điều đã nói trong tác phẩm. Ngày trước trong phần này, sử gia thường cho in ra những tài liệu chưa hề được in, mà tác giả có nói đến hay là đã có được trích dẫn, nhưng vì sự quan trọng của nó, độc giả nên đọc cả bài để thấy rõ ý kiến của người viết hơn. Đó là những bài mà sử gia Pháp thường gọi là *Pièces Justificatives*, (những bản văn biện chính). Ngày nay, bài phụ lục có tính cách tương tự như một bài trích hay là một lời cước chú quá dài nên không tiện để trong chính bản văn của sách, và vì thế phải đặt lại cuối cùng. Nó có thể có tính cách biện chính theo như quan niệm cũ, nhưng nó cũng có thể là những tài liệu bổ túc hoặc làm ví dụ, hay là những bài bàn rộng thêm về một vài điểm quan trọng của vấn đề đã viết.

Mặc dầu phần phụ lục không phải là vô ích và một đôi trường hợp xét ra cần thiết, nhưng nếu đem so sánh với việc cước chú và thư lục, thì phần phụ lục không quan hệ bằng. Bởi vậy, ngày nay rất nhiều sử phẩm không thấy có phụ lục.

NGUYỄN-PHƯƠNG

ĐÃ CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH

LA VĂN XANH
TUYÊN TẬP TRUYỆN NGẮN
của VÕ-HỒNG

Thời Mới xuất bản

Giá 42\$

Một tuần không gian

“ Võ Quang Yến

BẰNG đi một dạo không nghe nói đến những vụ thử hỏa tiễn, bắn vệ tinh nữa, thì đây, chỉ trong vòng một tuần cuối tháng 1-1964, bốn thí-nghiệm đã lại nhắc chúng ta cuộc khảo cứu không gian vẫn đang tiến hành và nhiều thành công về phương diện kỹ-thuật đã ghi thêm trong bước tiến ra vũ trụ.

ngày 25 : Echo II

ngày 29 : Saturn I

ngày 30 : Elektron I và
Elektron II Ranger VI.

ECHO II.

Chiếc vệ tinh truyền tin này về phương diện kỹ thuật thật ra chẳng có gì là đặc sắc nhưng đáng được chú ý trong lịch sử cuộc khảo cứu không gian vì đã là sản phẩm đầu tiên của cuộc hợp tác Nga-Mỹ trong một công tác khoa học nhắm mục đích tìm hiểu thêm quả đất và vũ trụ.

Echo II được bắn từ đài Vandenberg bên Californie. Quỹ đạo của vệ

tinh nhân tạo gần giống quỹ đạo đã vạch trước : Echo II chạy trên một đường hình thuẫn mà hai khoảng gần và xa mặt đất nhất là 1033 và 1313 cây số ; quỹ đạo vạch trước là một vòng tròn cách mặt đất 1287 cây số Echo II nằm nghiêng 81,5 độ so với xích đạo (tính trước : 81,9 độ) và chạy quanh quả đất mỗi vòng mất 109 phút (tính trước : 111 phút).

Echo II bay qua khắp những vùng có người ở, trừ hai miền cực đới. Suốt 3 năm là đời sống định trước cho vệ tinh người ta có thể mắt không nhìn thấy Echo II lướt qua trong bầu trời. Đặc biệt ở gần hai cực, những tia nắng mặt trời sẽ làm cho vệ tinh cực kỳ bóng nhoáng lúc bình minh và vào buổi chạng vạng. Echo II dễ thấy như vậy vì là một vệ tinh khổng lồ, lớn nhất trong số các vệ tinh nhân tạo mà con người đã bắn ra khỏi quả đất, cao cỡ một ngôi nhà 13 tầng !

Số là khi mới được đưa lên quỹ đạo, vệ tinh chỉ là một quả bóng nhỏ

nhưng có đem theo trong mình 72 bao chất dẻo chứa những tinh thể hóa chất pyrazol. Khi bay qua không phận Nam Phi, dưới tác dụng của các tia nắng mặt trời, những tinh thể ấy biến ra thành khí, làm bật vỡ các bị chất dẻo và thổi phồng bóng lớn lên. Sau vài giờ, vệ tinh đạt được đường kính tối đa là 41 thước. Màng vệ tinh làm bằng chất dẻo mylar, ngoài có sơn một lớp nhôm nên mới lóng lánh dưới ánh mặt trời. Khi đã được căng thẳng ra cực độ màng này không dày quá lớp cao su một quả bóng quần vợt. Tuy lớn, Echo II tương đối nhẹ vì chỉ nặng có 347 kilô, kể cả dụng cụ đo lường.

Trái với các vệ tinh Telstar, Relay Syncom là những « vệ tinh phát động nghĩa là khi nhận được tín, hình còn phóng đại ra và phát lại với một công suất lớn hơn (xem Bách khoa số 141), Echo II chỉ là một « vệ tinh thụ động » : như các vệ tinh đồng loại khác, Echo II chỉ phản chiếu tín, hình lại, như một tấm gương. Echo II sẽ không bao giờ hết năng lượng nhưng lúc nào cũng chỉ có thể truyền lại một tiếng vang nhỏ yếu.

Cả hai nước Nga và Mỹ sẽ cùng nhau thí nghiệm về thông tin với Echo II, đúng như trong thỏa hiệp đã ký hôm 15-8-1963 giữa ông Phó giám đốc Cơ quan Nasa Mỹ Hugh Dryden và ông Hội viên Hàn lâm viện Nga Anatoly Blagoravov. Hai nước sẽ trao đổi với nhau tất cả những hình ảnh mà vệ tinh đã chụp được. Đặc biệt hai đài Jodrell Bank bên Anh và Zemenki ở Viện đại học Gorki sẽ trực tiếp nhận hình của Echo II và sau đấy mới chuyển

lại qua Mỹ.

Đây chỉ là bước đầu của cuộc hợp tác giữa Nga và Mỹ. Mong rằng rồi đây, vì khoa học, hai nước ấy và nhiều nước khác nữa như Anh, Nhật, Pháp, Canada,... sẽ cùng nhau chung sức để chóng đạt được nhiều kết quả tốt.

SATURN I

Riêng về phía Mỹ, một kết quả vô cùng lớn lao vừa mới đạt được : hỏa tiễn Saturn I đã đưa lên quỹ đạo một khối 17 tấn ! Xin nhấn mạnh ngay 17 tấn này không phải là vệ tinh thật sự mà gồm có tầng cuối hỏa tiễn sau khi tất cả nhiên liệu đều đốt cháy (6,6 tấn), máy móc (5 tấn) và trọng khối hữu ích (5,4 tấn) thay mặt phi thuyền sau này. Lần này, trọng khối hữu ích chỉ là 5,4 tấn cát, không một chút máy móc nào, ngay cả hệ thống giữ vệ tinh trên quỹ đạo cũng chẳng có. Các chuyên gia tính nếu đem hỏa tiễn này để bắn vệ tinh thật sự thì thay đổi chút ít, vệ tinh có thể nặng đến 9 tấn, nghĩa là nặng hơn các vệ tinh Nga 2,5 tấn : những phi thuyền vệ tinh bắn các hôm 4 và 12-2-1961 bên kia màn sắt chỉ nặng có 6,5 tấn. Lẽ tất nhiên Mỹ rất hãnh diện đã bắn được hỏa tiễn mạnh nhất thế giới !

Bắn từ Cap Kennedy (Cap Canaveral cũ), Saturn I là một hỏa tiễn ba tầng khổng lồ : cao 54 thước, đường kính ở đây là 7 thước và nặng 562 tấn trước khi khởi hành trong số ấy phải tính 500 tấn nhiên liệu. Khối vệ tinh bay trên một quỹ đạo hình thuận cách mặt đất 260 và 751 cây số, quanh quả đất mỗi vòng 95 phút và nghiêng 31,4 độ so với xích đạo.

Thành công của Saturn I là một vấn đề kỹ thuật và nhiên liệu. Từ tháng 10-1961 các chuyên gia Mỹ đã bắt đầu thử hỏa tiễn, nhưng chỉ thử từng tầng một và đến nay mới bắn toàn hỏa tiễn. Tầng thứ nhất cao 26,5 thước, gồm có 8 máy động cơ Rocketdyne HI, mỗi máy có một sức đẩy 86 tấn, nghĩa là toàn tầng thứ nhất có thể hiển một sức đẩy tổng quát 690 tấn. Nếu nhiên liệu trong tầng thứ nhất là prôpergol cổ điển nghĩa là oxi lỏng+kêrôsen (xem Bách Khoa số 169), tầng thứ nhì cao 13,7 thước, dùng oxi+hytri lỏng trong 6 máy động cơ Pratt và Whitney 4 RL 10 A3 với sức đẩy 6,9 tấn mỗi máy. Vấn đề nhiên liệu ở trong tầng thứ hai này quan trọng vô cùng vì rồi đây khinh khí (hytri) lỏng sẽ được đem dùng trong tất cả các hỏa tiễn Saturn khác.

Cũng nên biết là các chuyên gia Mỹ đã đặt hết hy vọng trong nhiên liệu này: nếu chẳng may hỏa tiễn không vận dụng được thì tất cả chương trình Mỹ sẽ rơi theo xuống biển và để Nga vẫy vùng một mình trên không gian. Vì vậy từ các chuyên gia ở «George Marschall Space Flight Center» do Werner von Braun làm giám đốc đến các kỹ sư hãng Pratt và Whitney chế máy động cơ và hãng Douglas đóng tầng thứ nhì của hỏa tiễn, ai nấy đều hơn hớn lạc quan.

Người ta còn nhớ hồi Nga bắn những phi thuyền 4, 5 tấn, Mỹ đã bắn được vệ tinh quân sự Midas II nặng 2, 5 tấn (24-5-1960) nghĩa là chẳng kém thua Nga bao nhiêu. Nhưng những hỏa tiễn Mỹ hồi ấy với những máy móc và nhiên liệu cổ điển, đã lên tới tốt mức, khó lòng tăng trọng lượng

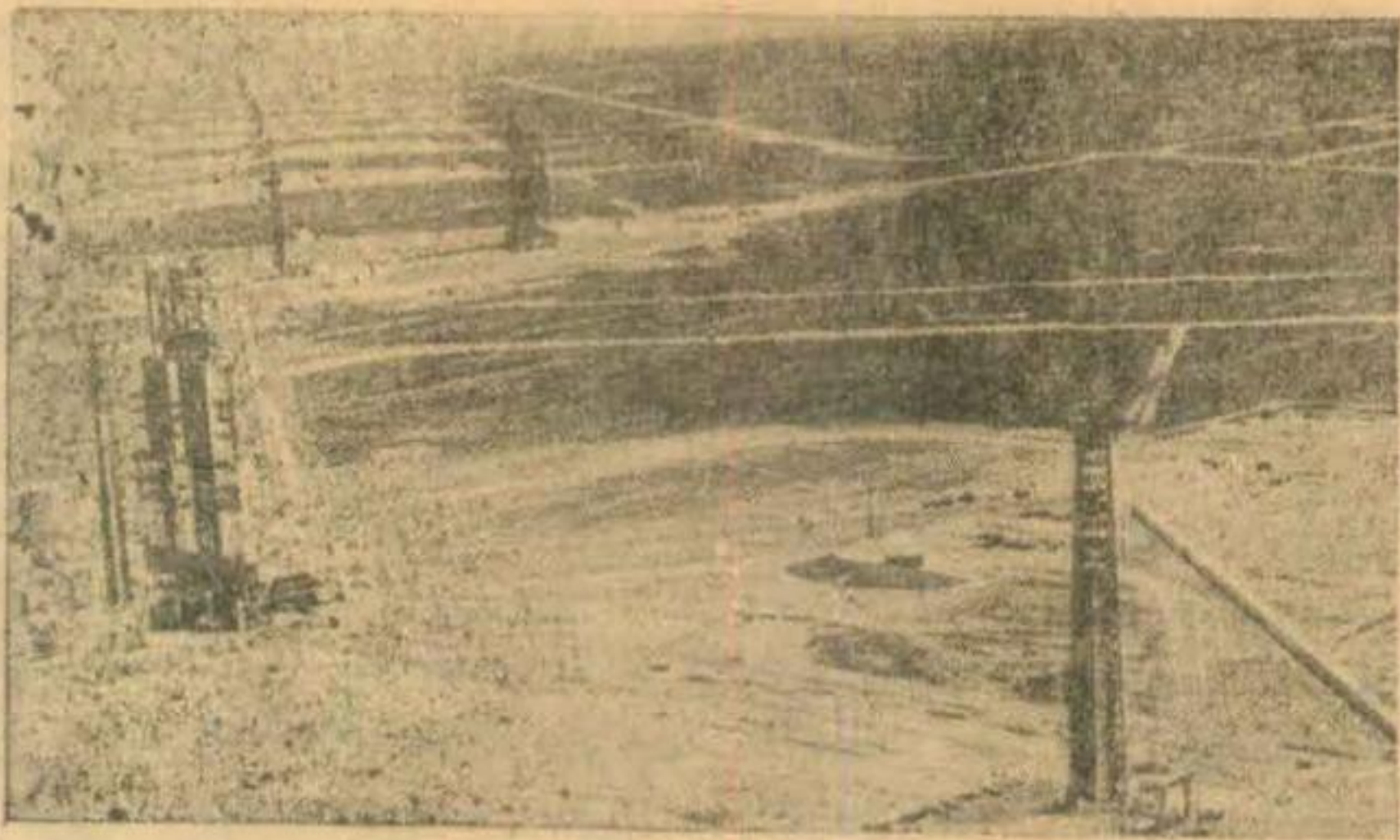
vệ tinh lên được nữa, Giờ đây, với Saturn I, hỏa tiễn này chỉ là bước đầu một loại hỏa tiễn mới với tất cả những tiến triển trong tương lai. Rồi đây, với Saturn I, các chuyên gia Mỹ hy vọng bắn được vệ tinh 16 tấn. Tuy nhiên đường lên cung trăng còn xa, người ta tính đưa phi hành lên đến cung Quảng rồi lại đưa về mặt đất, các hỏa tiễn phải đặt cho được lên quỹ đạo quanh quả đất một khối 120 tấn..

Dù sao, ngang đây, Mỹ có thể tự hào vượt quá Nga một phần nào. Nhưng cũng không quên chuyện hơn kém rất là tương đối. Hỏa tiễn Nga tuy yếu hơn (vì bắn vệ tinh nhỏ hơn) nhưng chắc chắn hơn: Mỹ đang còn ở giai đoạn thí nghiệm còn Nga thì đã thành thạo rồi. Đáng khác, Nga cũng đang khảo cứu tìm tòi một loại hỏa tiễn khác mạnh hơn. Một điểm đáng để ý là biết đâu vụ thành công Saturn I sẽ thúc dục Nga mau bắt tay Mỹ trên đường chinh phục cung trăng, vượt quá cuộc hợp tác Echo II đã thấy ở trên.

ELEKTRON I VÀ ELEKTRON II

Nếu hiện nay Nga không thấy đã động thêm về cung trăng thì các chuyên gia bên kia màn sắt vừa mới đạt được một kết quả đặc sắc về kỹ thuật bắn cùng một lúc hai vệ tinh: Elektron I và Elektron II.

Đây là lần đầu tiên Nga thí nghiệm phương pháp này. Bên phía Mỹ thật ra đã nhiều lần thử bắn hai vệ tinh cùng một lúc. Hôm 22-6-1960, các chuyên gia Mỹ đã có dùng hỏa tiễn Thor-Able Star bắn luôn hai vệ tinh Transit II A và Greb I. Sau đây còn có 9 vụ bắn tương tự mà kỳ đặc biệt nhất



Nhìn chung đài bắn hỏa tiễn SATURN ở Cap Kennedy

là hôm 15-6-1963 luôn 5 vệ tinh (Lofti II A, Greb IV, Ralose, Surcal và một vệ tinh bí mật) đã được hỏa tiễn Thor-Agena D đưa lên quỹ đạo. Nhưng đáng để ý là các vệ tinh Mỹ lúc nào cũng được thả ra một lần, khi tất cả các nhiên liệu đều đốt cháy, nên các vệ tinh đều bay trên những quỹ đạo gần giống nhau. Đảng Nga thì phương pháp lại khác: Elektron I được thả ra khi nhiên liệu đang còn cháy, còn Elektron II thì đợi ít lâu sau mới rời tầng cuối hỏa tiễn. Vì vậy hai vệ tinh chạy trên hai quỹ đạo rất khác nhau: Elektron I bay thấp (hình thuận cách mặt đất 406 và 7100 cây số) hơn Elektron II (460 và 68,200 cây số), từ đây thời gian bay mỗi vòng quanh quả đất cũng rất khác nhau: 2 giờ 49 phút (Elektron I) và 24 giờ 40 phút (Elektron II).

Theo hãng thông tấn Tass thì sứ mệnh của hai vệ tinh Elektron là « khảo cứu cùng lúc các đai bức xạ bao quanh quả đất và những hiện tượng vật có lý quan hệ với những đai ấy ». Hãng

này cũng có cho biết thêm cuộc khảo cứu này có mục đích là thu lượm tất cả những tài liệu khoa học về bản chất và cách phân tán năng lượng các nguyên tử trong không gian. Cùng lúc hai vệ tinh sẽ đo lường ở khoảng không gian xa xăm và ở thượng tầng khí quyển. Hai điểm đặc sắc được nêu ra là một đằng người ta có thể thấy sự khác nhau giữa hai chỗ trong không gian cùng một lúc đằng khác không những chỉ đo năng lượng các bức xạ, các vệ tinh còn khảo sát cách di chuyển các tia vũ trụ và kết cấu của cuộc di chuyển ấy trên thượng tầng khí quyển.

Người ta còn để ý lần đầu tiên các chuyên gia Nga đã dùng tầng số 30 075 MHz bên cạnh tần số 90.225 MHz thường dùng. Hai tần số này điều hòa với nhau nên đem khảo sát và so sánh cách truyền tin, người ta có thể xác định tính chất của lớp khí quyển ở cao độ.

RANGER VI

Bên phía Mỹ lúc này xem chừng

muốn tấn công mãnh liệt cung trăng nên sau 5 cuộc thất bại (đặc biệt Ranger IV đến trúng đích nhưng rơi vào phía bên kia mặt trăng và máy đều hư hết) Mỹ lại cho bắn thêm một RANGER nữa.

Ranger IV nặng 385 kilô, giống như một cái tháp Eiffel nhỏ, đã được bắn từ Cap Kennedy (Cap Canaveral cũ) với hỏa tiễn Atlas. Tầng cuối là hỏa tiễn Agena B cùng với Ranger VI trước tiên được đặt lên một quỹ đạo thấp, cách mặt đất độ 185 cây số. Từ đây vào một lúc thuận tiện về địa thế cũng như về tốc độ, tầng Agena B đẩy Ranger VI lên thẳng cung trăng. Thật là một cuộc múa rối tài tình ở ngoài không gian. Khó khăn đến nỗi mặc dầu bao nhiêu tính toán kỹ càng, người ta còn phải sửa chữa lại con đường bay của vệ tinh 16 giờ sau để cho khỏi lệch xa cung trăng.

Nhưng bắn cho trúng được cung trăng chỉ mới là một điều kiện của cuộc thành công. Mục đích của Ranger VI là chụp hình cung trăng, vậy vệ

tinh phải chạy đến vào lúc mặt trời xế chiều, chiều ánh sáng là để tắt cả các thể đất được nổi trội lên. Các chuyên gia Mỹ đã tính điều kiện này có thể theo đúng nếu Ranger VI rơi lên mặt trăng cạnh con đường chia đôi mặt sáng và mặt tối, vào đầu tháng tuần. Vì vậy họ đã chọn bắn vệ tinh hai ngày sau trăng rằm và tính sau 66 giờ bay, vệ tinh phải rơi vào cung trăng theo những điều kiện ước mong. RANGER VI có mang theo 6 máy chụp hình và dự định chụp cùng truyền ảnh về quả đất trong khoảng 10 phút trước khi chạm vào mặt trăng. Vệ tinh lúc ấy sẽ từ cao độ 1450 cây số tiến vào mặt trăng với tốc độ 8.300 cây số/giờ. Sáng hôm 2-2-1964, Ranger VI đã đổ xuống « biển » Trầm-lặng như đã định trước, cạnh chỗ đã rơi Lunik II hôm 13-9-1959 nhưng không một tấm hình nào đã chụp được vì tất cả các máy đều bị hỏng.

Cuộc thành công của RANGER VI chưa được hoàn toàn nhưng kỹ thuật bắn vệ tinh đã tiến được một bước lớn về phương diện chính xác.

VÕ-QUANG-YẾN.

Những người của

NGƯỜI VIỆT (1955)

SÁNG TẠO (1956-1961)

Sẽ cùng chủ trương

Tuần báo **Ý THỨC**

ĐOÀN-QUỐC-SỸ ● NGUYỄN-SỸ-TÊ ● DUY-THANH
THANH-TÂM-TUYẾN ● TRẦN-THANH-HIỆP ● THAI TUẦN
MAI-THẢO ● TRẦN-LE-NGUYỄN ● NGỌC-DỪNG

nguyễn nho sa mạc



Nguyễn-Nho-Sa-Mạc (Nguyễn-Nho-Bừu), nhà thơ trẻ quen thuộc của bạn đọc Bách Khoa đã đột ngột từ trần đêm 8 rạng ngày 9 tháng 2-1964 mới vừa 20 tuổi.

Các bạn yêu thơ thương tiếc Anh đương độ hoa niên nhiều hứa hẹn. Đề tưởng niệm Anh, tòa soạn lựa đăng sau đây một số trong những bài thơ cuối cùng mà Anh đã gửi đến Bách Khoa.

sinh nhật

bằng đôi tay ôm kín nỗi buồn
ta đi trong trời đất hoang hôn
mà nghe sữa mẹ chan hòa chảy
máu ở buồng tim cũng loạn cuồng

ta siết hình em trong tiếng hôn
im nghe da thịt và linh hồn
giữa không gian lạnh ta vâng đây
cuộc sống đi vòng quanh đo cơn

ôi nửa cuộc đời ta đảo điên
đêm nằm ru giấc ngủ thôi miên
hài mươi tuổi trong hố suy tưởng
ngửa mặt nhìn trời đi ngả nghiêng

ta hát và ca giữa cuộc đời
nhìn xương vôi máu chiến trường phơi
những người đi trước về trong đất
lịch sử đầy sao chiều rặng ngời

sông hời là sông ! rừng hời rừng
trăng lên từ thuở có mùa xuân
rủ mây nguyên thủy về sinh nhật
ta uống cùng em chén rượu mừng

chân dẫm lên hàng vạn núi cao
ta về trong thế giới chiếm bao
những người ở lại sẵn ngơ ngác
những người ra đi hồn xanh xao

bằng đôi tay ôm kín mặt trời
ta và em một khối sinh đôi
hồi ời khi ở trong lòng mẹ
ta muốn đi cho trọn kiếp người

N.N.S.M

xuân của một người

Chiều cuối năm ngồi trên tầng phố cũ
Trời quê hương nhiều mây trắng sa mù
20 tuổi những ngày nuôi mộng đỏ
Đã xanh rồi cây trái mọc suy tư

Thân với máu xin thấp làm sương khói
Giữa thời gian tìm bóng dáng con người
Vùng tóc đỏ tháng ngày qua cỏ úa
Lửa của trời thiếu đốt thưở hai mươi

Con mắt trũng hôn vào lòng đất ẩm
Mẹ sắp khô — đời sống cũng khô cằn
Thiên nhiên vẫn mặt trời trên cao mọc
Người tìm chi khu vườn cũ giá băng?

Tôi gọi nhỏ tên mình sa nước mắt
« Ở trên đời vừa đúng 20 năm...
Máu sẽ khô — xin tim này đừng rụng
Giữa hư vô phần mộ nhỏ yên ảm

Lũ bạn tôi đưa còng lưng nằm ngủ
Đưa vừng lên trong số phận lưu đày
Mỗi trái tim hằn vết thương chia cắt
Vết nhọc này cho con cháu mai sau

Tôi còn lại nửa mùa xuân phiêu lãng
Giữa lênh đênh tìm năm một bàn tay
Trời tháng giêng những ngày sâu rồi gió
Nhớ Sài Gòn thương Hà Nội mây bay.

Nguyễn Nho Sa Mạc

cuộc đời

tôi sinh ở xóm nghèo
một khung trời nhỏ nhỏ
kéo lê đời hát hiu
qua tháng ngày mệt mỏi

mẹ già ăn khoai sắn
nuôi con lớn chừng này
đời vẫn còn tay trắng
nuốt từng quả đắng cay

cha cày sâu, cuốc bẫm
đất cát ẩm mồ hôi
chấp từng manh áo vá
tiếp nối thêm cuộc đời

người anh đi đánh giặc
lâu chưa về hậu phương
nhớ mà mòn con mắt
mây trắng lơ lửng sa trường

những mùa đông giá lạnh
tôi ngồi nhìn mưa rơi
thơ cũng sầu giá lạnh
buồn chi thuê làm người

những đêm dài gió bắc
trở mình thấy xót xa
tìm vầng nổi dĩ vãng
lời mẹ còn ngân nga

đất dạy tôi đời sống
nước mắt đổi miếng cơm
thịt xương làm phân bón
cho ruộng đồng xanh hơn

mẹ dạy tôi làm người
phải yêu thương đồng loại
(nhưng bức tường ở nhục
còn mọc lên khắp nơi)

nên tôi buồn biết mấy
làm người dân Việt-Nam
hằn vết thương chia cắt
đơn đau màu da vàng

người con trai gục khóc
Ôi ! nỗi buồn ! nỗi buồn
ngồi lặng nhìn ngực tôi
suy tư chảy vào hồn

N.N.S.M.

quê hương

Tôi nhìa về thành phố
những bức tường mọc lên
bất đầu bằng viên gạch
như thời kỳ không tên
người phu già về oải
chiếc xe ngựa buồn tẻ
qua tháng ngày mỗi một
qua tháng ngày lãng quên
đi vào lòng cuộc sống
như vào giữa móng móng
và hàng cây cháy nắng
mặt trời vậy trên đầu
sỏi đá nằm im lặng
những nóc nhà khói nầu
người ăn mày đứng đó
đưa hai tay ngoài đường
chúng nó cười nghiêng ngửa
trên lưng thổ chúng ta
một lũ người da đen
một lũ người da trắng
một lũ người da vàng
tất cả đều đồng lõa
những đồng rúc vẫn cao
những bao hành vẫn thối
những loài sâu vẫn còn



Tiếng nói nào nhỏ bé
trong hơi thở người con
khi nắm bàn tay mẹ
nhận lấy một nụ hôn
rồi oà lên tiếng khóc ?
Tôi nhìn tôi ghen ngào
quê hương nhòa nước mắt
lũy tre già sau lưng
thương đồng hoang cỏ cháy
bác nông phu ra đồng

đào sâu vào lòng đất
chôn những ngày-trống-không
nước ngoài xa vẫn chảy
trời ngoài xa còn sương
những cây lúa vẫn mọc
trên nắm xương khô này
những tâm hồn còn sống
cho con cháu mai sau
những hương vong thời trước
những thịnh suy thời nay
làm giàu thêm lịch sử
ôi tổ quốc chúng ta !
những chiều còn tiếng súng
trong rừng xa — rừng xa
những linh hồn ngã gục
giữa bao la — bao la
vai Trường sơn máu chảy
má Cửu Long gầy gầy
tim Sài Gòn ngừng đập
mắt Hà Nội sầu đau
nước sông Hồng yêu dấu
máu ngừng trong tim ta !

Tôi lớn lên từ đó
với đất đỏ phù sa
làm màu môi tiếng nói
với bàn tay của mẹ
với tâm hồn của cha
với đồng xanh tiếp nối
lúa mọc qua chân trời
nuôi từng lời hát nhỏ
khi còn trong vành nôi

Quê hương là thế đấy
lừa bừa cháy trong tôi

HOÀI NIỆM

● Về linh hồn Nguyễn Nho Sa Mạc

Cũng vô nghĩa như hương đèn vàng-bạc
lời buồn nầy trang-trị giữa làn tro
hơi góp gió mệnh-mạng đầy nỗi nhớ
ôi điều tàn từ-giã ngón tay thơ

muốn gọi Bửu bằng anh cho trang-trọng
sao như còn e-ngại mất lòng nhau
tình bạn hữu thẹn người xưa đâu nỡ
khách-sáo sang bằng âu-yếm mi tao

xin một phút vẽ với đôi tiếng lệ
hồn trong hồn lưu-luyến mất mối nhau
tay vô-vọng quàng vai trời giá lạnh
thời một người vĩnh viễn với mai sau

hẹn vun đắp mộ anh bằng tất cả
thương yêu vẽ trên mỗi đóa em trai
không nỡ khóc sao nước đầy giòng mắt
thềm cửa chào cha mẹ ngỡ con trai

ba-hoa thế để làm gì hỡi Bửu ?
mình đã thành một kẻ lắm điều-ngoa ?
thương nhớ bạn xanh xao lời thơ nhỏ
viết vào lòng hay vào khoảng bao-la ?

thời cũng mặc lũ chim rừng ca ngợi
mặt trời lên từng tiếng xót xa này
vần điệu sống trên bàn tay hai đóa
đã muôn đời nức-nở với loài mây

LUÂN HOÀN

TRẦM-TU CỦA MỘT NGƯỜI TỘI TỬ HÌNH

L.T.S. Chúng tôi có cái « duyên » được đọc bản thảo « Trầm tư » sau đây, khi tác giả nó còn mang án tử hình của chế độ cũ, mặc dầu đã được đưa về đất liền. Được tác giả cho biết tập bản thảo đó mới chỉ là những nét chính anh ghi lại vội vã trong một hoàn cảnh không có một tài liệu gì dưới tay lại bị kiểm soát cực kỳ khắc nghiệt nên có rất nhiều điều anh đã không nói được hoặc chưa nói hết. Anh định, khi được tự do, anh sẽ sửa lại, bổ túc thêm và cố gắng hoàn thành tác phẩm mà anh coi như có thể đánh dấu một thời kỳ suy tư quan trọng của anh.

Tuy nhiên, theo ý kiến của một số bạn trẻ đã viết thư thiết tha yêu cầu tòa soạn đăng các tác phẩm của tác giả « Tương lai văn hóa Việt-Nam », đề một số bạn đọc Bách-Khoa hiểu anh thêm và nhất là đề khỏi còn người hiểu lầm về anh, chúng tôi ngò ý với anh trích đăng một vài phần trong tác phẩm « Trầm tư của một người tội tử hình ». Anh đã ngần ngại rất nhiều nhưng sau cùng, anh ưng thuận vì nghĩ rằng mặc dầu những trang sau đây chưa được hoàn toàn như ý muốn nhưng lại mang nguyên vẹn dấu tích thời kỳ mất tự do của anh nên anh coi là một món quà đặc biệt thân tặng bạn đọc Bách-Khoa trong dịp anh vừa thoát cảnh giam cầm.

TỰA

Ngày 29 tháng tám năm 1957, tôi bị tòa án Quân-sự Saigon lên án tử hình. Tôi có kí tên xin phá án, mà lòng không tin sẽ được; lại dạ tự hèn nếu không được phá án, thì án sẽ bị hành quyết cho rồi một đời mà tôi muốn chấm dứt một cách khéo hơn là để bị giết mờ ám nơi một chốn hẻo lánh nào đó, rồi tên tuổi thêm trăm lần trong một cái biểu phi báng vô biên. Song lẽ, sự tự hèn ấy được bè bạn ở nước ngoài hay được. Nên chỉ, sau ngày bác đơn xin phá án, ngày 31 tháng chạp năm ấy, ông A. Camus, thay mặt cho bè bạn nói tiếng Pháp, bà R. Fischer, thay mặt cho bè bạn nói tiếng Anh, ông Nguyễn-Ngọc-Bích, thay mặt cho người Việt ở hải ngoại, đánh điện cho tôi, án cần khuyến tôi nên kí tên xin án xá để cho họ tiện bề vận động xin phóng thích cho tôi. Nể tình họ, tôi đã kí tên. Gần năm năm đã qua, mặc dầu các bè bạn này không ngớt kêu gào tôi vẫn đợi trên đầu bàn án tử hình; và mặc dầu khi còn ở khám Chí-Hòa, tôi có đổi cái thể trong nước và ngoài nước khiến tôi tin chắc rằng mình sẽ không bị thủ tiêu hay hành quyết, thể mà trong mấy năm gần đây, trước khi ngủ, đêm nào tôi cũng tự hỏi: « Ngày mai phải chăng là mình phải đứng trước toán lính hành quyết? » Sống trong tâm trạng phấp phồng nọ, những trầm tư của một người tử hình bị Tư-thần uốn nắn chiều hướng rất nhiều, chẳng khác nào tia sáng bị chày gần một khối thu hút không lối vạy. Phương chi, tôi còn mắc một cơn bệnh trầm kha, kéo dài từ tháng tư năm 1959 đến tháng Chín năm 1961, mà đến nay, tháng Sáu năm 1962, thời hồi xuân vẫn chưa dứt. Trong điều kiện ấy, những trang sau này phỏng có giá trị nào chăng?

Tuy vậy, tôi không ngại ngừng mà đăng chúng nó ra; trước để làm một bức thư cảm ơn chung cho những ai, rải rác trong bốn phương trời, hoặc danh tiếng lẫy lừng như A. Camus hay Nehru, hoặc tên tuổi còn trong bóng như sinh viên và học sinh; sau để đặt một vấn đề mà tôi tin rằng là vấn đề trọng đại hơn hết của nửa thế kỉ sau, của thế kỉ hai mươi. Tôi muốn nói đến sự đại nhất thống Tôn-giáo, Triết-học, Khoa-học và Chính-trị.

Hơn hai ngàn năm trăm năm trước đây, khi Khoa-học chưa phát sanh và sự hiểu biết của loài người hãy còn thô sơ, khi Chính trị còn là cái luân lí của các tiểu quốc vương đối với nhau và đối với thần dân, đã có người, tôi muốn nói đến Thích-Ca Mâu-Ni, đem Tôn giáo và Triết học mà thống-nhất lại, thành ra Phật pháp còn truyền đến bây giờ. Hơn trăm năm trước đây, Marx đem triết học của nước Đức thời ấy, dung hòa với kinh tế học của Anh và xã hội chủ nghĩa của nước Pháp mà đắp nền cho một cái văn minh mới, văn minh chánh ủy, hiện nay đang chi phối cả tỉ người.

Rồi, do một sự ngẫu ngộ của lịch sử, sáu trăm triệu dân Trung-Hoa đang sùng bái đạo Phật nay lại phải tôn thờ một lý tưởng mới mà thánh nhân là Marx, Engels, Lénine, Staline và Mao-Trạch-Đông... Hai nguồn văn minh này, của đạo Phật và của chủ nghĩa Cộng-sản, cả hai đều là xu hướng xa thơ, sau khi gặp gỡ nhau trên đất Trung-Hoa, sẽ ai thắng ai bại, hay sẽ tổng hợp nhau thành ra một cái gì mới mẻ?

Về một mặt khác, Khoa học phát sanh ở Hi-Lạp vài thế kỷ sau Phật pháp, từ đấy vạch một con đường càng lâu càng rộng thênh thang và ngày nay không biết biên giới nào cả. Vào những buổi đầu, nó còn phải tùy thuộc vào Tôn-giáo. Vài thế kỷ nay, nó gỡ được cái cách ấy; nhưng lại bị trói vào những tùy thuộc mới của Chánh trị. Nó sẽ cởi được những tùy thuộc mới này chăng, hay sẽ hạ mình làm cái máy cho kẻ mạnh thế vận theo ý muốn? Vài mươi năm nay, Phật pháp vừa bỏ vôi bỏ gạch qua các xứ Tây phương, Anh, Pháp, Đức, Mĩ, Áo... Đụng chạm với Khoa-học của các xứ này, Tôn giáo ấy sẽ ra sao, hay sẽ bị Khoa học bài bác cũng như các giáo điều khác trước kia?

Nói đến sự đại nhất thống Tôn giáo, Triết học, Khoa-học và Chánh trị, mà chỉ đề cập đến Phật-pháp, ấy không phải là một sự thiên lệch. Các giáo điều khác không nhận chịu một sự sửa lại; vaincre ou périr (1) hình như là giáo điều căn bản của các giáo điều. Đặt cái pháp của mình dưới sự dắt dẫn của trí tuệ, Phật pháp lấy sự sửa lại làm căn bản, và khi bảo rằng sau này Phật - Di - Lạc Maitreya giáng thế làm vị Phật tương lai để chữa lại cái phép cũ, phải chăng là Thích-Ca Mâu-Ni dặn trước tía đồ mình nên dọn mình đón rước một cuộc sửa lại vĩ đại? Tôi bài phục cái tinh thần cải tiến canh tân ấy cũng như tôi bài phục điều mà trong Khoa học, từ Copernic, Galilée, Képler, Newton và nhất là từ đầu thế kỷ XX, mỗi danh nhân đều đánh dấu cho một cuộc cách mạng trong tư tưởng. Cái tinh thần chung ấy phải chăng là miếng đất dung hòa Phật pháp và Khoa học? Tôi tin rằng trong mấy năm gần đây, sẽ có câu trả lời thỏa đáng cho mấy câu hỏi trên đây.

Một ngàn năm trăm năm trước Thích-Ca Mâu-Ni, Triết học của Ấn-Đo đã phồn thịnh lắm rồi và dọn đường cho sự thống nhất cái triết học ấy với sự hiểu biết, dưới dấu hiệu của trí tuệ, để thành Phật pháp. Cái Triết học của Tây phương, lập ra từ thời Socrate và bắt đầu phồn thịnh từ Bacon, sẽ nhờ một Maitreya mà thống nhất với Khoa học, cũng dưới dấu hiệu của trí tuệ; ắt một tôn giáo mới ra đời, một Tôn-giáo không dựa vào tín ngưỡng và cuồng tín mà bắt nguồn nơi từ tâm do trí tuệ soi sáng. Ba viên đá lư là Tôn giáo, Triết học và Khoa học đã

(1) Thắng hoặc tiêu.

nhờ trí tuệ mà xây liền với nhau được, thì cái mộng lớn kia, cái mộng đại nhất thống gần thành vậy.

Chỉ còn viên đá chốt : Chánh trị. Từ muôn thuở, chính trị thay đổi sát theo người làm và lịch sử đầy đầy những cái xảy ra bất ngờ cũng như những cái hiển nhiên tránh không nổi. Đầu thế kỷ này, có mấy ai đoán trước được sự chỗi dậy của Á-châu và Phi-Châu, cũng như những cố gắng, đâu có ngăn nổi chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai nổ bùng ra ? Và mặc dầu bắt nguồn nơi chung hệ thống của Marx chánh trị của Lénine, Trotsky, của Staline, của Khroutchew, của Mao-Trạch-Đông đâu có liên tục với nhau ! Thuyết tiên định, thanh hành ở phương Đông, phải chăng căn cứ nơi sự vô định của Chánh trị ? Và từ khi trong sách Cộng-hòa, Platon ước mong những hiền triết cầm quyền, hơn hai ngàn năm qua, trên khắp địa cầu, đã đếm được bao nhiêu người như thế ấy ? Thế mà, lúc này hơn lúc nào cả, thế giới của chúng ta đòi hỏi những nhà cầm quyền hiền triết. Sự phân hóa thế giới thành hai khối tượng phản nhau, cả hai bên đều nắm những khí giới tàn sát rất kinh khủng, đang đe dọa nhân loại bằng một sự phá hoại vô chừng có thể kéo lùi lịch sử năm mươi thế kỷ là ít. Sự khôn ngoan của đôi bên liệu có thể ngăn nổi một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba chăng ? Nhìn theo âm mưu của cái mộng đại nhất thống, liệu Chánh trị có chịu đem viên đá của mình mà xây chung, cùng với Tôn-giáo, Triết-học, và Khoa-học, cái lâu đài của ngày mai soi sáng bởi trí tuệ chăng ? Hay chánh trị vẫn kiêu căng, vẫn bắt Tôn-giáo, Triết-học và Khoa-học làm nô-lệ cho mình, và vẫn chỉ nghe tiếng gọi của bản năng và nhiệt tình ?

*
* *

Trong năm năm, lúc bình cũng như lúc mạnh, đầu óc tôi bị mấy vấn đề ấy ám ảnh. Tôi nghĩ cách viết ra mấy bài trầm tư này. Chính tôi lấy làm lạ hơn ai hết sao một tên tội tử hình, số phận đặt nằm bên cạnh cái chết, lại không nghĩ về cái chết, mà lại lo chuyện của người sống. Mà lo nghĩ về chuyện của người khác, không lúc nào lòng tôi được yên nghĩ : cho đến đôi lần khi, tôi tự ví là một damné (1) đương đợi sự giải thoát của mình. Mà sự giải thoát này, tôi tin rằng khi đang tập sách này để hỏi những ai suy nghĩ trong bốn phương trời, tôi sẽ đón rước được những lời chỉ giáo.

Côn-Sơn tháng 6-1962

HỒ-HỮU-TUỜNG

Ký tôi : Trầm tư thứ nhất : Cái nghiệp tơn thiên.

(1) Kẻ bị dầy, địa ngục.

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

III

VÀO đèn cửa phòng khách, nghe tiếng lục đục trong nhà, Trâm biết là người ở trọ đã dọn đèn. Nàng nhìn đồng hồ tay nghĩ thầm : nó đèn đúng giờ đây chứ. Ban đầu mình bảo gì nó cũng nghe, nhưng sau này...

Trâm bỏ đồ ý nghĩ sau cùng rồi lên tiếng gọi chị người làm mới :

— Chị Ba !

Người tớ gái từ bếp nhanh nhẹn đi ra.

— Thưa cô em làm cơm xong rồi nhưng còn chờ hỏi cô xem dọn dưới này hay trên lầu.

«À, ra con này cũng bắn khoản điểm đó như mình, có thêm người, thêm vắn đề ».

Trâm ngẫm nghĩ một thoáng :

— Ăn trên lầu như mọi ngày. Nhớ thay nước bình hoa trên lò sưởi và dọn dẹp phòng khách lại. Ghề bàn xê lệch bữa bãi thề này.

— Thưa cô, anh gì dọn đèn đem đó đặc ngang qua phòng này như thề đó.

— Thi chị phải thu dọn lại chứ. Bất người ta làm à...

Trâm chợt dừng lại vì vô tình giọng mình có vẻ bênh người khách để phàn nàn người làm. Nhưng chị Ba đã luýnh quính kéo mấy cái ghề ngay ngăn lại quanh bàn và bưng bình hoa ra phía nhà bếp. Trâm nhìn thoáng qua bóng mình lơ mờ trong cửa kính rồi nhấc tà áo trước lên một tí, đi về phía thang lầu. Ngang qua cửa phòng Minh, Trâm hơi mỉm cười và gật

đầu nhẹ đáp lại lời chào của « ông khách trọ » rồi đứng đứng khoan thai từng bước một lên thang lầu gỗ đen bóng. Không nhìn lại, nàng cũng biết ở cửa phòng dưới, Minh đang đứng ngẩn ra nhìn theo ngạc nhiên về thái độ lạnh lùng của bà chủ. Có lẽ Minh chờ nàng về để hỏi han cách sắp đặt trong phòng, hoặc chỉ để nói với nàng đã dọn tới. Nhưng nàng chỉ đi lướt qua không cần chú ý đến « biên cò » đó, như Minh là một chiếc lá vừa theo cơn gió rơi vào phòng, việc dọn nhà của Minh chỉ là sự xê dịch của một chiếc ghế. « Minh phải tỉnh bơ đi, làm ra vẻ có: cần và kẻ cả ít lâu cho nó biết nể biết sợ, biết bà chủ không vui tính dễ dãi như nó tưởng, và tuy ở cùng nhà, nhưng muốn « yết kiên » bà chủ cũng phải chờ chực, phải lựa dịp, không phải lúc nào cũng nói bô bô, cũng kêu cũng gọi, cũng hỏi han bất cứ việc gì được đâu. Như học trò trong lớp, muốn xin nói phải đưa tay lên nghênh cổ về phía cô giáo và chờ đây... Lúc đầu dễ với nó thì nó leo lên đầu lên cổ mình ngay ».

Trâm mở cửa phòng, bước vào và khóa ngay lại. Tự nhiên Trâm thấy tiếng gót giày mình gõ trên sàn nhà gỗ ròn rã hơn mọi khi, cả đến tiếng khóa cửa lách cách cũng vang rền như muốn làm kinh động bầu không khí yên tĩnh trong nhà. Và những âm thanh vô nghĩa, nhỏ nhặt đó bắt đầu từ hôm nay trở nên những dấu hiệu, những cách thể của nàng đối với người khác ăng nghe để đợi chờ hay dò xét.

Và cũng từ nay ở mỗi cử chỉ, mỗi lời nói của nàng đều có sự tính toán cân nhắc, đắn đo, như một diễn viên sân khấu phải chú ý từng chi tiết về vai trò của mình trước khi trình diễn. « Để làm gì, mình là chủ ai bắt buộc đâu ». Nhưng Trâm tự biết mình phải che dấu, đến lúc nào hay lúc đó, bản tính, sở thích, con người thật sự của mình với người xung quanh trong buổi đầu về qui hàng cuộc đời khuôn khổ và sáo hủ này ». Trước mình chỉ đóng kịch ở trường. Về nhà, ở thế giới riêng biệt là của mình, hổ ly tính lại hiện nguyên hình con cáo. Bây giờ phải mang lớp vỏ nặng nề giả tạo này cả ở trường, cả ở nhà.... Thế là hết đường thoát... »

Trâm mở tủ, chọn bộ pyjama hàng bonssac dày màu hồng nhạt có những đường kẻ trắng nhỏ và thay quần áo. Bộ mới thay ban sáng, còn sạch và thẳng, Trâm ném vào chỗ áo quần bẩn chờ giặt. « Mặc bộ áo quần cắt ngắn và chặt kiểu mới đó, xõa tóc ra nửa mình còn gì là tác phong chủ nhà. » Trâm mỉm cười nhạo bóng mình trong gương lớn rồi ra đứng ở cửa sổ nhìn sang rặng đối bên kia. Hoàng hôn đã lấp đầy những ruộng dâu, những vườn hoa trong thung lũng. Ánh sáng lơ mơ còn đọng mơ hồ như một lớp hơi màu xám nhạt ở sườn đối, sắp sửa bay lên vòm trời loăng nhắt, tán mác giữa các vì sao. Hơi lạnh tằm mùi lá hoa dâu dịu xông lên thoáng-thoảng theo làn gió. Trâm rung mình khoan khoái và cảm giấc ngủ

quên từ bao giờ bỗng nhiên rợn rợn thức giắc trên chân tóc, làn da. Nàng nhoài hay tay ra cửa sổ, ôm lấy khoảng trống không rồi cong tay lại, áp bàn tay lên cổ. Lòng lâng lâng vui sướng, Trâm tính chầm môi huyết sáo. Nhưng nhớ ra, nàng dừng lại, lắc đầu, khép cửa sổ.

Với lấy cái áo khoác choàng qua người, Trâm mở cửa, thông thả xuống lầu. Nàng bắt gặp Minh đang nhìn lên trong dáng chờ đợi. Thầy bà chủ xuống, ông khách trọ đứng nép sang một bên nhường lối cho nàng vào phòng.

— Xong cả chưa.

Minh sửa lại tấm lịch mới treo cho ngay ngắn.

— Dạ xong nhưng em chờ cô cho ý kiến nên sắp đặt như thế nào.

— Phòng này từ nay không thuộc về tôi nữa. Của em, tùy em dọn dẹp thế nào thì dọn chứ.

— Em sợ . . . cô không vừa ý.

Trâm nghĩ: « Thằng quái này, nó phải dò xem mình « có ý » hay không mới « vừa » chứ.

— Đã bảo phòng của em, tùy ý em. Nhưng rồi Trâm cũng đi quanh phòng, đặt cái này, sắp cái kia.

-- Bàn học, kê gần bên cửa sổ. Còn cái giường phải xoay ngang lại để quay đầu về phía cửa, nằm chói mắt lắm.

Minh nhanh nhẹn làm theo lời chủ nhà ngay. Một thoáng, căn

phòng bớt bẽ bộn và có vẻ rộng rãi hơn với cách sắp đặt mới. Trâm nhìn lên cửa sổ :

— Chỉ có cửa gương. Phải treo màn ngăn bớt ánh sáng.

— Thưa cô, treo màn màu gì ?

— Màu gì em thích. Nhưng trời mưa xuống thì phải tản cư lên lầu, phòng này ướt sũng hết đây.

Bỗng Trâm thoáng thấy gói Bastox xanh mở để trên bàn học :

— Em hút thuốc ?

Thầy Trâm nhìn mình chăm chăm, nghiêm nghị chờ đợi câu trả lời, Minh luống cuống tìm câu nói gỡ :

— Thưa cô, đề... mời khách đây mà.

— Em hứa với tôi là... không tiếp khách.

Minh đứng im. Hai bàn tay lúng túng đưa lên định làm một cử chỉ phản đối, nhưng lại buông thõng xuống. Tim mãi không ra một câu nói đời thứ hai, anh chàng đỏ mặt rồi mỉm cười mong xoa dịu tình hình. Đèn đỏ Trâm mới đề ý đèn chiếc hộp sắt tròn nho nhỏ, bên ngoài dán hình Claudin Cardinal mặc bikini ngồi duỗi chân trên bãi cát, mái tóc rũ rượi dạt về đằng sau theo chiều gió. Nàng cầm chiếc hộp mỉm cười ngẫm nghĩa. Mùi thuốc nồng sòng lên. « À cái gạt tàn của cậu ằm đây » Minh đứng quay lưng về phía chiếc tủ thấp ở đầu giường, cố che cho Trâm khỏi nhìn về phía đó. Nhưng Trâm đã thấy những hình tài tử

cắt trong các tạp chí điện ảnh bày la liệt trên sách vở, giữa những quyển vở dày, bừa bãi rơi trên nệm gối. Trâm đang tìm một câu gì khiển trách và cảnh cáo thì Minh đã đón đường.

— Thừa cô phòng trông quá, em xin thăng bạn mấy tấm hình về dán.

Rồi mình mở cuốn lịch mới đưa trước mắt Trâm :

— Em treo lịch này lên vách đầu giường được không thưa cô.

« À, tên này vừa gian vừa ngoan. Quân xỏ lá chứ không ngờ nghịch như mình tưởng hôm đầu rồi. Minh xét lắm người... » Trâm nghĩ, chỉ còn cách tìm những phương pháp thích hợp để trị dần dần con ngựa rừng mới lớn đó. Hút thuốc nặng. Chơi hình tài tử. Đán địch. Bắn bẻ. Áo quần từng loạt như thẻ kia. Đúng là điệu con nhà giàu ham chơi biếng học rồi.

Mà áo quần Minh nhiều thật. Hàng chục cái quần màu sẫm gần giống nhau, đều loại đắt tiền. Năm sáu cái áo len kiểu và màu khác nhau vắt ngón ngang trên mặt rương. Hai ba bộ complet, cravate treo xộc xệch lên cái máng áo vừa mắc vọi trong góc phòng. Một cây nhót nửa đây. « Trâm quay lại nhìn Minh. Trong làn ánh sáng mờ mờ của gian phòng chưa lên đèn, thân hình nhỏ bé, cái đầu cúi nghiêng của người con trai in lên nền tường màu hồng nhạt những nét vẽ linh động nhịp nhàng. Bỗng nhiên, Trâm khám phá ra, qua

hình dáng đó, một cuộc sống vừa bắt đầu ngút cháy, cuồng sôi, huyên náo mà lắm lì thơ đại mà phức tạp, cuộc sống của thanh-niên thời đại. Mấy hôm trước, Minh dưới mắt Trâm hoàn toàn xa lạ, hoàn toàn cách biệt. Như một điệu nhạc từ một bản đàn chưa một lần nghe thấy. Giờ thì Trâm hiểu. Nàng biết Minh từ đâu đến. Minh thuộc về loại nào trong cái đám con trai nôn nao, xô bồ sông, yêu, đam mê, chán bỏ. Tâm trí nàng dạo một vòng về những vỉa hè Saigon. Tiếng nhạc bập-bùng vang ra từ những tiệm cà phê, đuổi theo nhau quần quít những bước chân đi không bao giờ tìm thấy đích. Trong vùng ánh sáng nhờ nhờ của đèn xanh đèn đỏ về khuya từng khuôn mặt non choẹt, ngu ngơ, từng cánh tay duỗi dài trên quầy hàng, từng ngón tay bắm chặt lấy ly 33 ướt lạnh. Những bàn chân gõ nhịp xuống nền gạch. Những cái ngáng đầu. Những cái búng tay. Những cái lắc mình đu đưa theo tiếng nhạc. Vô số những hình ảnh đó chập chờn chao lượn như những bóng ma hiện lên từ một vực tối hun hút sâu. Ngày này qua ngày khác. Đêm này qua đêm khác. Lũ con trai ngồi đó, im lìm chờ đợi. Im lìm nhìn nhau. Không biết để làm gì. Để đi đến đâu. Khoảng trống không giữa cuộc đời và tâm hồn mở rộng theo dòng năm tháng. Sách vở là những khối đá nặng nề. Lớp học là nhà giam. Lời giảng bài là một thứ kinh cầu cổ lỗ. Nét mặt thấy giáo đăm chiêu vô nghĩa.

Những mùa thi rộn ràng mà chán ngán. Đậu hay hồng cũng thề, đều buồn nản, vô vị như nhau. Không có gì thay đổi giữa những khoảng cách thời gian, đánh dấu bằng bài trường khai giảng. Phần nhất phần nhì, rồi đại học. Những phân khoa. Xong rồi cũng ở lại đó, lì ra đó, như con ngựa sau những vòng đua cũng phải trở về chuồng. Những phương trời nắng gió thật xa vời, chỉ mở ra trong tâm tưởng không bao giờ người khát vọng. Những chuyến đi xa thành hư ảo. Cảm giác tù đày nặng nề bùng bít thêm. Người trẻ tuổi lớn lên. Già cỗi. Chán chường. Nên cảm thấy luôn luôn thừa một cái gì. Luôn luôn thiếu một cái gì, để hoài hoài ray rứt, băn khoăn. Những câu hỏi muôn đời không giải đáp. Họ ra ngồi đó, nhìn hình ảnh mình trong vẻ rã rời của kẻ khác. Và những bước chân đi qua. Những bước chân trở lại. Thật xôn xao mà hờ hững vô cùng. Họ rủ nhau vào đêm. Uống thật nhiều. Hút liên tiếp. Mà không bao giờ say. Như gặp rất nhiều, được rất nhiều mà chẳng bao giờ yêu, yêu thành thật để thấy đời có nghĩa lý, có mục đích mà tiến tới.

Minh đã ở đó, một thời gian, hay suốt cả thời mới lớn. Trâm không cần biết. Nhưng Trâm băng khuâng tìm thấy, qua vết tóc rủ che vầng trán, qua con mắt thoáng tươi vui, thoáng mệt mỏi chán chường, qua cánh tay đang hăng hái đưa lên đề vọi vàng chùng buông xuôi xuống qua những mớ

áo quần bừa bãi, những đôi giày còn chưa cũ đã bẩn thỉu mốc-meo, qua chồng sách vở xô lệch không bao giờ ngăn nắp đó, hình ảnh của một nửa cuộc đời sớm muộn, sớm chán chường. Vì đã sớm phiêu lưu, sớm hiểu biết, sớm bỏ liêu sự sống.

— Nó cũng đã như mình ư. Nhưng mình già rồi, nó còn trẻ quá, trẻ quá . . .

Ý nghĩ ấy gấn bật lên thành tiếng nói. Nhưng Trâm nén lại được và yên lặng nhìn Minh loay hoay treo tâm lịch mới lên tường.

— Gấn hết năm, em treo lịch mới làm gì.

Lần đầu tiên, Trâm nghe Minh phát biểu một ý kiến hay :

— Với em, năm bắt đầu từ hôm nay.

— Minh.

— Dạ.

— Em nhớ những điều kiện tôi ra rồi chứ.

— Dạ nhớ.

— Gắng làm theo. Em từ xa lạ đến. Nhưng đã ở trong nhà tôi, tôi có trách nhiệm về em. Tôi phải săn sóc đề ý đến em. Nói thề để nếu tôi có dạn dỏ, có nói năng điều gì, không phải vì có ý tò mò khám phá gì về em.

— Thừa cô . . .

— Có em trong nhà, tôi cũng yên tâm hơn. Nhưng cũng lo lắng hơn. Em liệu đó mà ăn ở . . .

Bông Trâm dừng lại. Nàng cò nói để giảm bớt khoảng cách, để đưa người con trai từ xa lạ về gần thề giới mình. Nhưng giọng nàng có vẻ giảng giải, có vẻ răn dạy thề nào, « không nên quan trọng hóa vấn đề, cứ sống tự nhiên, đến đâu hay đó, biết trước thề nào. Mình dặn mình được chưa mà dặn nó, vớ vẩn »...

Trâm nhìn lên khung cửa phòng trông trái :

— Có lẽ phải mắc màn ở đây. Khách khương của tôi lên lầu, ngang qua cửa phòng em.

— Em có cái màn lớn màu đỏ thẫm.

— Đỏ thẫm. Hợp với màu tường hồng và cửa xám. Đưa tôi treo hộ cho.

Minh bắc ghế, đóng đinh trên cao. Trâm tìm ruban trắng buộc cái màn xéo về một bên. Những nếp vải mềm nũng nịu buông chùng xuống nền nhà.

— Đẹp quá. Không khéo phòng này đẹp nhất nhà.

Minh ngập ngừng :

— Dạ, cô cho em căn phòng đẹp thế này, nhưng em ở không thì...

— Sao ?

— Xin cô cho em gửi cả tiền phòng thêm vào tiền cơm...

— Khỏi. Tôi đã tính rồi. Em ở phòng này ngay thang lầu để... giữ nhà cho tôi luôn có quân gian lên

lầu thì đã có em chặn lại.

— Vậy em thành gác đàn của cô. Trâm cười :

— Và tiền phòng trừ vào tiền trả cho gác đàn. Là huế. Tôi sẽ giao cho em cái chùy, nếu gác đàn không thành kẻ cướp.

Chị Ba nãy giờ đứng thập thò ngoài cửa không dám vào. Thấy cô chủ và người ở trọ bỗng nhiên cùng cười vui vẻ, chị ta mới chen vào :

— Mời cô xơi cơm

— Thằng Tuấn về chưa.

— Dạ rồi. Đang học bài trên lầu.

Trâm bảo Minh :

— Ăn cơm xong rồi tiếp tục dọn phòng.

— Thưa cô, em ăn rồi.

— Đền bữa, phải ăn. Đừng lười thôi. Không vâng lời tôi, khó ở đây.

Minh ngập ngừng theo Trâm lên thang lầu. Bàn ăn phủ khăn trắng. Bình cœillet đỏ thẫm nổi bật giữa những chén đĩa thủy tinh lấp lánh ánh đèn. Từng hạt cơm trắng nõn nà bốc hơi thơm. Những hạt đậu ngà trong màu nước sauce cà chua đỏ thẫm. Những lát khoai chiên vàng ruộm cạnh những lá xà lách xanh rờn. Trâm nhìn một lượt, ba đôi đũa đặt ngay ngắn cạnh mấy cái chén sứ màu hồng nhạt và cảm thấy sự đổi thay trong nhà từ hôm nay có vẻ quan trọng, lớn lao chứ không vô nghĩa,

tắm thường như nàng tưởng hôm nhận lời cho Minh ở trọ. Nàng lên tiếng gọi thằng Tuấn, va bố ngỡ nhận ra tiếng mình cũng không giống những hôm trước nữa. Cả đáng diệu thằng Tuấn cũng trở nên dè dặt, vụng về, mặt hân tự nhiên của những bữa cơm chỉ có hai cô cháu.

Trâm ngồi vào ghế. Minh và Tuấn nhìn nhau, mỉm cười rồi ngồi xuống.

— Ăn đi nào, không phải khách, khỏi mời mọc.

Minh cầm lấy đôi đũa, cúi mặt nói thật nhanh :

— Mời cô.

Thằng Tuấn mọi hôm ngồi vào bàn là xúc, xới, gấp, nhai. Thế mà bây giờ bưng chén lên, nhìn quanh, rồi cũng lúng túng nói :

— Mời cô.

Trâm muốn bật lên cười về gương ngượng của hai đứa học trò. Và về đóng kịch làm nghiêm của mình nữa.

Trâm vờ đánh rơi chiếc khăn ăn, cúi xuống nhặt, đầu nụ cười dưới chéo khăn bàn, lúc nàng ngẩng lên thì chén cơm của Minh đã vơi được vài hột. Nàng nhìn lại chén cơm còn nguyên của mình, chỉ muốn buông đũa đứng lên. Không phải Minh, không phải Tuấn lúng túng. Mà chính nàng, bà chủ nhỏ tuổi. Một hôm trước, ngồi vào bàn, Trâm vừa ăn vừa lơ đãng

nhìn xuống ruộng dâu ngoài cửa sổ hoặc chăm chú đọc một bài báo, một đoạn sách đang xem dở. Lưng tựa vào vách, một chân gác lên chiếc ghế bên cạnh, chân kia mắc vào thanh gỗ ngang đuôi gấm bàn, Trâm ngồi thoải mái, tự nhiên suốt bữa ăn và không chú ý đến xung quanh, cũng không bị ai chú ý. Bây giờ, trong vai trò mới, Trâm phải thay đổi, phải khéo léo diễn xuất để được cảm tình, sự kính mến của một khán giả tắm thường. Tự ý nghĩ đó, Trâm cảm thấy gột ngạt, khó chịu. Nàng muốn kể một chuyện gì, muốn nói một câu khôi hài cho bầu không khí giữa ba người bớt trang nghiêm căng thẳng. Nhưng mãi Trâm vẫn ngồi yên lặng dè dặt, cẩn thận gắp thức ăn, đưa lên miệng, như đang biểu diễn một pha « gái nhà lành » trước ông kính của một đạo diễn khó tính. Cuối cùng nàng hỏi bằng quơ một câu :

— Tuấn, chiều nay cô đi vắng, có ai đèn không ?

— Dạ có, cô không hỏi cháu lại quên đi.

— Ai vậy !

— Ông Lưu đèn khoảng ba giờ chỉ đứng ngoài hỏi, cháu bảo cô không có nhà, ông ấy đi ngay.

— Ai nữa không ?

— Dạ, ông Ngữ. Nói cô đi vắng mà ông ấy không chịu tin, cứ muốn đi tuốt vào nhà.

Trâm cau mặt :

— Ai chứ ông ấy thì cứ bảo cô đi vắng, ngay lúc cô có nhà cũng thế.

Rồi Trâm nhìn Minh một cái rất nhanh. Người khách trọ đã đặt đĩa gọn gàng trên chén, sắp sửa đứng lên. Trâm hỏi tiếp :

— Thề... ông Lưu có dặn gì không.

— Dạ không. Nhưng ông ấy hỏi đồ đạc gì nhiều thề. Cháu bảo có anh học trò mới đến ở. Ông ta cười lắc đầu rồi bỏ đi.

Minh đứng lên. Trâm buong đĩa lấy dao cắt đĩa flanc đẩy tới trước mặt Minh :

— Ăn tráng miệng đã chứ.

— Xin phép cô, em no rồi.

Tuân nói, không để ý đến Minh :

— À, ông ta còn nói dạo này sao cô hay đi vắng thề, lần nào đến cũng không gặp.

Trâm ngạc nhiên thấy Minh thoáng cau mày, mặt lạnh hẳn đi. Rồi nó cúi đầu, đi vội ra khỏi phòng, xuống thang lầu. Trâm bẻ vụn cái tăm trong tay, ném xuống sàn nhà. Thái độ của Minh làm nàng chợt băn khoăn. Tại sao Minh có vẻ khác thường khi Tuân nhắc đến Lưu ? Vì nó oán Lưu cho cảm tức lần trước. Vô lý. Đâu có trẻ con đến thề được. Tự nhiên Trâm mỉm cười. Nàng cảm thấy sắp lạc vào một thế giới nhỏ, xa lạ, mới

mê để tìm tòi, khám phá nhiều điều bí ẩn. Cái thế giới nhiều màu sắc, nhiều khía cạnh của người con trai mới lớn ở Minh. Nhưng Trâm chợt vẫn vợ lo lắng : « Minh nó không trẻ con như mình lắm tưởng lúc đầu. Rắc rồi thật »...

Bên ngoài, bóng tối buong mau xuống vùng lũng thấp lạnh lẽo. Trâm gọi chị Ba dọn bàn rồi châm một điều thuốc, trở về phòng riêng. Nàng đứng lại ở khung cửa nhìn chiếc giường như phủ drap trắng. Cái gòি cho vợ. Đỉnh mùng hẹp và thấp xuống như một nắp quan tài màu trắng. Bỗng Trâm đưa ngón tay lên miệng, lặng đi một giây. Vô tình, Trâm đã chỉ cho Minh kê cái giường trong phòng nó song song và ở ngay dưới giường mình. Vô tình, Trâm nhận ra điều đó, sự song song của hai chiếc giường qua một khoảng không gian đồng lõa, như hai mặt phẳng sò kiếp cùng ở trên một bình diện cuộc đời. Và trong cái đáy im lìm tiềm thức bỗng mơ hồ vẳng lên một âm thanh bờ ngõ. Một tiếng gọi. Một lời nhắc nhở : Trâm là đàn bà, và người mới đến dù sao vẫn là đàn ông. Hai cực Bắc và Nam của hai thanh nam châm tiến dần vào một môi trường nguy hiểm là tòa lầu hoang vắng, là tâm hồn sa mạc, là trái tim tha ma của người đàn bà đã từ lâu đơn chiếc.

(còn tiếp)

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

ĐÁM CƯỜI

★ Y - UYÊN

KHI anh đóng xong tấm bảng « Đây là nhà của Nguyễn Văn Ca » vào chiếc cột ở cổng thì bà Hòa chèo ghe sang mang cho anh một con chó mực. Bà đứng ở đầu ghe ôm con chó thả lên bờ rồi cười vang mặt nước :

— Đây, người bạn mới của ông Lỗ-Bình-Sơn đấy.

Ca cười theo tóm lấy đầu con vật :

— Phải có con chó này, đàn vịt mới đỡ bị chuột quấy phá. Nhà mới làm mà chuột nhiều quá bác ời.

— Nước lên nhiều quá mà. Các bờ ruộng ngập hết thì chuột phải bỏ hang lên đất cao để tránh nước chứ.

Ca ôm con chó vào nhà, nói :

— Có con chó, hoang đảo của cháu mới có sự phân định ngôi vị thầy trò rõ rệt. Bác chờ một chút, cháu lấy cho bác mượn cuốn tam quốc.

Bà Hòa nhảy lên bờ, kéo đầu dây lên cạn :

— Lâu lâu không nghe nói tới ông

Khổng-Minh cũng nhớ. Nhưng bây giờ hết đọc nổi truyện rồi cậu ời. Cuốn sách cậu cho mượn kỳ rồi, tôi phải nhờ con nhỏ bên chị Tám-Lương đọc lần hồi mấy ngày liền. Con nhỏ vừa bế em vừa đọc, nhiều lúc nghe nó mà chỉ thấy a a ời ời, chẳng thành cái vấn đề gì cả.

Vào nhà, bà ngó mấy cái lư đồng rồi hỏi :

— Rửa từ mấy bữa nay sao chưa xong được đám này ?

— Cháu mắc kẹt nhiều việc quá nên vẫn bỏ đấy.

Anh nhốt con chó vào một ngăn trống trong chuồng thỏ. Con vật có vẻ bức bối chạy tới chạy lui, loay hoay quanh, kêu ăng ăng trong hòng.

— Chắc con chó này là con đầu đàn hả bác ?

— Lúc sớm mai này thằng Ba-Chà nó cố tình lấy bằng được con chó đầu đàn tôi đã xí cho cậu. Con này là con thứ ba, nhỏ nhưng khôn lanh vô cùng.

— Con thứ mấy cũng được. Cháu

vốn ham súc vật như con nít ham đồ chơi.

Nghe Ca nói, bà Hòa lặng nhìn anh một lát như tìm kiếm điều gì. Chợt bà bật cười bảo Ca :

— Mỗi người, từ lớn tới nhỏ, đều ham một vài thứ. Trước kia, mẹ cậu cũng ham một điều, một điều nói ra vừa khó tin vừa buồn cười.

Ca tò mò :

— Điều gì đấy bác ?

— Mẹ cậu, ngày mười bốn, mười lăm tuổi, chỉ thích nghe truyện cổ tích. Có tối, mãi nghe quá, mẹ cậu ở riết nhà tôi, quên cả về giã gạo. Hôm sau, ông ngoại cậu đánh cho một trận mê tơi. Nhưng mẹ cậu đâu có « chữa » được...

— Mẹ cháu ham truyện đến thế hả bác ?

Bà Hòa vội nói như sợ Ca không hiểu ý mình :

— Mê cổ tích có gì đặc biệt. Mẹ cậu đặc biệt là ở chỗ mê cổ tích rồi mê luôn cả người trong truyện. Cậu còn nhớ ở đầu làng ta có một bãi đất cao không ? Ngày ngày mẹ cậu ra đó cắt cỏ rồi cứ lảng vảng, quanh quẩn ở ngọn đồi ở giữa bãi, tin tưởng thế nào cũng sẽ gặp một người đi qua. Người đó là « một vị tướng tóc đã có nhiều sợi bạc, cưỡi ngựa hồng ».

— Thế mẹ cháu có gặp được ông tướng ấy không ?

Ca cười, hỏi.

— Làm sao mà gặp được. Vì ai cũng biết, đó chỉ là một người trong truyện. Nhưng mẹ cậu lại không nghĩ thế. Mẹ cậu tin vị tướng đó có thực,

và buồn cười hơn nữa, còn tin sẽ có ngày được gặp ông ta. Rồi sau nhiều ngày chờ với đợi, sau nhiều lần bị bạn bè chế giễu, bỗng một hôm mẹ cậu hốt hải chạy đến cuối bãi la lớn với bọn trẻ chần trâu ở đó : « Tôi vừa gặp ông tướng qua đồi ! Chạy mau lên mà xem ». Bọn trẻ nghi ngờ nhưng vì tò mò, cũng ùn ùn chạy theo mẹ cậu lên phía đồi. Tới nơi, mẹ cậu đứng lại thở, còn bọn trẻ thì ngơ ngác nhìn xung quanh xem bóng vía ông tướng ấy đâu. Mẹ cậu vội la lớn bảo bọn trẻ : « Đứa nào biết trèo, trèo lên cây cao ngó về lùm cây làng Hạ mà coi, ông ấy vừa dong ngựa đi về phía đó. » Trong bọn trẻ, có thầy cậu, vì yêu mẹ cậu nên đánh liều trèo lên, làm bộ ngó đảo đảo một lát rồi nói vọng xuống : « Có người cưỡi ngựa đi về phía làng Hạ thật. Kia, kia, lá cờ ông ta cầm đang bay, kia kia thanh gươm ở thắt lưng ông đang lấp lánh ». Thầy cậu vốn nhút nhát, thực thà nên bọn trẻ nghe nói, tin ngay, reo hò ầm ĩ, còn mẹ cậu thì lặng yên dựa lưng vào thân cây chè, sung sướng đỏ mặt. Từ bữa đó, mẹ cậu hết chờ đợi ông tướng cưỡi ngựa qua đồi. Thình thoảng, có người gặp mẹ cậu, tò mò hỏi truyện, mẹ cậu thường im lặng một lát rồi cười nói : « Chẳng ai tin truyện đó là thực thì còn hỏi lại truyện đó làm gì. »

Bà Hòa ngừng lời. Ca ngạc nhiên thấy bà tự nhiên lưu loát hơn hẳn những lúc khác. Bà nói nhiều tiếng Ca chưa được nghe bà nói lần nào, bà có nhiều biến đổi liên tiếp trên khuôn mặt bình thường Ca vẫn thấy trầm tĩnh. Lúc bà quay ra sân, Ca mới chợt giật mình nói : — Câu truyện bác kể hay

thật. Cứ như đọc ở trong sách.

Bà cụ cười, không nói. Ra tới cổng, bà chợt hỏi Ca :

— Cậu đóng tấm biển này làm gì ?

— Để khi nước rút, khi đây có nhiều người dựng nhà, khách của cháu để tìm ra nhà cháu.

Bà Hòa nhìn vu vơ một lát rồi bước lại bờ nước. Ca chạy ra đưa cho bà cuốn truyện :

— Bác quên, không mang cuốn truyện về.

Bà Hòa cầm cuốn sách bỏ vào cái nón trong lòng ghe rồi chèo đi. Ca nói theo :

— Cháu cảm ơn bác lắm.

Anh ra sau nhà, kiểm mẩu mảnh gỗ đóng vách còn thừa, cạo lại cái nền chuồng vịt cho đất khỏi lở. Nước đã lên mấp mé tới bếp. Con đường bên kia bờ ao đã ngập. Hàng bình bát nhỏ chỉ còn mấy cái ngọn vọt vờ trên mặt nước. Khi Ca xong việc, trời đã nắng chói chang. Cây trướng cá trồng hôm qua ở trước nhà lá rũ xuống, héo hết. Anh tần ngần nhìn mảnh sân cát trắng, chắc dự tính trồng thêm mấy cây na không thành. Trước mặt anh nước trải mênh mông, rải rác vài căn nhà hiện lên trông như những căn nhà nổi. Nước nhiều thế này, mùa khô tới, ao của anh hy vọng sẽ hết chất phèn. Anh có thể mua cá tra về thả.

Từ bờ bên kia cô Hường chèo ghe sang. Cô bảo Ca :

— Má tôi kêu anh chốc nữa sang ăn cơm. Bà nói anh mới làm xong nhà cửa, còn nhiều chuyện lo, để anh nấu

lấy mà ăn coi mất nhiều thì giờ quá đi.

Ca nói :

— Được rồi. Cô cứ về đi. Cảm ơn cô nhiều lắm.

Cô Hường từ trên ghe ngó lên cổng. Cô nhảy lên bờ đi xăm xăm lại chỗ Ca đứng.

Hai bờ vai tròn đầy của cô kéo mạnh ra sau, khiến Ca trông lúc chưa kịp thích ứng với hoàn cảnh phải lúng túng. Cô trở cái biển, hỏi :

— Anh đóng tấm bảng kia làm chi vậy ?

— Để những người khách của tôi đỡ mất công tìm nhà.

— Đây đâu phải thành phố, đóng chi cho mất công. Mà khách của anh là ai ?

— Có nói cô cũng không biết. Người khách đó lạ lắm.

Ca nói, nhìn cô Hường và cười bí mật. Cô Hường bĩu môi theo một thói quen, xuống ghe chèo về. Ca nhìn theo, nhớ rằng cô chính là « người khách đầu tiên » của mình.

Ngày Ca sắp quần tới đầu gối, cầm thước và dây gai tới đây đo đất, cô Hường đã đội nón, đi xe đạp vào, đứng trên bờ ruộng nhìn xuống mà cười. Ca nhớ mình lúc đó mồ hôi mồ kê nhễ nhại nhưng cũng ngừng lên bảo cô : « Coi chừng cô hai. Cô mà trượt thân té xuống đất của « tui » thì nguy hiểm lắm đó. » Ca vừa dứt lời, cô Hường đã để xe nằm quay đơ trên bờ ruộng rồi bước đại xuống. Gấu quần đen anh vấp ngay một lớp bụi trắng. Ca nói trịnh trọng : « Đây là phần đất

của tôi. Dù tôi chưa dựng kịp nhà cửa nhưng cô đã có lòng tốt tới thăm vào lúc nắng nực thế này, tôi cũng phải coi cô là một người khách, người khách đầu tiên trong đời sống mới của tôi. » Dứt lời, Ca phúi tay, lại gần cô Hường, mở hộp kẹo ho mời cô mấy viên. Một lát sau cô Hường chồm chồm cười từ biệt Ca rồi lật đật chạy lên bờ ruộng, miệng kêu « đủ rồi, đủ rồi ».

Bây giờ nghĩ lại, Ca cho mình đã quá vội vã trao cho cô Hường « cái vinh dự lớn lao của người khách thứ nhất ». Với anh, người khách được hưởng cái vinh dự đó, đáng lẽ phải là một người khách ở xa, người khách ngày đêm anh hằng trông ngóng. Còn cô Hường, Ca nghĩ, trước sau vẫn chỉ là một người con gái vô duyên. Ngày anh mới về ở trọ nhà bà Hòa — mẹ cô — có lúc bỗng bật, anh tâm sự với vô : « Cha tôi mất từ ngày tôi chưa ra đời. Tôi không rõ gì về cha tôi nên không thấy thương. Còn mẹ tôi tuy cũng mất rất sớm, (ngày mẹ Ca chết, Ca còn khóc đòi người nhà dẫn đi coi hát chèo) nhưng gặp được má cô, nghe thuật lại những chuyện về mẹ tôi, tôi vẫn cảm động ». Cô Hường tò mò nghe giọng nói tha thiết của Ca rồi cười ngặt nghẹo nói : « Anh chỉ giỡn hoài ». Ca giận đỏ mặt, nghĩ thầm, « thật vô ý thức ». Lần khác anh hùng hồn bảo cô : « Những người trẻ tuổi đều có quyền ước muốn thật nhiều, kể cả những cái hết sức vô lý. Vì chỉ những ước muốn đó mới phân biệt được họ với người già. Cô có thấy thế không ? » Ca vừa dứt lời, cô Hường bỏ vào nhà trong vịn ra-dô, miệng nói « anh chỉ giỡn hoài » và Ca lại đỏ mặt,

lại nghĩ thầm « thật vô ý thức ».

* * *

Buổi trưa, lão Hai lại đến đòi nợ. Lúc Ca biết, lão đã vén quần tới đầu gối lội dò dẫm lại gần cổng. Ca giật mình nghĩ thầm :

— Lão này thủ đoạn thật. Lão không gọi mình ra đường như hôm qua, lại chịu khó lội nước thế kia để biểu lộ ý chí đòi nợ cho bằng được, nguy hiểm thật.

Anh vội chạy ra cổng đón lão, xuýt xoa :

— Trời ơi, sao ông không kêu tôi mang ghe ra đón ?

Lão Hai không đáp, chăm chú nhìn xuống nước thăm dò những bước cuối cùng.

Ca nói không kém niềm nở :

— Ông đi sát vào mấy cái cọc rào đó... Ày, đừng có bước sang phía cây bình bát, có cái hồ đó... Đấy, đấy ông cứ việc đi thẳng...

Lão hai vẫn không nói một lời, bước chân lão vẫn dò dẫm một cách vất vả.

Lên tới mô đất trước cổng, lão chao chân, mắt lơ đãng nhìn mặt nước mênh mông như không biết có Ca đứng đón.

— Đường gì mà quỉ quá vậy !

Lão chợt buột mồm. Ca phụ họa :

— Đường ở đây về mùa mưa, có cũng như không.

Lão Hai lững thững đi vào, tay vẫn kéo quần lên tới háng. Lão ngược nhìn mái lá trước mặt như muốn kiểm vật gì trên đó. Ca cố giữ bình tĩnh nói :

— Thấy chưa lấy được tiền. Ông vui lòng..

— Ai mà vui mãi được với anh? Mắt lòng nhưng còn một. Anh tính xem, bán mấy trăm lá cho anh tôi lời lãi được bao nhiêu? Nếu không, anh cũng nghĩ đến cái công lặn lội của tôi từ ngoài kia vào đây chứ?

Giọng lão Hai cổ lăm ra gay gắt. Ca như phân trần:

— Thực ra, tôi không muốn phiền ông thế này đâu, nhưng..

— Chẳng nhưng nhứt gì cả. Tôi nợ người ta, người ta có chịu chữ « nhưng » của tôi đâu. Anh có biết con mụ Tám-Lùn không, nó...

Lão Hai chợt im bặt, lúng túng như không biết có nói thêm nữa không. Ca ái ngại nhìn những nếp nhăn xeo xeo trên bộ mặt già nua của lão. Ở xứ này, chỉ có lão hơn Ca về số chủ nợ và hơn Ca về nỗi cô độc. Trước kia lão làm đậu phụ cho vợ đem ra chợ bán. Chẳng may cho lão, mụ vợ vốn là một kẻ lăm li, ít nói nhưng ăn nhiều, ngủ nhiều. Mụ luôn luôn trùm một cái khăn ẩm ướt trên đầu, luôn luôn mang bộ mặt của một bệnh nhân và tâm tình của một kẻ trong thời dưỡng bệnh (cần nghỉ ngơi trong sự yên tĩnh và cần ăn giả bữa). Lão Hai vốn giỏi chịu đựng nhưng mỗi ngày ít ra cũng xảy ra một cuộc xô sát vào lúc lão đi nằm. Đó là lúc lão gần vợ nhất, hay gần cái khăn ẩm ướt của mụ cũng thế. Tấm khăn được phơi ở một nơi cố định trong lúc mụ ngồi nghỉ: trên cái thành gỗ đầu giường. Và lão Hai, mỗi khi vừa đặt mình nằm thì tự nhiên mũi nhảy « khịt khịt » liên hồi vì mùi chanh, mùi nước mắm, mắm tôm...

ở khăn hốc ra. Bị quấy quả vào lúc tưởng đã được rảnh nợ đời trong chốc lát, tất nhiên lão không còn bình tĩnh nữa. Còn mụ vợ, vốn lăm li nên cũng rất gan góc. Mụ không bao giờ lạc quan mà tin rằng thay đổi chỗ phơi tấm khăn, vợ chồng mụ sẽ được hạnh phúc. Vì vậy, cuộc cãi lộn tối tối vẫn xảy ra, nếu vừa rồi người ta không tung ra tin lão sắp phá sản, nếu lão không xoay sang buồn lá để cổ lăm ra vẻ vẫn buồn bán bình thường. Vợ lão đã bỏ đi, mang theo cái ca-dô và cái khăn, chum đầu. Còn lão ở lại với những chủ nợ như mụ Tám-Lùn, không bao giờ chịu chữ « nhưng » của lão. Lão biết không ai muốn nghe tiếng nói của mình nữa. Trừ một người, người ấy là Ca. Nhưng Ca lại nợ lão. Làm sao lão có thể đóng trọn cả vai trò người đòi nợ lẫn người đi tìm một tri kỷ?

Nghĩ tới đây Ca vừa buồn cười, vừa ái ngại. Anh bảo Lão:

— Tôi biết ông cũng có nhiều chủ nợ như tôi, keo bẩn và tàn nhẫn. Nhưng thú thật bây giờ, tôi chưa có. Xin ông cho cái hẹn cuối cùng: đúng chủ nhật sau tôi trả hết.

Lão Hai thở dài:

— Anh ác quá.

Rồi lão buồn rầu quay ra tới cổng lão ngơ ngẩn nhìn lên tấm biển. « Đây là nhà của Nguyễn-văn-Ca » đoạn như chợt nhớ ra điều gì, lão lại lưỡng lự quay vào, bảo Ca:

— Nói lời phải giữ lấy lời đấy nhé?

Ca đã chải xong đầu, cười nói:

— Được rồi, tôi không nói ầu đâu. Cũng như ông, có bao giờ ông nói ầu

với mẹ Tám Lùn, có bao giờ ông không muốn trả nợ?

Lão Hai nghe nói, tự nhiên cười bùng quơ.

— Anh nói thế mà đúng? Ai muốn ôm rơm vào bụng làm gì?

Ca thấy vui vui, vừa bước ra đầu nhà đẩy cái ghe xuống nước vừa nói:

— Để tôi chở ông về một thể.

— Anh vẫn ăn cơm ở nhà bà Hòa?

— Vãn.

— Hi hi... sắp làm rể bà ấy rồi phỏng?

Ca gật đầu, nói đùa:

— Điều ấy chắc rồi. Ông có định mừng tôi không?

Lão Hai bước xuống ghe, lắc đầu:

— Anh cứ làm ra bộ đùa bỡn, coi như việc sắp cưới cô Hường không có thật, tôi trả lời anh sao được.

Nghe giọng thành thật của lão, Ca ngạc nhiên hỏi:

— Bộ ông lại nghe người ta đồn...

— Đồn với đãi cái gì, chính cô Hường cô ấy « tuyên bố »...

— Tuyên bố tôi sẽ cưới cô ấy?

— Đúng thế.

— Thế thì tôi phải sang gặp nhà bà Hòa, hỏi lại cô ấy xem.

Ca vừa nói vừa cười vang.

Trời càng lúc càng nắng, nước càng trong, không khí càng yên tĩnh. Ngồi trên ghe, Ca lại thấy lòng dậy lên nỗi nhớ người khách ở xa. Tay anh chậm rãi khua nước, trí anh mơ hồ hình

ảnh những cô Hường, những mẹ vợ lão Hai, những người chủ nợ keo bần và tàn nhẫn...

Khi Ca mua được một làn xác mạch nha thì trời đã tối. Nghĩ đến đàn vịt, anh lo ngại. Chiều nay, lúc ăn cơm về, anh đã phải lựa thêm hơn một trăm con bỏ vào đám vịt yếu. Qua nhà bà Hòa, anh thấy cô Hường đứng lẫn với đám trẻ ở bên bờ kênh xem người ta thả một cái thuyền giấy xuống cúng. Trên thuyền có bốn lá cờ khác màu cắm theo bốn hướng Đông, Tây, Nam, Bắc, một đĩa hoa quả và một con gà lưng dính đầy tàn hương.

Cô Hường bảo Ca:

— Anh vô mà ăn cơm. Má tôi vừa sang nhà anh.

Rồi cô cười ngật ngheo:

— Bà già ưa nói chuyện xưa với anh phải hôn?

Ca cười theo:

— Tôi là « dĩ vãng », còn cô là « hiện tại » của bà cụ.

Cô Hường cười nữa, xoay người nhìn theo chiếc thuyền giấy.

— Rau thỏ của anh tôi để ở cửa đó, nhớ mà mang về... Ừ trời, anh có con gà mập quá sức hôn?

— Đâu đã mập bằng cô.

Ca vào nhà ăn vội vã rồi nhảy ba bước tới chỗ để ghe chèo riết về. Trên đầu anh trăng sáng, trời xanh. Xung quanh anh, nước rộng lấp lánh. Anh nghe có tiếng chèo mình rọc nước trong cảnh yên lặng bao la. Anh nhớ đến câu nói của mình ban trưa, lúc đi ngang qua chiếc giường lò xo của cô

Hường : « Trời nóng chảy mỡ thế này, mà hai người chen nhau trên cái giường bé xíu này, đánh bài được, lạ thật ». Anh nói xong, Ba Chà đã ngừng lên cười, mũi bóng lên vì gặp ánh sáng, những nếp thịt trên cái bụng ướt nhớt của anh xô đẩy nhau. Còn cô Hướng thì tóc xòa kín cả má, mặt trông tối hẳn lại.

Từ xa, Ca thấy nhà mình nổi lên như một căn lều hoang. Anh nghĩ thầm:

— Đúng là lều, của một tên chăn vịt.

Ở cửa sổ căn nhà, có ánh lửa bập bùng hắt ra khiến Ca tự nhiên yên lòng chèo tới. Những lần về nhà khuya như tối nay, nếu có bà Hòa sang chơi, Ca đều thấy nhà mình có ánh đèn từ xa như thế.

Bà Hòa ngồi trên một tấm ghế ngoài sân đón anh. Bà nói :

— Sao cậu về tối thế ?

Ca vừa kéo ghe lên bờ vừa đáp :

— Khất nợ bà Tư xong, cháu còn phải đi mua xác mạch nha cho vịt.

Hai người đi ra sau nhà.

Ca tới ngay chuồng vịt, vặn lớn ngọn đèn bà Hòa đã đốt sẵn, cúi sát xuống xem. Trong ngăn vịt yếu lại thêm nhiều con chết, mình xếp lại vì bị đồng bọn giẫm lên. Những con khác trông thiếu náo, im lặng chờ chết. Ca cầm mấy con lên ngó, thấy con nào phân cũng dính bết lại ở đấy. Anh rắc một ít xác mạch nha cho chúng rồi quay sang ngăn vịt mạnh.

— Có lẽ đàn này không phải loại con nào nữa. Đã thấy bắt đầu ăn mạnh.

Ca nói :

— Trông chúng ăn vui đấy chứ ?
Cứ nghe rạt rào như mưa.

Bà Hướng vừa nghe vịt ăn trong nia vừa nói.

Ca mang rau lại bên chuồng thỏ. Những đôi mắt trong óng ánh, những đôi tai dài, xô cả lại chỗ dây thép mắt cáo có ánh trắng. Bà Hòa bảo :

— Giống thỏ trắng này trông đẹp nhưng không nặng cân bằng giống lông màu.

— Đạo này chợ chỉ có toàn thỏ trắng thôi bác.

Ca cúi xuống mở cửa ngăn bên cạnh bắt con chó ra. Vì đói quá, con vật đã hết cả nhút nhát, xốc lấy xốc để gói cơm Ca mang ở nhà bà Hòa về.

— Thôi từ giờ trở đi, cho mày tự do ở ngoài, canh nhà canh cửa.

Trước khi vào nhà, Ca để ở giữa mỗi ngăn vịt một ngọn đèn. Chúng sẽ bao quanh ngọn đèn mà ngủ, khỏi xô vào từng xó, giẫm lên nhau.

Ca nhắc thêm cái ghế ra sân, mời bà Hòa ngồi.

— Ở đây, lúc nào cũng thấy trăng.

Bà Hòa nói nghe thật bình yên. Ca nhìn bà, nói một điều mình nghĩ từ lâu :

— Hình như trước ngày bác vào đây, cháu đã biết bác ?

Bà Hòa cười, phảng phất chút duyên dáng lúc thanh xuân :

— Hồi tôi đi, cậu mới bốn năm tuổi. Làm sao cậu biết được.

Ca biện bạch :

— Bốn, năm tuổi... đủ để cháu biết

bác. Cháu chỉ không nhớ được bác thôi.

Anh ra bộ suy nghĩ :

— Hình như có một lần, mẹ cháu bế cháu xuống thăm bác ?

Bà cụ vẫn cười ngất lời :

— Cậu nhầm rồi. Tôi còn nhớ như ngày hôm qua, ngày tôi lấy nhà tôi, lúc đám cưới ra khỏi cổng làng, mẹ cậu còn cặp tóc, bỏ cả ăn cưới ra đứng tiễn tôi ở trước Văn-Miếu. Từ đó, tôi đâu có dịp trở về làng nữa.

Giọng bà Hòa êm êm gọi lên ít nhiều thân mật. Anh không ngờ sau bao nhiêu năm biến đổi, cha mẹ anh chỉ còn để lại một mình anh với bao nhiêu lo lắng hiện tại, anh lại chợt gặp bà ở đây, nghe bà nhắc lại những truyện xưa anh không hề quen thuộc. Ngày mới biết bà, thấy bà tối ngày ôm cái gối dài, ngủ yên lành như một đứa trẻ, Ca đã nghĩ bà chẳng còn chi liên lạc với đời. Không ngờ, ngày này qua ngày khác, Ca lại là người được nghe bà nói nhiều nhất. Và bà đã làm anh quen dần với đời sống thiếu nữ vui tươi của lớp tuổi mẹ anh mà anh không hay. Trước kia, có bao giờ anh nghĩ mẹ anh đã là một cô gái kẹp tóc, một cô gái quê mê truyện đời xưa, ngày ngày ra đầu làng cắt cỏ, chờ đợi vu vơ một vị tướng quân qua đời ?

Bà Hòa nói chuyện tới khuya mới về. Ca tiễn bà ra tới cổng. Lúc bà chỉ còn là một bóng trắng vật vờ, ẩn hiện trên mặt nước xa xa, anh mới quay vào.

Cũng như mấy đêm trước, anh để báo thức vào khoảng hai giờ non vẫn phải cho ăn đêm như mọi ngày đầu, anh lăn ra ngủ

ngon lành. Nhưng mấy giấc sau, anh thức thớm và mỗi khi anh vừa chập chờn thì chuông đã lại reo. Có lúc nghe chuông, anh lắc đầu mấy cái vẫn chưa tỉnh, vẫn không hiểu sao ở ngoài cửa sổ lại có một vầng ánh sáng chói lóa. Mãi lúc anh nhòm hẳn người lên, mới nhận ra đó là mặt trăng đang như xuống gần mặt nước.

Và Ca lại bằng không nhớ đến người khách ở xa.

Ca có ngờ đâu, người khách không tên không tuổi đó lại khiến anh gấp rút cưới cô Hường.

— Thật là vô ý thức.

Ca đã nghĩ vậy lúc trao nhẫn cho vợ ở nhà hàng, lúc người thợ ảnh chụp lóa mắt anh. Anh không biết mình tự sướng mình hay sướng anh thợ ảnh cầu đó.

Ca không ngờ mình đột nhiên bước lên ngôi vị một người chồng mà không mấy may sửa soạn. Anh giống như anh chàng trong truyện cổ, buổi sáng ngủ dậy, đột nhiên thấy mình là vua. Lúc choàng sợi dây chuyền lên cổ Hường, Ca vô cùng lúng túng, thành thật nghĩ rằng mình chưa hề có một ý niệm về đời lứa. Anh nhìn xuống chân Hường thấy đôi giày cao gót nàng mang quá chật, hai bên thành giày ép mu bàn chân phồng lên, đỏ ửng. Rồi anh ngừng lên, cười thật tươi với Hường, lòng muốn nói :

— Anh thương đôi bàn chân quá lớn của Hường ghê.

Nụ cười của anh nở mãi trên môi,

nở với tất cả mọi người. Anh và vợ đi từng bàn chào khách. Khách — đa số là chủ nợ của anh — mừng lại bằng những tràng pháo tay. Mụ Tám-Lùn vỗ tay khoẻ nhất nhưng không phát ra tiếng kêu nào vì hai bàn tay mụ quá đầy.

Ca nghĩ đến câu lão Hai nói « Đồn với đái gì, chính cô Hường cô ấy « tuyên bố »... », ngạc nhiên, không thấy lão có mặt. Anh nhớ rõ, lúc đưa thiệp mời, anh đã chú thích kỹ lưỡng « miễn nhận đồ mừng ». Sao lão vẫn c-de không đến ? Tự nhiên anh nhớ lão, như đã từng nhớ người khách ở xa.

Mãi tới lúc tiệc đã gần tàn, Ca mới nghe thấy tiếng nói của lão. Lúc đó, anh đang bảo vợ sửa soạn để chào khách lần cuối, thì người bồi phòng vào báo

« có người gọi « tê-lê-phôn »

Ca chạy ra quầy hàng, nhắc ống lên nghe, ngạc nhiên vì một câu nói cáu kỉnh ở bên kia đầu dây : « Đây, cầm lấy, nói ngay đi. Bộ muốn mất thêm năm đồng nữa hử ? » Tiếp đó, mới đến giọng lão Hai hoảng hốt : « Alô, alô, này anh Ca đây phải không ? » Sau khi biết chắc Ca nghe mình lão hấp tấp nói : « Tôi mắc kẹt nhiều chuyện quý. Anh thứ lỗi cho nhé. Thôi thì, có lời chúc

anh chị bách niên giai lão, đầu bạc răng long ». Ca mỉm cười cảm ơn lão rồi quay vào. Hường hỏi, anh bí mật đáp :

— Tối nay anh sẽ nói cho nghe.

Và tối tân hôn, nhờ câu truyện lão Hai sai điện thoại, Ca tưởng sẽ tránh được những suy nghĩ vẩn vơ về việc mình cưới vợ. Nhưng lúc gần sáng, Ca lại đột nhiên tỉnh giấc. Nhìn Hường nằm thiêm thiếp, anh lại ngạc nhiên vì nguyên do đám cưới của mình. Ca chỉ nhớ mang máng, vào một đêm nào đó, lúc mặt trăng như sà xuống mặt nước trước cửa nhà, anh chợt thấy thất vọng vì người khách ở xa.

— Người đó cũng như vị tướng quân, có bao giờ để mẹ con mình được gặp.

Ca nghĩ thầm.

Cô Hường chợt mở choàng mắt. Thấy Ca vẫn thức, cô hỏi :

— Sao anh chưa ngủ ?

— Anh đang nghĩ đến « dĩ vãng » của mẹ đã làm lễ cưới với « hiện tại » của mẹ.

— Trời ơi, anh chỉ giận hoài.

Y-UYÊN

TÌM ĐỌC

MÙA XUÂN TRÊN ĐỈNH NON CAO

của VŨ HẠNH

Bìa của THÁI TUẦN

Minh họa của PHẠM TĂNG

NHÀ CỎ THƠM ấn hành

ĐOÀN THÊM

Cúc với mai của thời vàng

lại nở

Rào bông vẫn tím

Màu khô chẳng nói gì hôm nay

Tảng đá chịu thăm trơ bóng sừng

Sóng cát lạc bờ xa muôn năm

Trồn chân rẽ phía mặt trời khuất

Đường bụi lăm không dẫn về đâu cả

Vàng trắng lảng trốn chiều mong thơ

Rụng lá chưa từng quen hương gió

Rụng tóc chưa từng quen nếp sống

Mười phương khép cửa về quê tiên

Nhân danh lớp cỏ rừng vô-vị

mọc đầy sa-mạc bưng sao

Đánh lên tiếng hát

Hát câu võ điệu đề tha vắn

Hát cho buồn cho dịu cho chìm cho

quạnh

ôi viễn vọng kéo dài muôn dặm trái

mùa hoang đuổi vớt du dương

Bên kia ráng mây

bên trên các cao vờn thoát nắng

trong nguồn mát lạnh vô-vi

Có ai thương những con người tắt lửa

nghe vắng chờ yên

đợi những tin lành không đến

từ mấy mươi lần phai khóm cúc

mấy mươi phen đổi chuyển dò ngang

Trước sau cơn

quả gánh mơ màng

Bán rẻ mãi

còn dư tia sáng lạnh

Đi nhặt ý hoa

Đi tìm lối ca

Nơi đây dừng gót vì yêu lỡ

Vượt đỉnh băng treo mới biết nhà

Mở chương dã-sử vào thôn khói

Rẽ sóng quang-âm thử cảm thuyền

Gặp những nàng xuân ôm nụ trắng

Hẹn ngày mở hội khắp thiên-nhiên

Thủy-Triều V

. Đ.T.

SỔ ĐẤT CẦN CHO CON NGƯỜI

Nguyên-tác của TOLSTOI

Bản dịch của NGUYỄN-VANG-HỘ

Pakhomm, một nông dân Nga, muốn mở rộng đất đai của mình. Anh được biết dân Baschkirs ở miền Đông nước Nga bán đất giá rất hạ. Anh liền góp nhóp tiền bạc và lên đường đi tậu đất.

Người chủ làng nói: « Chúng tôi bán đất tính theo ngày. Tất cả sổ đất mà anh đi bao quanh trong một ngày sẽ thuộc về anh. Và giá tiền mỗi ngày là một ngàn « rúp ».

Pakhomm ngạc nhiên nói « Nhưng trong một ngày người ta có thể đi quanh một miếng đất rất lớn ! ».

Người chủ làng liền cười:

« Tất cả sổ đất ấy sẽ thuộc về anh với một điều kiện: Nếu anh không trở về chỗ khởi hành trong vòng một ngày thì sổ tiền của anh kể như mất ».

Pakhomm nói:

« Làm sao đánh dấu tất cả những chỗ tôi đi qua ? ».

— Chúng tôi sẽ đền chỗ nào anh thích, tùy anh chọn. Chúng tôi sẽ đứng đó; còn anh thì anh sẽ đi quanh. Gia nhân của chúng tôi sẽ cỡi ngựa đi theo anh và sẽ cầm cọc làm ranh chỗ nào anh bảo họ. Rồi từ cọc này đền cọc kia, chúng tôi sẽ cho cày một đường thẳng. Anh muốn đi một vòng lớn bao nhiêu cũng được. Chỉ có điều là trước khi mặt trời lặn anh phải về tới chỗ khởi hành. Tất cả sổ đất anh đi bao quanh được sẽ là của anh ».

Pakhomm đồng ý...

Hôm sau, trời vừa sáng, mọi người ra đi...

Người chủ làng dỡ cái nón da chôn của mình xuống đặt trên đỉnh đồi. Ông nói:

« Đây là mức khởi hành. Gia nhân của anh sẽ ở lại đây. Anh đặt tiền đi. Anh khởi hành từ đây và sẽ trở

về đây. Tất cả sò đất anh đi bao quanh được sẽ thuộc về anh ».

Pakhomm bước đều, không mau, không chậm. Đi được chừng một cây sò, anh bảo cầm một cây cọc. Anh tiếp tục đi. Anh thấy hăng hái, anh bước nhanh hơn. Được một đôi đường nữa, anh bảo cầm một cây cọc khác. Pakhomm quay lại ; anh thấy rõ ngọn đồi nhuộm nắng cùng những người ở trên ấy.

Pakhomm ước chừng mình đã đi được năm cây sò.

Cảm thấy nóng, anh cởi áo ngoài ra, thắt dây lưng lại, rồi tiếp tục đi. Anh đi được năm cây sò nữa. Trời bắt đầu nóng ; anh nhìn mặt trời : đã đến giờ ăn sáng. Anh nghĩ thầm :

« Một phần tư ngày đã qua, nhưng có tới bốn phần tư trong một ngày ; bây giờ chưa phải lúc quay về. Nhưng ta sẽ cởi giày ra ».

Anh ngồi xuống cởi giày, rồi tiếp tục đi. Anh cảm thấy dễ chịu. Anh nghĩ thầm :

« Ta đi thêm năm cây sò nữa rồi sẽ rẽ sang trái. Đất ở đây tốt quá. Ta càng đi xa, đất càng tốt ».

Anh tiếp tục đi thẳng. Anh quay mặt lại và chỉ thấy ngọn đồi mờ. Những người trên ấy trông đen lại, giống như loại bọ nhỏ. Anh nghĩ thầm :

« Phải rồi ! Bây giờ ta phải đi về hướng này. Ta đã được khá nhiều đất rồi ».

Mồ hôi đầm đìa anh thấy khát.

Pakhomm giờ chai nước lên và vừa đi vừa uống. Anh bảo cầm thêm một cây cọc nữa rồi rẽ sang trái.

Anh cứ đi, cứ đi : cỏ mọc cao, trời nắng gắt. Pakhomm bắt đầu thấy mệt. Anh nhìn mặt trời và nhận thấy đã đến lúc ăn trưa. Anh nghĩ thầm :

« Ta nên nghỉ một lát »

Anh dừng lại, ăn một chút bánh mì, nhưng không ngồi xuống. Anh nghĩ thầm :

« Ngồi xuống mình sẽ muốn nằm và sẽ ngủ ».

Anh dừng lại một lúc để thở, rồi lên đường.

Thoạt tiên anh bước nhanh vì sau ăn anh thấy có sức hơn. Nhưng trời nóng quá, mà anh thì lại buồn ngủ. Pakhomm cảm thấy mệt nhoài, Anh nghĩ thầm :

« Nhưng một giờ đau khổ trăm năm cũng nhàn ».

Pakhomm đi về phía ấy thêm chừng mười cây sò nữa ; anh định rẽ sang trái, nhưng anh chợt thấy một khe nước. Anh nghĩ thầm :

« Bỏ khe nước này uống, ở đây trông gai chắc tốt lắm ».

Và anh tiếp tục đi thẳng.

Anh đi bọc đồng suối, bảo cầm một cây cọc rồi rẽ sang trái. Anh quay lại nhìn ngọn đồi. Những người trên ấy trông mờ mờ. Anh đang ở cách xa đồi hơn mười cây sò. Anh nghĩ thầm :

« Hai cạnh đầu ta đã đi dài quá,

cạnh thứ ba nẩy ta đi ngán lại ».

Anh bước nhanh hơn. Anh nhìn mặt trời : đã gần lặn. Trên cạnh thứ ba anh đã đi được hai cây sò và ngọn đồi còn cách xa độ mười lăm cây sò. Anh nghĩ thầm :

« Sở đất của ta không được đều nhưng phải trở về. Như thế nầy cũng được nhiều đất lắm rồi ».

Và Pakhomm đi thẳng về phía đồi.

Nhưng Pakhomm cảm thấy quá mệt. Càng bước chân anh càng đau. Chân anh bị nhiều vết thương anh muốn quỵ xuống. Anh muốn ngồi nghỉ, nhưng anh không được làm thế. Vì như vậy anh không thể về đến mức trước khi mặt trời lặn. Mặt trời không chờ đợi anh. Mặt trời dường như muốn lặn ngay như bị ai dìu xuống. Anh nghĩ thầm :

« Ôi ! Có lẽ ta đã lắm rồi : ta đã đi nhiều quá ; nếu ta đến mức không kịp lúc, ta sẽ ra sao ? Còn xa quá, mà ta thì đã mệt lắm rồi ! Miễn ta đừng mất tiến và công-phu là được rồi. Ta phải làm một việc khó làm được ».

Pakhomm bắt đầu chạy lúp-xúp. Chân anh bị lột da đến chảy máu, nhưng anh vẫn chạy ; vẫn chạy. nhưng vẫn còn xa quá. Anh vứt áo, giày, chai, nón. Anh nghĩ thầm :

« Ta tham quá. Hông việc rồi. Chắc không bao giờ ta có thể về đến mức trước khi mặt trời lặn ».

Và vì sợ nên anh thấy khó thở.

Pakhomm vẫn chạy ; mồ hôi làm chiếc áo sơ-mi và chiếc quần đùi của anh dính sát vào da ; miệng anh khô ran. Ngực anh phồng lên như bể lò rền ; tim anh đập như một cái búa ; anh không còn cảm giác gì về cặp chân nữa. Anh sắp quỵ. Bây giờ Pakhomm không nghĩ đến đất nữa, anh chỉ nghĩ đến việc làm sao đừng chết ngất. Anh sợ chết, nhưng anh không thể dừng lại. Anh nghĩ :

« Ta đã chạy quá nhiều ; nếu bây giờ ta dừng lại, họ sẽ bảo ta là thằng ngu ».

Anh nghe dân Baschkirs huýt sáo la ó, nghe anh càng thấy nóng ở tim hơn nữa.

Pakhomm vận-dụng tất cả sức lực ; còn mặt trời thì dường như muốn lặn ngay. Mức về không còn xa lắm. Pakhomm đã thấy mây người trên đồi ! Họ vẫy tay ra hiệu bảo anh nhanh lên. Anh cũng thấy cái nón dưới đất với đồng bạc ; anh nhìn thấy người chủ làng ngồi dưới đất. Anh nghĩ thầm :

« Được nhiều đất lắm rồi ; Trời có để ta sống trên đất ấy không ? Chết mất ».

Và anh vẫn chạy.

Anh nhìn mặt trời ; mặt trời màu đỏ, lớn ra, xuống gần tới mặt đất ; cả vòng tròn đã bị che khuất. Khi Pakhomm chạy đến đồi mặt trời đã lặn hẳn.

Pakhomm kêu lên : « A !... ». Anh nghĩ là anh phải mất tất cả rồi ; nhưng anh nhớ lại là ở dưới

này anh không còn thấy mặt trời nữa, chứ trên ấy họ thấy mặt trời chưa lặn.

Anh chạy nhanh lên ; anh thấy cái nón. Kìa cái nón ! Anh trượt chân, anh té nhưng bàn tay nắm được cái nón. Người chủ quán reo lên :

« A ! Hoan nghênh ! Can đảm lắm anh được rất nhiều đát ».

Người chủ làng ném cho đũa ở một cây cuốc, bảo : « Hãy chôn chủ mấy đi ».

NGUYỄN VẠNG HỘ
dịch

Chia buồn

Được tin bạn *Nguyễn-Nho Sa-Mạc* đã tạ thế tại Vĩnh-diện ngày 8-2-1964, chúng tôi xin thành thật chia buồn cùng gia đình bạn và xin cầu mong hương hồn bạn sớm siêu thoát.

**Hà-Nguyên-Thạch, Luân-Hoán, Đĩnh-Hoàng-Sa
Hoàng - Lộc, Tàn - Hoài Dạ - Vũ, Xuân - Hiến**



Đau đờn nhận tin :

Nguyễn-Nho-Bửu đã chết

(tức thi sĩ Nguyễn-Nho Sa-Mạc)

Bạn : **Hoàng-thị Bích Ni,**

Huy-Giang, Nguyễn-Đông-Ngọc

Vương-Thanh, Phan-Duy-Nhân

Chia Buồn

Được tin nhà văn :

LÊ - VĂN - TRƯƠNG

đã từ-trấn, Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng chia buồn cùng tang quyền và cầu chúc hương hồn nhà văn Lê - Văn - Trương sớm tiêu diêu miền cực lạc.

B.K.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

**TẠI HẠI GÂY BỞI CHÁ NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG**

**Cl^e d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TẠI NẠN**

**GIAN PHI — HẠNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG**

**Cl^e d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers**

Capital : 3 Milliard de Frs

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

8.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 888.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VA ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHANH TẠI SAIGON

Đ. Dương Tôn-thất-Đam (tên cũ Chaigneau)

Điện : 21.253 - 2.913

SINH HOẠT

QUA CÁC HÀNG SÁCH

Hình bóng cũ

của SƠN NAM

HƯƠNG-QUẢN Nguyễn-Văn-Nhan lập mưu giết người thâu-khoán phụ trách xây cất ngôi đình cho làng Mỹ-Lâm để đoạt sổ tiền năm ngàn mà anh ta làm thú-quy. Xong, hương quản Nhan từ chức, lên Sài-Gòn lo lót « quan Tây », về chiếm ruộng đất đã có hoa lợi ở miền Mồp-Giang. Gã không xây đình nhưng cất lên một ngôi miếu ở trong vườn ruộng của mình để thờ thánh thần đất nước. Khi bọn kinh-lý về đo đạc ruộng để lập địa bộ cho Nguyễn-Văn-Nhan thì một cô gái trong vùng tìm cách ngăn cản, chống lại hành động cướp đất của bọn phong kiến dựa vào thế lực thực dân. Cô gái bị đâm chết bí mật bởi một thủ hạ của hương-quản Nhan. Rồi ngày sau, Tư .. Hiem, một dân trong vùng đã bị cờ bạc làm cho sạch túi, được Hương - quản Nhan mua

chuộc, « đập đồng » trước miếu, tự xưng là Chúa Ngung Ma-Nương. Để che đậy cái chết mờ ám của cô gái nọ và để bảo vệ quyền lợi cho Hương-quản Nhan, Chúa Ngung Ma-Nương giải thích là mình đã bắt cô thiếu nữ nọ cho chết để đem cô về âm phủ làm vợ, Chúa Ngung Ma-Nương là người khai khẩn đất ruộng từ ngàn năm xưa tại đất Mồp-Giang bây giờ cho Hương-Quản Nhan mượn lại . . .

Nhiều năm sau, đại diện chủ Henri Nguyễn-Văn-Nhan nghiêm nhiên trở thành kẻ có thế lực.

Giặc Pháp bị đuổi ra khỏi đất nước đã tìm mọi cách quay lại : Trước sức chiến đấu của toàn dân, Henri Nguyễn-Văn - Nhan phải rời ruộng đất của mình đến trú ngụ tại thành phố Rạch-Giá, nương nhờ thế lực của quân đội Pháp. Miền Mồp - Giang trở thành hoang vu, dân chúng tản cư hầu hết chỉ còn sót lại trên mười gia đình cùng khôn.

Nguyễn-Văn-Nhan bèn mời thi si

Hoài-Hương, một gã thanh niên thất nghiệp làm thợ « đồng ruộng » gởi lên các báo Saigon để chờ tuyết vọng đồng tiền nhuận bút không bao giờ thấy, viết lại tiểu sử của lão, và thêm dệt thêm lịch sử Chúa Ngung Ma-Nương để cổ thuyết phục viên quan Tư Ca-Rê — một tên thực dân có máu Kháo-Cổ — cho quân đóng lại đồn bốt tại miền Mỏp-Giăng hầu bảo vệ sở ruộng đất của lão và gỡ gạc lại « uy tín » của lão đối với tá điền.

Sự tình cờ đã khiến Hoài-Hương gặp lão Tư-Hiêm, và biết rõ mờ sự thực về Nguyễn - Văn - Nhan. Nhưng nghèo túng và tò mò đã đẩy Hoài-Hương vào con đường phục vụ cho những tham vọng của Nguyễn-Văn-Nhan. Hoài-Hương dùng ngòi bút mình anh hùng hóa con người Henri Nhan, xem gã như một nhân-sĩ có lòng ái quốc chân chính và xuyên tạc hết sự thực về việc giết người cướp đất của gã bằng cách đổ tội lên đầu thần thánh. . . .

Nhưng lão Tư-Hiêm bây giờ già nua, xơ xác, bắt đầu hồi hận tội ác của mình. Được biết giặc Pháp trở lại Mỏp-Giăng qua sự tiết lộ của Hoài-Hương, lão trở về đất cũ, đội quân Pháp đến, đập đổng tự xưng là Chúa Ngung Ma-Nương, đòi vãn cổ Pháp, tố cáo tội ác của Henri Nhan, tuyên bố giao hết đất ruộng của Chúa cho cô gái quê can đảm đã bị giết chết ngày xưa.

Lão Tư-Hiêm bị bắt về bị thủ tiên xác ném xuống biển.

Thi sĩ Hoài - Hương được vợ của

Henri Nhan đưa một trăm bạc tiền chân, bảo trốn khỏi vùng Rạch-Giá.

Nhiều năm về sau, thời cuộc đưa đẩy, Hoài-Hương gặp lại ông bà Henri Nhan ở tại Saigon. Họ vẫn no đủ, giàu sang, lập gánh cải lương, chiêu tập đào kép, soạn giả và Hoài-Hương lại tiếp tục ngửa tay nhận tiền, xuyên tạc sự thực, viết tuồng, viết tích cho gánh cải lương của bà Henri Nguyễn-Văn-Nhan trình diễn. . . .

*
* *

Câu chuyện trên đây, trình bày theo thể hồi ký, có một nội-dung khá mới, mặc dầu chỉ là một câu chuyện cũ.

Tác-phẩm đã phô bày được một lớp hạng người tiêu biểu — loại Henri Nhan — hình ảnh phong kiến tìm thầy rải rác ở khắp đồng ruộng Miền Nam, đã vận dụng mọi thủ đoạn, kể cả thủ đoạn giết người và mọi thế lực, kể cả thế lực thực dân và thế lực của ma quỷ, thánh thần hầu cướp đoạt lấy quyền lợi mớ hôi nước mắt của người nông dân và củng cố quyền sở-hữu bất-chính của mình.

Henri Nhan đã từ địa vị một người Hương-quản bé nhỏ tiền dần lên cái địa vị một đại điền chủ cao sang nhờ đã tận dụng, kết hợp được mọi thủ đoạn và thế lực ấy. Gã đã bỏ ra hai trăm đồng bạc lạc quyền xây cất ngôi đình, sở tiền lớn hơn mọi người để được dân làng tín nhiệm giao cho giữ chức thủ quỹ và với các nhiệm vụ ấy

gã giết người thâu để đoạt công-quy. Trên đường tiền thân, bàn tay của gã tiếp tục vấy máu, máu của nông dân mà cái hình tượng tiêu-biểu hơn hết là cô gái quê can-đảm nhiệt thành liễu lĩnh cõi tuột áo quần trước viên kinh lý để bảo vệ những lợi quyền chánh đáng của mình và đồng bào mình, cuối cùng là máu lão Hiêm, tay sai của gã, đã hồi tâm lại sau những đam-mê mù-quáng, cò gắng nói lên tiếng nói sự thực một cách ngắn ngủi.

Hình bóng cũ đã lột trần được một loại khuôn mặt gian ác ở trong xã-hội Việt-Nam, một mẫu người giết người cướp của cuối cùng muốn làm chí sĩ, anh hùng nhờ cái thế lực ngoại-bang mà tên quan tư Ca-Rê là kẻ tiêu biểu và nhờ ngòi bút đua nịnh của bọn bồi bút sẵn sàng xuyên tạc sự thực để kiếm miếng ăn điều thuốc trong sự nhàn hạ, mà kẻ đại diện rõ rệt là tên thi-sĩ Hoài-Hương.

Trong 9, 10 năm văn học vừa qua đây là tác-phẩm có một nội-dung tiên bộ, cụ thể hơn hết, đây là công-trình văn-nghệ xứng đáng với cái ý thức cứu-tiền cả dân-tộc. Ngày nay nói về dân chủ, nói đến dân-sinh, để cập dân quyền, chúng ta đều thấy vắn để trọng tâm là sự cải cách nông thôn. Nhưng vắn để nông thôn không thể giải quyết thực sự nếu không nhìn thấy hình bóng của Henri Nhan — một cái hình bóng chưa hẳn đã cũ — bởi vì gã Henri Nhan vẫn còn

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Mùa xuân trên đỉnh non cao :** tập truyện của Vũ-Hạnh do Cảo-Thơ xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 230 trang, trình bày mỹ thuật, gồm 4 truyện đặc sắc loại đặc biệt không hề giá bán.

— **Nhận diện vóc dáng Nguyễn-Đức-Quỳnh :** truyện ký của Thế - Phong, do Đại Nam Văn Hiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 46 trang, tái bản lần thứ hai, giá 25đ.

— **Nỗi buồn tuổi trẻ :** truyện dài của Tuấn-Huy do Tiến-Hóa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 310 trang, giá 36đ.

— **Giờ thứ 25 :** Nguyên tác « La vingt-cinquième heure » của C.V. Gheorghiu, bản dịch của Lê-Ngọc-Trụ và Võ-Thị-Hay, do Ngày Nay xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 478 trang, giá 80đ.

— **Tin tưởng :** tập san số mùa xuân (số 1) của Đoàn sinh-viên phật-tử Việt-Nam. Mỗi số dày trên 70 trang, khổ 16×24, số đặc biệt không hề giá bán.

— **775 Bài toán đố :** (lớp nhất và luyện thi đệ thất) của ông Trần-Văn-Thuận, Sống - Mới xuất bản. Sách dày 210 trang, giá 30đ.

muôn ngàn biến dạng, muôn ngàn kiểu lối ở trong sinh hoạt ruộng đồng.

Chúng ta yêu mến tác giả đã phát biểu được ít nhiều hình ảnh đơn giản nhưng mà sâu sắc của sự thực ấy, đã nhắc nhở lại ở giữa sinh hoạt luôn luôn đòi hỏi dân-chủ hiện tại một Henri Nhân gian-ác, một gã Tư Hiêm hời tằm và một thi sĩ Hoài Hương xa rời cuộc sống cần lao nên đã phân bội quán chúng vì một môn tiền thù lao bé mọn và đòi nụ cười khuyến khích của vợ tên Nguyễn-Văn-Nhan.

Nội dung tác phẩm trình bày bằng một nghệ-thuật đơn giản mà hấp dẫn dung hòa được lời kể chuyện linh hoạt tự nhiên với cái úp mở khéo gợi tò mò thường thấy trong những tác phẩm trình thám quái đản. Ngoài ra còn hai tính chất quen thuộc ở trong bút pháp Sơn-Nam đem lại khá nhiều ý-vị cho truyện là cái tình thần hài hước nhẹ nhàng và cái không khí khảo cổ, ở đây nhờ kết hợp với nội-dung dân-tộc nên có giá trị sâu xa.



Tuy vậy, đọc xong 101 trang sách của *Hình bóng cũ* chúng ta không khỏi có điều tiếc rẻ. Sự tiếc rẻ này nhắc lại một nhược điểm cũ của Sơn-Nam là sự kéo dài câu chuyện đã làm lòng lèo bồng cục, pha loãng nội-dung, lạc mất trọng tâm tác-phẩm. Tác-phẩm gồm có hai phần, một phần kể chuyện thi sĩ

— **Tin tưởng** : tập san xuân Giáp-Thìn, số 5 và 6 của Hội Phật-tử Việt-Nam hải ngoại, xuất bản tại Paris, chủ trương biên tập : Nguyễn-Ân. Tòa soạn đặt tại 55 rue Doudeauville, Paris 18^e — Mỗi số in trên khổ 21×27. Một năm 12 quan Pháp.

— **Tổng-kết văn-học thế kỷ XX** do Phạm-Đình-Khiêm dịch cuốn « Bilan littéraire du XX^e Siècle » của R.M. Albères, Viện Đại Học Huế xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 3/6 trang, có thêm phần Phụ lục : tiểu sử văn thi sĩ Pháp thế kỷ 20, giá 50đ.

— **Nhận thức** : nguyệt san do một nhóm văn nghệ sĩ chủ trương. Số ra mắt phát hành tháng 2-1964 gồm nhiều bài vở của nhiều cây bút trẻ. Chủ nhiệm : Nguyễn Đắc Xuân thư ký tòa soạn : Hà-Nguyên-Thạch.

— **Tình thương** : nguyệt san do sinh-viên y-khoa chủ trương, số 2, xuân Giáp-Thìn 1964. Tập san khổ 22×28 gồm các sinh-viên y-khoa, với chủ nhiệm : Phạm-Đình-Vỹ, Chủ bút : Nguyễn-Vĩnh-Đức, Tổng thư ký : Trần-Xuân-Dũng, và tòa soạn đặt tại 28 Trần-Quý-Cáp Saigon. Mỗi số 100 trang giá 15đ.

Trân trọng cảm-ơn các tác giả, nhà xuất-bản trên đây và xin ân-cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

Hoài-Hương viết lại tiểu sử cho Henri Nhan. một phần là đoạn hai bên tái ngộ ở đất Saigon. Nếu tác-giả dừng lại ở phần thứ nhất và chịu gác bút ở trang thứ 72 thì chúng ta được thưởng thức một cái truyện vừa đọc đáo. Và nếu muốn kéo dài thêm cho có đoàn viên tái ngộ thì ta mong rằng tác giả không nên đi quá 10 trang, đủ để gặp lại bà Henri Nhan trên chiếc Hoa-Kỳ mới tinh và chàng thi sĩ năm nào lại chia bàn tay gầy guộc nhận món tiền mới, tiếp tục xuyên tạc sự thực trong các tuồng tích cải lương không phải để đánh lừa bọn thực dân mà để lừa đảo quần chúng xem hát.

Khờn nổi, tác giả cũng thừa hiểu rằng cái phần thứ hai của mình chẳng thú vị gì nên đã khuyên khích độc giả qua câu « Xin phiền các bạn hãy ráng đọc thêm vài trang

nữa, tuy nó hơi nhàm »... (trang 73) Thực ra độc giả đã phải đọc thêm gần 30 trang ! Và nó không nhàm, nhưng nó vô ích và có nhiều đoạn tối tăm, khó hiểu. Người đọc đến phải nghĩ rằng, hoặc là câu chuyện có ít nhiều liên quan đến tâm sự của tác giả cho nên tác-giả vẫn còn kéo dài trong sự luyến tiếc được nói về mình, hoặc là tác-giả không quen quan niệm những vấn đề lớn đòi hỏi có một chủ-định nội-dung nhất trí. Nói một cách khác, Sơn-Nam cảm thấy vẫn để hơn là suy nghiệm, phân-ích.

Dẫu có « cái đuôi rất độc » quyển *Hình Bóng Cũ* vẫn là tác-phẩm xứng đáng để cho mọi người tìm đọc. Cái hình bóng cũ vẫn còn là hình bóng mới ở trong sinh - hoạt thường ngày, kể cả sinh hoạt xã-hội cũng như sinh-hoạt văn-chương.

CÔ PHƯƠNG-THẢO

ĐỌC VÀ CỎ ĐỘNG:

Tự Do

Nhật báo tranh đấu dành tự do cho dân tộc, xây dựng dân chủ cho quốc gia và cải tiến xã hội.



Chủ-nhiệm : PHẠM-VIỆT-TUYẾN — Chủ bút : NG-DUY-CÂN
Thư-ký Tòa-soạn : NGUYỄN-TRỌNG — Quản-lý : TRỰC-NGÔN
Báo quán : 25-27-29 Võ Tánh — Saigon, H.T. số 653. Đ.T. 25.521

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách Khoa vừa nhận được :

Cũng vì hồng thi (Hạ - Kim -
Tuyền) Tuổi mười lăm (Phạm-
Ngọc-Ánh) Mùa xuân kỷ niệm
(Võ Văn Minh) Thư em hậu
phương — Ưu tư... (Lê Đình
Phạm Phú) Vòng mơ (Chinh Hữu)
Em bé đánh giày (Xuân-Bích)
Mặt trời dậy... (Trăng Thệ Hải)
Trở về (Nguyễn-Ngọc Lê) Buồn

theo nhịp sống (Mặc Duy Thanh)
Bài thơ sang mùa (Lê Phương
Đình) Không ngủ (Hoàng Mộng
Vĩnh) Sám hối (H X T) Những
người ra đi (Mai Lê Văn) Nếu
tôi là người đau khổ (Nhật
Nguyệt) Điều buồn đông (Hoài-
Vọng) Đôi bàn tay (Mây Hải
Đào) Vọng đời (Phạm Vũ) Khai
bút năm Giáp-Thìn... (Hồng-
Khanh-Huỳnh-Khinh)

Để tránh nạn mua báo đắt hơn giá ghi
ngoài bìa, bạn hãy đặt mua ngay từ
bây giờ tại các hiệu sách báo quen thuộc

VĂN

số 5

GIỚI THIỆU NHỮNG TIẾNG NÓI MỚI TRONG VĂN CHƯƠNG

MÙA XUÂN GIỚI THIỆU SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO

ĐÃ XUẤT BẢN

BA SINH HƯƠNG LỬA	Doãn Quốc-Sỹ	80đ
THƠ TUỆ MAI	Tuệ-Mai	50đ.
CHỜ SÁ G	Nguyễn-Sỹ Tề	(hết)
DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH	Doãn-Quốc-Sỹ (tái bản)	40đ.
BAN CHÚC THƯ TRÊN NGỌN ĐỈNH TRỜI	Mai-Thảo	50đ.
TRÁI CÂY ĐAU KHỔ	Doãn-Quốc-Sỹ	40đ.

SẼ CHO PHÁT HÀNH MỘT NGÀY GẦN ĐÂY

GÌN VÀNG GIỮ NGỌC	Doãn-Quốc-Sỹ (tái bản)
BƠ VƠ	Cô-Minh-Đức

Thư từ giao dịch xin đề theo địa chỉ :

DOÃN-QUỐC-SỸ 338/60b Thành-Thái Chợ Lớn

Đính Chính

Bài « Trà lược sử và ý nghĩa »

Bá h khoa số 169 Trang 65, cột 1, dòng thứ 2 : Thay vì « 80â—821 » xin đọc là « 806 821 » — Trang 67, cột 2, dòng thứ 2 : thay vì « 1660 — 1611 » xin đọc là « 1660 1911 » — Trang 67, cột 2, dòng thứ 11 : thay vì « Đời Khang-Hi 1692 — 1772 » xin đọc là « Đời Khang Hi 1692 — 1722 » — Trang 69, cột 2, dòng thứ 38 : thay vì « Ưng-chủng-trà » xin đọc là « Ưng-chủy-trà ».

755 Bài Toán đố

LỚP NHẤT VÀ LUYỆN THI ĐỀ THẬT

Của Ô. TRẦN VĂN THUẬN

Hiệu trưởng trường Bình Thới Phú-Thọ.

Các bài toán đều chia thành loại có bài giải mẫu và bài giải những tính khó.

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone « 20.821 » — SAIGON

Nhận thức

TIẾNG NÓI THANH-NIÊN SINH-VIÊN HIỆN-ĐẠI

●
NGUYỆT-SAN

SỐ RA MẮT : Tháng 2-1964

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trắng sáng, Giã từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

- Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260 \$
- 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :
- 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110 \$)
- 12 tập (1961-63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65 \$)

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

Có bán tại các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa

160, Phan-Dinh-Phùng Sài Gòn

NHẬT-BÁO THÌ QUÁ NHIỀU, MỖI NGÀY BIẾT CHỌN ĐỌC TỜ NÀO ?

CÂU HỎI TRÊN ĐẶT RA MỘT SỐ TIÊU CHUẨN
ĐỀ CHỌN BÁO ĐỌC ĐƯỢC — ĐỌC ĐƯỢC NGHĨA LÀ :

- Trước hết, không có hại cho vợ, con trong gia đình về đạo-đức.
- Báo phải có văn-đề, có bản luật thời cuộc chứ báo không hoàn-toàn là một thứ giải trí vô-bổ.
- Báo phải có nhiều tin, nhưng phải là tin có thể « tin được ».
- Báo phải tranh đấu cho Dân, dám ăn, dám nói, dám tin ở sức mạnh của ngòi viết.

Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO

THỰC CÓ ĐỦ MỌI ĐIỀU NÓI TRÊN
ĐÓ LÀ TỜ BÁO MÀ CHỒNG CŨNG ƯA,
VỢ CŨNG THÍCH CON CŨNG HAM

Bạn thử đọc một số xem !

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

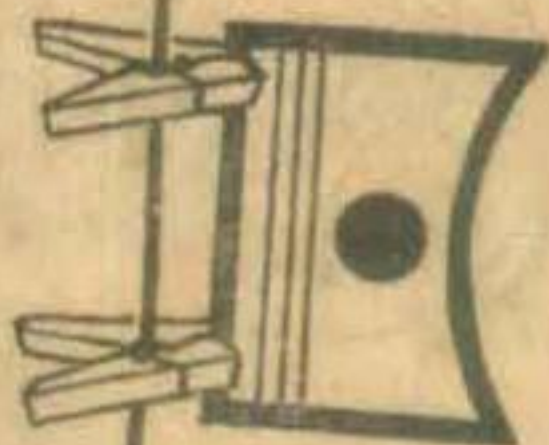
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**

Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations



hơn 50 năm tại Việt - Nam



TRONG GIA-ĐÌNH EM-AM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai **"HÒA TIỀN"**

COTAB



Cigarettes

VIRGINIE